

## **Di thảo số 8:**

# **Kế hoạch khai thác tài nguyên đất nước (Khai hoang từ)**

Trước âm mưu thôn tính Việt Nam của Pháp, các đại thần Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành, Phan Huy Vinh, Đoàn Thọ có tâm yêu nước, nhưng không có tài cứu nước. Vua Tự Đức có tinh thần trách nhiệm nhưng cũng loay hoay không tìm được phương sách nào có thể cứu nước yên dân. Trong khi đó Nguyễn Trường Tộ bình thản đề nghị kế mua thuyền máy, đóng thuyền máy (di thảo số 6), đào kinh rạch (di thảo số 16), khai thác tài nguyên quốc gia (di thảo số 8) và liên kết với Anh quốc, là một nước đối địch lâu đời với nước Pháp. Phải thay đổi phương cách hành động và suy nghĩ thì mới mong có ngày đất nước giàu mạnh, có đủ khả năng chống ngoại xâm. Nguyễn Trường Tộ dâng lên vua Tự Đức và triều đình Huế bản điều trần kế hoạch khai thác tài nguyên quốc gia (di thảo Khai hoang từ).

*"Kinh dân mấy lời trình bày những điều mắt thấy tai nghe về đường lối cố hữu trong việc khai hoang của người phương Tây. Nước ta phải gấp rút tính liệu mưu kế*

*trước để chiếm ưu thế, để mưu đồ lợi ích vĩnh viễn, để giảm bớt những việc bức thiết hiện nay.*

*"Nguyên phương Tây, 500 năm nay, tất cả những nơi nào họ đã vững chân và không có gì trở ngại thì trước hết họ dùng lời mềm dẻo cầu xin. Những sự tình trong lời xin của họ tôi đã nói rõ trong tờ bẩm trước. Nếu việc xin của họ gặp khó khăn trở ngại, họ cũng không cưỡng ép mà cứ dần dần thi hành các âm mưu quỷ quyệt để mưu chiếm lấy hết. Nhiều nước đã bị như vậy rồi.*

*"Hiện nay họ đã sai người đi theo Tiền Giang dọc thẳng lên các đường đến tận Vân Nam. Những nước nhỏ ở phía Tây ven sông thuộc Xiêm La thường bị họ dùng kế ly gián để dễ bề sai khiến. Họ còn lên tiếng xin nước ta cho họ sai người dọc theo đường núi từ Bình Thuận ra Bắc đến Tuyên Giang để dò đường trước, rồi sẽ sai binh thuyền dọc theo ven biển từ Bình Thuận đến Quảng Yên qua các cảng khẩu và mặt biển, để đo nông sâu, vẽ vào bản đồ. Sở dĩ họ cần làm như thế là không những chỉ mưu lợi mà còn dụng ý rất thâm, tôi đã mật bẩm rồi, nay không dám nói rõ nữa.*

*"Nhìn chung các nước trong thiên hạ, phàm nước nào chiếm được ưu thế thì một là do có người giúp, hai là do phân rõ chủ khách. Nếu ta tính toán trước công việc để trấn áp họ thì không những hiện tại có thể được hưởng lợi 7, 8 phần 10, mà về sau có thể được cái lợi vĩnh viễn vô cùng, như Hợp Chúng Quốc ở Tây Châu. Cho nên gần đây các bậc có trí trong thiên hạ bàn về lý và thế đã nói r*

àng: Thà làm khách làm chủ chứ không làm tôi làm tớ. Câu nói đó thật là đúng. Thường tình con người ta khi làm khách làm chủ với nhau thì mạo diện tất phải cung kính, ý tình phải nồng hậu. Giả sử có lời phân trần cảnh cáo để lấy việc trước, cảnh giác việc sau thì chẳng qua là lấy tình bè bạn giúp nhau mà thôi, chứ không phải như phận học trò phải bỏ sức ra phục dịch thầy. Nếu trong khi giao thiệp có điều gì xích mích trái ý thì vì thể diện, hai bên sẽ dần dần tìm cách giải quyết. Còn như thầy trò thì có nhiều điều bị xử ức phi lý lắm, chứ không phải một mà thôi đâu. Hiện nay các hội buôn của họ sang nước ta, có hội muốn xin mở đường xe lửa suốt cả Nam Bắc; có hội muốn xin khai thác mỏ dọc theo các núi; có hội muốn xin cho thuyền đi dọc theo biển để tiểu phí; có hội muốn thông đường buôn bán. Các người này một mặt xúi giục các quan của họ, sớm làm cho thành chuyện, một mặt đánh tiếng xin dần để do xem như thế nào. Và lại vua quan của họ cũng có thâm ý riêng. Từ quan đến dân không ai không chú mục vào nước ta. Tôi đã biết rõ tình hình này, cho nên trong các tờ trình trước, tôi đã nhiều lần đề cập một cách tế nhị, nhưng vì là những việc hiểm nghi hủ kỵ nên chưa nói rõ hết được mà thôi. Năm trước tôi đã nói với họ rằng những phần đất phía Đông từ Tiền Giang thẳng đến Vân Nam xưa nay đã thuộc về ta, dân ở đây hoặc nạp cống, hoặc nạp thuế. Bản ý của tôi là muốn ngầm cho họ biết trước để sau này không thể không để cho ta cùng hưởng lợi. Rồi sau dần dần dùng kế dụ dỗ

*dân ở đây theo về ta theo lối nước Nga đã dùng kế lấy các bộ ở Tây Bá Lợi Á.*

*"Tuy chưa thực hiện, nhưng thâm tâm mật kế tôi đã dự định đường đi nước bước như thế rồi. Cho nên từ năm trước, tôi có nói: "Mất bên Đông thu lại bên Tây" là đã ngầm phục sẵn sự việc ngày nay vậy. Nay nếu biết để phòng trước có thể được lợi lớn sau này. Vậy xin trình bày mấy điểm sau:*

*"1) Nước ta có một dải núi chạy dài từ Bắc xuống Nam, lại thoải dần về phía Đông. Đó là một thế núi tốt nhất trên địa cầu. Nền của nó rất cổ, do đó chứa nhiều kim loại, đá quặng, cùng các ngọc báu, các vật hiếm lạ. Những nhà địa lý các nước đã từng khen ngợi. Nhưng ta chưa hề khai quật, nỡ để điều mà tạo hóa ban phúc cho ta thành ra vô dụng. Nay ta chưa có tài khai khẩn, lại chưa có đủ phí tổn nhu dụng, thế là ôm của báu mà chịu nghèo mãi, lẽ nào không biết thẹn mà còn đem cái lợi bày đường mách nước cho người ta? Nếu không biết khởi phát trước để chế ngự họ, không để cho họ thừa thế, thì sẽ cam chịu cho họ sai khiến để được một phần lợi, như trường hợp một vài nước nhỏ ở Tây Châu. Hơn nữa, ven núi phía Tây theo họa đồ của họ đều thuộc về ta. Như tôi đã lấy những người mình từng đi lại nhiều biết rõ phong tục, tình lý, ngôn ngữ của thổ dân ra làm chứng. Ngày nay nếu ta đưa ra những chứng cứ có thực đó, bào họ trở lại giúp đỡ, nếu ta thành thực giúp họ để chia nhau nguồn lợi phía Tây, nhờ uy để chiêu dụ những dân man mọi thì họ càng sung*

sương vì hợp với thâm ý của họ. Ta cũng để lộ cho họ biết, nếu họ bị lộ chuyện gì, ta sẽ ngầm giúp họ một tay. Như thế họ sẽ vui thích và hết sức giúp ta, để mong ta giúp họ sau này. Nếu thực hiện kế đó thì từ ven núi ra phía Đông, họ nở nào chiếm đoạt? Còn từ ven núi phía Tây, ta với họ cùng có lợi, tuy có mất mát phần ít, cũng chẳng qua là lấy cái ngoài đường để mua cái tình người đấy thôi, ta có tổn hại gì đâu? Và lại, họ lấy kế để cần ta, thì ta cũng tựu kế mà chọi lại họ, không được sao? Những kế đó rất khó, phải khéo điều đình mới được, hãy đợi tôi từ từ xem họ, biết rõ chân tướng sự cơ của họ, rồi mới làm.

"2) Người Pháp xưa nay từng coi ngôi vua là quý, chức quan là trọng, và việc làm của họ thì cốt lợi cho dân. Nếu thấy nước nào còn theo tập tục cũ, đem lòng nghi kỵ đối với người khác, không chịu thông hiểu với nhau, thì họ sẽ lấy câu "lợi mình là để lợi người" mà suy diễn ra, cho rằng **tạo vật sinh ra đất đai** vốn để cho cả nhân loại hưởng dụng, chứ đâu để cho một nước, một vua nào chiếm lấy làm của riêng? Lẽ đó ở đoạn đầu trong bài Lục lợi từ tôi đã nói rõ. Nếu hai bên không lưu thông trao đổi để cùng có điều hay, chung điều lợi thì ta bỏ người lấy không được sao? Nay biết mở cửa mua bán với nhau, họ không ngăn cản ta qua, ta không ngăn cản họ lại, hòa hợp với nhau, đúng như thánh thường đã minh dụ rằng: "Các nước bốn phương hiện nay đã liên kết giao thông với nhau". Như vậy là để liệu trước việc sẽ xảy ra, đón kịp thời thế, khiến

*họ phải là khách mà ta là chủ. Như thế họ sẽ cho rằng ta biết rõ thời thế, nên đến đâu cũng sẽ yên phận giữ lời ước, giữ danh nghĩa, không dám có ý đồ khác mà cũng không cần có ý đồ khác làm gì nữa. Thường thì con người ta, cầu lợi mà không được lợi mới không kể gì nghĩa lý mà liều với tiếng xấu. Nhưng người ta cũng có nhiều cách che đậy để mong tránh tiếng tham ô xấu xa. Nay đã được cái lợi như ý, lại tránh được tiếng xấu nữa, mà còn mưu cái lợi khác để liều chịu tiếng như, lẽ nào có tình đời như vậy? Tôi đã xem xét hết các nước hễ ở đâu có người của họ cư trú mà nước đó ăn ở tận tình với họ, thì không những tránh được họa bên ngoài mà mối lo bên trong cũng hết dần. Vì rằng mối họa khốc liệt thảm hại nhất không gì bằng họa binh đao. Nếu họ đã ăn ở cùng ta thì khi có họa bên ngoài xảy tới họ cũng sợ bị vạ lây, buôn bán không thông, khi có hoạn nạn bên trong, họ cũng sợ lụy đến thân gia đình khó bảo toàn. Vì vậy hai trường hợp đó ta không cần giúp tự nhiên họ cũng sẽ giúp. Nhìn ra các nước ở phương Tây và Tây Châu, vua các nước thường giao việc nước cho các đại thần mà chu du các nước để mở rộng kiến văn, không phải lo việc bên trong nữa, vì đã có nhiều người lo giữ cho rồi. Sở dĩ được thế vì danh nghĩa đã lập, ngôi vị đã định, lý chính, thế đồng, phải trái thiên hạ đều biết, xử sự hợp với công luận, tung hoành liên kết nước lớn với nước nhỏ, hòa hiếu hợp với các nước, một người làm trái thì cả đám gỡ cho. Ngày nay việc cai trị được lâu dài yên ổn đều do ở sự biết kết hợp, khác với thời xưa lấy bùn mà trát kín cửa để tự bảo vệ là thế.*

"3) Ngày nay cái mà ta thiếu thốn nhất là tiền của. Vì không có tiền nên trăm việc, việc gì cũng không làm được. Hơn nữa, đồ dùng khí cụ của ta chưa đủ, tài trí chưa vươn tới, lại chưa có tiền của để mua máy móc kỹ thuật. Nay nếu đem một nửa nhân tài cả nước và một nửa của cải ra thực hành cũng phải đợi vài chục năm sau mới có hiệu quả. Hướng chi trước kia chưa được lợi đã sợ có một biến cố gì khác xảy ra thì tài lực của ta có khi lại bị người khác dùng. Hơn nữa dân tình yêu ghét chưa giống nhau, ý kiến còn chưa thống nhất, thì vị tất đã hiểu rõ được ý nghĩa tạm thời tổn phí để được yên ổn mãi mãi. Phàm việc gì chỉ tính đến cái lợi nhỏ trước mắt, thì vị tất đã tính toán kịp được cái lợi lớn đến con cháu. Cho nên, ai lo phận nấy, nhà ai biết nấy, thì vị tất đã hợp được công tư với nhau như dân các nước phương Tây. Tục ngữ có câu: "Muôn việc khó ở bước đầu". Hễ thấy việc lớn mà không có lợi ngay thì tâm thần ý chí mệt mỏi rồi không chịu làm xong việc. Đại để trong một nước phàm việc dân như việc hưng lợi, tuy do người trên xướng lên, có khuyến khích hướng đạo rõ ràng, nhưng do cả nước ở dưới làm. Nếu như ở trên việc gì cũng cứ tự làm lấy cả thì sự phiền phức thật không kể xiết. Việc làm đó ban đầu thì hơi quy về dân mà cuối cùng là quy về nước như các hội ở phương Tây. Nhưng dù trước hay sau cũng đều có lợi chung giữa công và tư. Vấn đề này có nhiều chi tiết chưa kể hết ra đây. Nay ta, nếu biết cân nhắc sự cấp thiết đó mà mời họ

khai nguồn lợi cho, thì dân thấy việc làm của họ có lợi, sẽ hòa nhau mà theo. Đó là lẽ **thứ nhất**.

"Phàm việc thuê mướn nhân công, trước hết họ sẽ thuê dân ta, những người nghèo khó không có kế sinh nhai thấy được lợi nhiều sẽ rủ nhau ra làm, như thế sẽ tránh được cái thói du thủ du thực trộm cướp, như người Tàu đổ xô đến Cựu Kim Sơn và Tân Kim Sơn trước kia vậy. Đó là lẽ **thứ hai**.

"Phàm những điều lợi mà họ được tất phải qua dân ta trước, rồi mới đến nước khác. Phàm những đồ cần dùng mà họ xuất ra như các loại đồ uống, thức ăn, khí cụ, tất từ nước khác chuyên chở tới. Họ có những đồ cần dùng mà ta thiếu và cần thiết, thì cũng nhân họ có mà ta có. Đó là lẽ **thứ ba**.

"Trừ các điều lợi đã giao ước, ngoài mấy phần thuộc về nước ta, còn họ được mấy phần thì dân ta cũng được nhờ, như nào là việc buôn bán các đồ tạp dụng, cho đến mọi sự kinh doanh nhỏ khác, linh tinh rất nhiều, không thể kể hết. Rồi lại có công nhân các nước kéo đến đông đảo, thế tức phải mượn đất ta dựng nhà, người thuê nhà đông thì thuế nhà càng nhiều, ta lại được cái lợi như người Anh ở Hạ Châu, không đánh thuế thuyền buôn mà chỉ thu thuế nhà mà thôi, ấy là cốt ở chỗ người đông. Cho nên nước nào khai mở thì dân cư ở đấy giàu có đông đảo, như Tây Châu là chứng cứ rõ nhất. Đó là lẽ **thứ tư**.



"Phàm chỗ nào họ đi đến thì họ đều dùng đủ mọi cách gây tình cảm để được lòng vua và tôi, để dễ bề thuê mướn nhân công và để được các sự bảo hộ trong khi ăn ở, sự phí tổn không thể kể xiết. Như thế không những ta được cái lợi thường tình để làm ích cho nước, mà dân chúng cũng được của cải lưu thông để tự cấp. Đó là lẽ **thứ năm**.

"Nhân sự cần mẫn của họ làm phấn chấn sự ủy mị của dân ta; nhân cái sức lực đã thành thuộc của họ giúp cho cái sức lực đang nuôi dưỡng của chúng ta; nhân cái lợi đã hiện có của họ giúp cho cái mới bắt đầu của ta; nhân sự qua lại các nước của họ mà mở mang các đường giao thông của ta. Đó là lẽ **thứ sáu**.

"Phàm chỗ nào có họ đến, hơi yên đảm là họ đã lập các hội như nhà thương, viện dục anh, viện tế bần, viên bố thí, trường học miễn phí, dân ta sẽ được nhờ. Đó là lẽ **thứ bảy**.

"Bảy điều trên đây có thể giúp ta bước đầu giải quyết nạn thiếu tiền của.

"4) Hiện nay cái ta thiếu là sự học tập tài nghệ. Nay nếu ta mời họ đến, phàm chỗ nào có khai quật, thì có quân quan của ta ngồi thu thuế. Do sự đi lại nói năng và mắt thấy những điều có thể dùng được, ta đều học lấy. Dân ta với họ cùng nhau làm việc, nơi ở gần nhau, ăn mặc giống nhau, trong khoảng mười năm thì tài nghệ trong dân gian chẳng gì khác họ nữa. Như thế là nhà nước không mất một đồng tiền nào mà việc học của nhân

dân vẫn thành đạt. Ta lại có nhiều cách để khen ngợi nhân dân, thì dân sẽ đua nhau theo học những cái thực dụng ấy. Trong khi học tập lại có tiền công của họ để tự nuôi mình. Sau khi học thành tài sẽ nghĩ đến kinh doanh việc khác để góp công với nước nhà. Như thế ai không hết sức, không tận tình? Và chẳng việc mà họ giúp được cho dân ta cũng chỉ là lúc mới đầu, công việc chưa biết, kỹ xảo chưa tường, nói năng đối đáp chưa lanh, tính tình chưa hợp mà thôi. Đến khi mọi việc đã thông hiểu, đủ để tự lập rồi, thì ta sẽ rời bỏ họ mà trở về với ta, tất sẽ nghĩ đến chuyện cũ Bàng Mông. Dân là dân ta, họ không thể cưỡng ép đi theo họ được. Thế là lúc đầu họ dạy ta, chỉ vẽ cho ta những cái khó, mà cuối cùng là ta được hưởng cái thành tựu, ta tự điều khiển dễ dàng. Tôi thấy khắp các nước, cũng như tình người đâu cũng vậy, khi thi ếu thì phải dựa vào người, khi đủ rồi thì trở về với mình. Đó là lý thế đương nhiên, không đợi bày đặt mới biết. Cho nên nói rằng ngồi mà hưởng lợi là vậy.

"5) Ngày nay cái khó của ta là ở chỗ bắt đầu. Nếu chần chừ không nắm lấy cơ hội trước, thì việc họ thêm thường nhỏ dãi không phải chỉ một ngày, thế tất họ sẽ dùng trăm cách cố làm sao nắm lấy cho được. Ví như trong nhà có một chỗ bí mật không hề mở cho ai thấy ắt sẽ khiến người ta sinh nghi. Bọn cướp không phải trên trời xuống, tất cũng là người trên đất này, chúng sẽ lấy kỳ được những thứ cất giấu đó mà thôi. Nay nếu ta mở toang các cửa, để cho họ thấy rõ mọi vật đều có chủ, thì không

thể thừa cơ gây hấn, chỉ có dùng lối mềm dẻo để xin mà thôi. Khi đó quyền định đoạt thuộc về ta. Ngày nay nếu ta nhân có họ xin mà mở các cảng khẩu để thuyền bè các nước ra vào, ta ngồi mà thu thuế để tăng quốc dụng, như ở Trung Quốc. Có thuyền máy qua lại trên mặt biển thì bọn cướp biển dần dần sẽ tiêu. Sự sinh sống của dân ta sẽ dần dần thịnh vượng. Hai con đường đó sẽ giúp ta chi phí một vài chỗ trong lúc đầu. Phàm họ đi tới đâu, mọi việc làm tất phải tự xuất tiền để mà lập nơi cư trú đồn trại và cầu cống đường sá, v.v... , hoặc đào mương, hoặc xẻ núi để vận chuyển hàng hóa, lại còn phải thiết lập các thứ khí cụ để làm việc. Tất cả những xây cất tạo dựng đó đều ở trên đất của ta. Đến khi họ vừa lòng mãn ý rồi thì chán, hoặc vứt bỏ mà về, hoặc bán rẻ. Như thế là ta không khó nhọc gì mà được hưởng chiếm, không ra khỏi nhà mà mua được. Thật là nhất cử lưỡng tiện. Hơn nữa, họ xây dựng nhà cửa ở nước ta, thì những nơi trù mật đông đúc, hưng vượng thịnh lợi đâu phải chỉ riêng họ có? Kìa, nguồn lợi vô cùng của núi, biển chưa dùng hết, và các loại cây cỏ lúa má trên mặt đất sinh sản mãi mãi, hễ chỗ nào có dấu chân họ đến là họ khai thông đường sá cho ta, diệt trừ cỏ dại để tăng phần tốt tươi màu mỡ cho đất đai của ta. Đến khi mãn hạn rồi thì vật sẽ trở về với chủ, họ không thể cuốn hết núi, biển, đất đai của ta mà mang đi. Thế tức là họ vỡ hoang mà ta hưởng thành quả, như các nước Tây Châu là một chứng cứ. Chứng cứ đó rất mới, cả thiên hạ cũng không thể bài bác. Đó là vì lý, mà cũng vì cái thế nữa. Vì rằng tạo vật đã định sẵn mà nguyên tố loài người

cũng đã sắp xếp trước. Tuy họ tạm thời được hưởng nửa phần lợi, nhưng cuối cùng cũng không thể nào đổi khách thành chủ được. Chẳng qua là tạo vật dùng họ để chấn hưng các nước. Xét đến cùng cũng không khác gì làm thuê cho người khác mà thôi. Ngày nay nếu ta biết đề phòng trước các ngõ ngách, lời nói phải nghiêm, nghĩa lý phải chính, để đợi họ đến xin, như thế rõ ràng là ta làm chủ. Đợi khi họ xin, thì ta ưng thuận ngay để chặn mối hiểm khích. Dần dần ta cho họ vài chỗ; lúc bấy giờ sẽ có nhiều thương nghị giao ước, nay chưa nói đến. Nay xin gấp rút mời vài người Tây có thể tin cậy được, hậu đãi họ, tức tốc cùng vài người của ta thông hiểu sự việc, trước hết dọc theo ven núi ven biển tìm kiếm, chỉ định rồi sau chọn lấy những mỏ tốt nhất mà dễ lấy, dành lại về sau để tự khai thác. Trừ những mỏ nào mà ta đã khai thác, còn những mỏ nào mới tìm được mà khó lấy thì ta giao cho họ lấy, ta hưởng nửa phần lợi. Một mặt cầu ngoại bang giúp đỡ để trấn thủ ba tỉnh, bên trong thì khai nguồn lợi để chặn sự gây hấn, đề phòng họ lấy ngầm, đề phong giúp khi loạn, để chặn đường bọn người rình mò xúi bẩy, để tương lai thu lại các lợi khác. Mặt khác, đặt lãnh sự để củng cố hòa nghị, thông thương thuyền bè để khỏi tranh chấp. Một mặt phải gấp rút chấn hưng những món lợi gần để giải cứu những bức thiết nhất thời; mặt khác phải gấp rút nói rõ cho các nước biết cái đại thể kiên cố để tiêu trừ những ý nghĩ của bọn Thăng, Quảng (\*), để thuận theo bụng muốn lập công của tướng Tây, mà cái ý muốn lấy ba tỉnh trong cũng nguội dần. Vì tạo được sự thông hiểu với ta

*cũng là một công lớn rồi, mà còn không thể gây hiềm khích gì được nữa. Như trong tờ trình trước, tôi đã nói: "Bốn phía vây bủa khiến cho họ không dám động tĩnh" là như thế.*

(\*) *Trần Thắng, Ngô Quảng* là hai lãnh tụ nông dân nổi lên chống lại Tần Thủy Hoàng.

*"Nay xem Triều đình của họ đã có mật nghị, muốn lấy trọn sau tỉnh, hợp với toàn xứ Cao Miên để làm cửa ngõ, lấy vùng đất hai bên sông Cửu Long dọc lên tận Vân Nam làm nhà chính, phía trên lấy Vân Nam làm vườn sau, và lấy nước ta làm bờ giậu phía Đông, để chống giữ mặt biển. Những ý đồ đó đều nằm trong dự định của triều đình họ, như con thỏ đào ba lỗ hang là như thế. Các tướng Tây gần đây dự định trong vòng ba năm, hoặc sẽ lấy toàn bộ cái tỉnh và chiếm cả Cao Miên, hoặc khai phá đường phía sau để thông Vân Nam; hoặc sẽ thông thương chung lợi với ta để mở mang rào phía Đông. Ba việc đó thế nào cũng phải thực hiện được một. Nay nếu ta khéo đắp đê để nước rớt về phía Tây, lấy Cao Miên và phía Tây làm chỗ trũng để họ chuyên ý vào đó. Ta lại làm cái cách đứng bên cạnh bồi vào, như ở đoạn trên tôi đã nói thì mới có thể làm dần được tình trạng căng thẳng của ta. Còn ở ba tỉnh trong cứ để họ qua lại tự nhiên đừng đề phóng hạn chế gì cả, xem như mình cùng với họ sống chung. Thế là tuy họ không lấy ba tỉnh trong, mà vẫn được thuận lợi cũng như lấy rồi. Có như vậy mới duy trì được ba tỉnh trong để*

*làm kế sau này. Điều đó trong binh pháp nói: Tạo được tình hình thì địch phải theo.*

*"Nếu Triều đình không nghi ngại gì mà thực hiện dần dần các kế đó thì đại sự sẽ không xảy ra. Những điều tôi nói có thể có một vài cái không nghiệm, nhưng nếu không gấp rút lo liệu thì chẳng những tờ trình này mà các tờ trình khác trước đây cũng đủ chứng rằng lời tôi nói không sai. Điều mong muốn thiết tha của tôi là lời nói của tôi không nghiệm, chứ không muốn để thấy rằng lời nói của tôi là sai. Bởi vì biết để đề phong trước khi sự việc xảy ra, thì lời nói của tôi dù có chỗ không nghiệm cũng là điều phúc cho nước nhà, mà còn phúc cả cho anh em tôi. Còn bảo đó là vì công hay vì tư thì sau này sẽ có ngày hiểu rõ, không cần phải biện bạch.*

*"Vậy kính dâng".*

*"Ngày tháng giêng năm Tự Đức 19"*

(Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo. Trương Bá Cầm; Sđđ)

\*

Trong bản di thảo *"Kế hoạch khai thác tài nguyên đất nước"* dâng lên vua Tự Đức và Triều đình Huế, Nguyễn Trường Tộ tỏ ra là người có tài kinh tế, có nhiều kiến thức, nhiều mưu lược, biết cách hòa giải mọi vấn đề kinh tế, chinh trị và quân sự. Cái khó hiểu là làm sao Nguyễn Trường Tộ biết được *"triều đình của họ (Pháp) đã có mật nghị, muốn lấy trọn sáu tỉnh, hợp với toàn xứ*

*Cao Miên để làm cửa ngõ, lấy vùng đất hai bên sông Cửu Long dọc lên tận Vân Nam"? Nổi bật nhất là Nguyễn Trường Tộ nhận thức được tham vọng của quân đội Pháp muốn chiếm trọn Việt Nam, Lào và Cao Miên.*

=====

**Di thảo số 10:**

## Thư gửi Thống soái Pháp

Sau khi quân Pháp chiếm ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Định Tường; lực lượng nghĩa quân Trương Định, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Trương Tuế, ... nổi lên chống quân Pháp. Tướng Pháp gửi thư trách triều đình Huế ngấm ngầm khuyến khích và giúp nghĩa quân chống lại quân đội Pháp. Thượng Thư Trần Tiễn Thành nhờ Nguyễn Trường Tộ soạn một công văn trả lời cho Thống soái Pháp. Sau đây là bức thư của Triều đình Huế gửi Thống soái Pháp **do Nguyễn Trường Tộ soạn thảo.**

*"Trước đây chỉ vì bản triều chưa hiểu rõ sự thế phương Tây, mà quý soái trước kia (khi ở Đà Nẵng) lại đến đột ngột, không nói rõ ràng làm cho bản triều không hiểu, đến nỗi bất đắc dĩ phải đem binh tôi ra chống đỡ. Đó cũng là do tình thế bắt buộc. Mong quý quốc cũng không vì thế mà trách giận lâu dài. Kế đến khi gác giáo bàn việc giảng hòa, quý quốc đòi phải tạm cắt đất bồi thường chiến phí, bản triều đã lập tức nghe theo, chính vì muốn giữ gương cao uy danh của quý quốc, mà cũng vì tin tưởng sau này quý quốc cũng sẽ hiểu rõ tình hình giao hảo của bản triều mà cho thương thuyết chậm chước trở lại. Xưa kia, vua Anh Cát Lợi có nói: "Ta chưa lên giường ngủ thì chưa dám cởi áo". Chúng tôi nghĩ rằng quý quốc vì thấy bản triều hiện tại chưa rõ sự thế, nên tạm thời bắt phải cắt đất bồi thường để đợi khi nào bản triều hiểu rõ*



đại thế quý quốc, cùng nhau liên hợp lâu dài, cho nhân dân hai nước chung hưởng hạnh phúc hòa bình, thì quý quốc khi đó sẽ lấy tình mà cư xử, để bản triều và các nước thấy rõ tấm lòng quý quốc là đợi lúc "có thể cởi áo thì cởi", chứ vị tất đã có cái thâm ý mặc mãi chiếc áo đó. Nếu không, lẽ nào quý quốc chưa bao giờ mới đến xứ nào đã đối xử nghiêm khắc ngay với xứ ấy mà lại riêng đối xử với bản triều sao? Có lẽ tình không phải vậy mà thế phải làm như vậy. Hiện nay tình giao hảo của bản triều đối với quý quốc thật giả ra sao, dân sự nhân cái có đó mà bất an như thế nào, quốc kế chấp vạ hao hụt như thế nào quý soái cũng đã rõ. Ba tỉnh thuộc quý hạt, dân chúng chưa đồng lòng, khó bề sai khiến. Tuy với thế lực của quý quốc, kinh doanh tốn kém lâu rồi mà còn như thế, thì tình hình ba tỉnh trong như thế nào cũng có thể suy ra mà biết được. Dân thuộc quý hạt đã am hiểu phong tục luật lệ bản triều, nay bỗng chốc thay cũ đổi mới tất sẽ cho là chướng tai gai mắt. Hơn nữa lại có những kẻ dựa thế hại người, nay thì phao tin nói quý quốc sắp thi hành những chính sách tàn bạo hại dân, mai lại nói bản triều sắp tiến hành khôi phục để giết dân, khiến đến nỗi dân tình Nam Bắc nghi ngờ sợ hãi. Phàm những chuyện đồn đại như thế không phải ít gì, tưởng quý soái cũng đã biết rõ. Như thế thì chẳng những quý quốc khó bề cai trị, mà bản triều cũng bị hại lây. Dân ở quý hạt và bốn phía xung quanh đã từng được quý quốc dạy dỗ dần dặt lâu mà còn như thế thì những nơi xa xôi và ở những miền man mọt sẽ như thế nào. Roi dài vẫn không vươn tới được, đó là việc dĩ nhiên.

*Tuy quý quốc gấp rút việc đưa đuổi nơi xa ngự trị lâu dài để cầu đạt sự mong muốn lớn, tuy bản triều gấp rút xóa bỏ những lời gièm pha, mở lòng thành thật với quý quốc để cùng chung hưởng điều lợi, như hai bên vẫn còn một đường ngăn cách. Không có cách giải quyết khéo léo để xóa bỏ đường ngăn cách ấy thì làm sao liên hợp với nhau được? Bản triều thiết nghĩ quý quốc phàm đến nước nào cũng trước dùng uy, rồi sau thi ân, trước nắm lý rồi sau cư xử bằng tình. Uy và lý là tạm tời, ân và tình là trường cửu. Uy và lý là để mở cửa cho ân và tình. Khi đã vào khỏi cửa rồi thì như một nhà sum họp vui vẻ cùng nhau, th ế là lấy cái ân tình trường cửu mà bù lại cái uy lý bất đắc dĩ trước kia. Đâu có chuyện vì những lời đồn đại vu vơ mà nữ bỏ cái lòng chân thành thiện đạo vốn có của quý quốc? Bản triều thật đã thấy rõ như vậy, nên ngày đêm suy nghĩ mong sao mối quan hệ với quý quốc đã thân lại càng thêm thân, để chặt đứt đường ngăn cách ấy đi, và trong bụng cũng thành thật tin tưởng quý soái sẽ rộng lượng không vì những lời phao đồn mà mất tình hữu nghị. Thật như thế từ nay về sau, hai bên có thể lấy quyền lực của vua mà điều hòa sắp đặt, hóa khó thành dễ, biến dị thành đồng, nơi có bù nơi không, nhân dân tương trợ lẫn nhau, bản triều với quý quốc tuy hai mà như một. Thế lực của bản triều là thế lực của quý quốc. Sự cường thịnh của quý quốc tức là sự cường thịnh của bản triều. Con rết trăm chân thì không ngã. Như thế thì có nước nào dám khinh miệt được? Vì rằng người bình thường muốn giao dịch với nhau phải dựa vào tình bạn mới thành. Nếu cứ*

thù nhau mãi đời thì người ta phải tìm người bạn khác để làm thân thiết để giúp đỡ lẫn nhau, chứ có ai sống cô lập không cần sự giúp đỡ mà thành được việc đâu. Bản triều thiết nghĩ, hiện nay các nước phương Tây đại loại đều như thế, cho nên thiết tha muốn được ít nhiều "gần đền thì sáng", ngõ hầu mãi mãi nhờ thanh thế của quý quốc mà mở mày mở mặt trong thiên hạ, và quý quốc cũng có thể nương cây lâu dài vào bản triều như là phen giậu che chở cho quý quốc để gây ảnh hưởng rộng lớn ở phương Đông. Hai nước liên hợp với nhau lâu dài, chung nhau điều hay, món lợi, thì những điều sở cầu của quý quốc mới hợp với lương tâm, và giữ gìn được bụng ăn ở tốt đối với bản triều, để cho thiên hạ biết được quý quốc không phải lấy thế lực đàn áp người như các nước khác. Như thế thì bản triều tránh được cái tiếng xử sự hẹp hòi, khỏi phải chờ đợi gì nữa. Việc đó cũng do tự ý quý quốc thi hành ra trước đã. Bản triều lại thấy rõ người phương Tây phàm đến xứ nào thì trước hết dù có dựa vào thế lực của mình để chiếm cứ thị trường, nhưng cuối cùng cũng phải dựa vào quyền lực của xứ đó để kinh doanh khai thác, chứ chưa hề thấy dồn người cả nước mình đến đấy, bỏ cái gốc mà lo cái ngọn bao giờ. Giả sử vua xứ ấy không hiểu lẽ tương thông cứ dấy binh chống mãi thì cuộc tương tranh cũng không chấm dứt được. Cái thay vì để nuôi người giờ trở thành cái hại người. Cho dầu có quyết đánh lấy người ta cho được thì cũng chỉ tạm một thời mà thôi, và cái được cũng bù vào cái mất, người bị hại nhưng đâu phải ta chỉ có lợi mà không có hại? Cuối cùng vật gì quá cực độ của nó thì

*sẽ phản ngược trở lại. Đâu có thể nào an nhiên tọa hưởng mãi trên đất xứ người ta? Như các nước ở Tây Châu là những bằng chứng cho điều này vậy. Bản triều đã hiểu rõ lý lẽ ấy, cho nên không chịu để mất cả hai, bản triều chẳng những muốn mình vẹn toàn mà còn muốn cho người vẹn toàn nữa, vì thế cho nên mới có đoạn tâm tình trên đây. Mong quý soái hiểu cho lòng thành thật của bản triều. Vì rằng những sự thế này không thể đem miệng lưỡi giả dối ra mà nói được. Cách ngôn nói: "Biết trước đã rồi sau mới muốn". Bản triều đã biết rồi, nên mới muốn như vậy. Thiết tha mong quý soái đừng vì việc đã qua mà nghi ngờ việc sau này, để tăng thêm sự điều đình hơn nữa để bản triều giữ được vẹn toàn nghĩa liên hợp lâu dài, và quý quốc cũng mãi mãi tránh được cái tiếng lấy thế lực chèn ép người. Như thế thì hai triều đình sẽ cố kết thông đồng, và đại hoàng đế quý quốc với đại hoàng đế bản triều mãi mãi giữ được tiếng thơm trong thiên hạ, nhân dân hai nước lấy tình thân ái lễ nghĩa đối đãi nhau, chung nhau mối lợi, cũng như sự vui buồn, như người trong một nhà. Như thế là tốt đẹp, quý soái có nghĩ như vậy chăng?"*

*"Nay kinh*

*Ngày tháng 2 năm Tự Đức 19"*

*(17/3/1866 - 14/4/1866)"*

Bản di thảo này được vua Tự Đức châu phê như sau:

*"Bài này lý lẽ rất mềm dẻo, không chống, không theo, cũng rất nghiêm chỉnh và trang nhã khiến cho họ biết rõ có thể cũng không ý thế được, thật là không thêm dạy mà dạy cho họ vậy".*

(Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo. Trương Bá Cầm; Sdd)

Thư gửi Tây soái có lời lẽ nhã nhặn, lịch sự, lập luận chặt chẽ, chính xác, cho thấy vì sao mà nhân dân Việt Nam nổi dậy kháng cự chống quân đội viễn chinh Pháp.

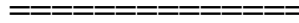
Quân Pháp đánh chiếm Đà Nẵng, trở về Nam đánh chiếm Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, rồi buộc Triều đình Huế phải nhường ba tỉnh miền Đông. Đây là hành động phi lý của kẻ mạnh.

Lúc bấy giờ, thế lực của triều đình Huế quá yếu kém về mọi mặt, nhất là về mặt quân sự. Đó là lý do mà Nguyễn Trường Tộ trong bản di thảo phải ăn nói nhẹ nhàng, mềm dẻo, lịch sự.

Thống soái Pháp đi chiếm thuộc địa, dĩ nhiên phải giết người mới cướp được đất, vậy thống soái Pháp chẳng qua là một tên tướng cướp. Thế mà Nguyễn Trường Tộ đã dùng lý lẽ đạo đức để khuyên dụ tướng cướp. Nguyễn Trường Tộ nói: *"Hai nước liên hợp với nhau lâu dài, chung nhau điều hay, món lợi, thì những điều sở cầu của quý quốc mới hợp với lương tâm....."*. Tướng Pháp đi cướp lãnh thổ nước khác thì làm gì có lương tâm! Lời nói đạo đức của Nguyễn Trường Tộ, làm chúng tôi liên tưởng đến đức Không Tử. Vào thời Xuân Thu Chiến quốc, các nước

chư hầu bên Tàu đánh giết lẫn nhau, Khổng Tử đi đến nhiều nước để giảng dạy đạo đức cho các vua, các quan, nhưng chẳng có vua quan nào chịu nghe lời dạy của ông. Khổng Tử thất bại, buồn rầu, trở về quê, mở trường dạy học.

Cũng như Khổng Tử, Nguyễn Trường Tộ dạy thống soái Pháp về đạo đức, lễ phải trái, lương tâm con người, kết quả là Pháp vẫn chiếm Nam Kỳ, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng làm thuộc địa và đô hộ Trung Kỳ, Bắc Kỳ.



**Các vị anh hùng chống Pháp**



Nguyễn Hữu Huân

Võ Duy Dương



**Di thảo số 11:****Tâm sự với Trần Tiến Thành**

*"Tôi là Nguyễn Trường Tộ xin kính bàm.*

*"Tôi trước đây bị ốm nằm ở Gia Định điều dưỡng đã gần hai năm nay mười phần đã giảm năm, sáu. Tôi cũng định đi xa, một là để thảo điều nguyện ước trước kia, hai là mong được bình phục sức khoẻ để sau này báo đáp ơn trên. Nhưng thời thế có điều trở ngại, do người đời còn ghét kẻ có tài mà chặn tay lại, ngay đến người có quyền lực như đại nhân mà còn gặp khó khăn, hướng chi tôi là người thân hèn tài mọn, mong đưa vào đại nhân để hành sự thì cũng chưa thể được. Không có cơ gì mà việc lớn cứ ngấm ngấm nảy sinh ra, nên tôi không thể không trở về để tâu bẩm rõ ràng, ngõ hầu có thể đề phòng được sự việc trước lúc phát sinh. Tôi nghĩ rằng lòng của tôi đã không muốn vào tay người khác để họ sai khiến, mà lại có cách để tránh được tai họa, tưởng mọi người cũng có cái lòng như tôi, cho nên không dám tiết tẩm thân hèn hạ sắp chết*



này mà không trở về Kinh để nói rõ cái ý chí của thiên hạ như vậy. Sở dĩ tôi trở về tâu bẩm chính là ý đó.

"Những điều trình bày trong các tờ bẩm trước không phải là những điều thấy nghe nhất thời mà tôi viết ra. Đó là những điều tôi đã ôm ấp hàng năm, cho nên muốn thổ lộ chân tình, trút hết tâm huyết, mục đích không phải cầu cho lời nói của một mình tôi là thực mà chỉ muốn khắp thiên hạ chứng minh cho sự thực. Hơn nữa, tôi đang ở trong hoàn cảnh bị hiềm khích, chưa chắc ai đã tin ngay lời tôi nói, đành cam chịu cuộc sống nghèo khó đạm bạc, để cốt chứng minh cho lời nói của tôi là không vì một cái gì, không mong được một cái gì, không bị ai sai khiến, không có một ý đồ gì khác mà thật là vượt ra ngoài lẽ thường tình. Theo lẽ thường mà nói, thì những việc làm của tôi như vậy thật là khó hiểu, bấy lâu nay vì tôi không gánh vác gia đình, không thiết tha tài lợi, cả Tây Nam cũng đều thấy, như thế cốt để gạt lọc ý chí, đào luyện tinh thần mà bảo dưỡng việc học tập của mình. Tất cả những điều đó vốn là để đợi thời hành sự, để mong làm được một vài điều lòng hàng ôm ấp, để trọn ơn trên, để tròn thế sự, chứ đâu phải cam chịu chôn mình trong cảnh tối tăm tịch mịch? Trung và hiếu vốn là hai điều khó giữ vẹn. Nhưng nếu chỉ nói suông không ngồi vào, không dự vào, chỉ biết thân mình, nhà mình, theo thường tình, còn việc an nguy của quốc gia thì coi như chuyện của nước Sở, nước Việt, không hết lòng báo đáp ơn nước nhà, một mai bốn phương xảy ra nhiều việc thì thân thích của mình cũng sẽ

cùng số phận với việc mất còn của đất nước. Trung không thành thì hiếu chưa hẳn đã giữ được. Tôi đã thấy rõ ràng như vậy nên muốn vun đắp báo bổ cho tương lai, chứ không muốn làm gương ép một cách tạm thời để đến lúc phải than thở ôm tài mà chết. Xin đại nhân xét lại những hành trang của tôi, xem tại sao tôi không chịu làm điều danh lợi cho mình, trong lúc còn tuổi trẻ và trong những ngày có nhiều thuận lợi ấy, mà lại còn có ý khác trong lúc bệnh hoạn trời buộc, muôn màng gian nan? Nếu thấy được những lý do đó thì biết được lập tâm của tôi như thế nào. Nay tôi nhân việc công về đây, chả mấy tháng bệnh cũ đã tăng lên, tuy việc đại nhân chiếu cố cho thuyền đi lại mà cũng khó bề bôn tẩu vãng mệnh. Nhưng lòng tôi yên sao được mà dám yên nhiên như thế? Cái tình ấy thật khó nói. Cúi xin đại nhân gia công tài bồi cho chậm lại ít lâu để tôi được khỏe lại mới có thể ứng mệnh. Ngày báo đáp của tôi với Triều đình và đại nhân còn nhiều, trừ phi tôi chết mới thôi, chứ quyết không dám thay đổi chí hướng để mất đi cái kiên nhẫn của mấy năm trước kia là không cận nhân tình, không mutu danh lợi. Kính mong đại nhân xét cho tấm lòng của tôi. Sau khi tôi trở về, nếu bệnh khỏi, không đợi gọi tôi cũng đến, nhưng nếu chưa bớt thì du có lệnh gọi tôi cũng xin đại nhân lượng thứ cho. Nếu có việc gì có thể sai phái như mua sách, hoặc trình bày việc này việc khác với họ, giúp đỡ lãnh sự để lập mối hiềm nghi. v.v... Những việc như thế tôi có thể giúp trong muôn một. Còn những việc có tác dụng lớn khác thì thế chưa thể làm được, sợ bệnh tái phát thì khó xong việc. Nếu đại nhân

*truyền dạy điều gì, xin hỏi nơi giam mục Hậu, và xin nói cho biết rõ việc gì, đi đâu, đi lâu hay đi chóng, hoặc tạm về rồi đi nữa, hoặc đi xa, hoặc ở Kinh để tôi dự bị mang theo những đồ dùng cần thiết phòng bệnh và ít nhiều tiền chi dụng khỏi phiền lụy đến người khác".*

*"Rất mong "*

*"Nay kính bẩm"*

(Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo. Trương Bá Câm; Sđđ)

=====

### **Di thảo số 13:**

## **Ngôi vua là quý, chức quan là trọng**

Tháng 5 năm 1866, Nguyễn Trường Tộ dâng lên vua Tự Đức và triều đình Huế bản di thảo "*Ngôi vua là quý, chức quan là trọng*".

*"Kính thưa,*

*"Trong bài "Khai hoang từ" trước đây, ở điều thứ hai tôi có nói: Người Pháp xưa nay lấy ngôi vua là quý, chức quan là trọng. Trong phần cuối, điều đó cũng nói: Vua các nước thường giao việc nước cho các quan đại thần để chu du các nước, mở rộng kiến văn, mà không phải bận tâm việc trong nước nữa. Vì việc yên trị lâu dài là do liên kết giao thiệp với các nước, khác với thời xưa chỉ lấy bùn trét cửa để tự giữ là thế ... . Trong bài ấy, có 5 điều, những điều này là căn bản. Các việc phúc lợi trong nước đều do đó mà ra.*

*"Tôi sở dĩ khinh bỏ danh lợi cốt để triều đình tin nghe, vì thâm ý của tôi là đi sang các nước xem nắm tình*

hình, không những nôn nóng để chứng tỏ mình là người không có hại, có thể làm được những việc chính nghĩa cho vua mà còn để trở thành một kẻ mưu trí gấp lo chống đỡ hoạn nạn cho nước nhà nữa. Cho nên bây giờ lại bặc bạch tâm huyết một lần nữa cho hết từ đầu đến cuối. Sau này dù có ngàn vạn lần nữa cũng không có gì thêm.

"Người xưa có nói: "Dân là gốc của nước". Nói như vậy cũng chưa đúng. Tôi cho rằng vua quan là gốc của nước. Vì không có vua quan thì chẳng bao lâu dân sẽ loạn, tranh nhau làm trưởng, giành giật lẫn nhau, tàn sát lẫn nhau, oán thù lẫn nhau. Cho nên nước dù có vua bạo ngược còn hơn không vua. Trong kinh thánh xưa của đạo giáo có nói: Tuy vua bạo ngược dân cũng không thể hai lòng. Vì nếu dân dấy loạn thì chưa tổn hại đến vua mà trước hết là hại dân.

"Ngũ luân thì vua quan đứng đầu. Đạo giáo coi vua hơn cha, cho nên gọi trung phụ là để cho đạo vua được tôn nghiêm hơn. Vì nếu không có đạo vua thì không thành thế gian. Phương Tây gần đây không có ai phạm tội giết vua, không có hành vi khinh thị quý tộc. Tuy những xứ man mợi như Trâu, Cử (tên hai nước nhỏ đời Xuân Thu, Trung Quốc) cũng không khinh lờn, vì đã hiểu rõ ý chỉ của kinh thánh. Trong kinh xưa còn nói: **Tạo vật đã từng vì tội của vua quan mà trường phạt dân ở đời này.** Lại nói: Vua tuy vô đạo cũng không được gọi bằng thành, và sát hại bừa bãi. Bởi vì phạt dân thì trong nước bị thiệt hại nhỏ, còn phạt vua trong nước sẽ bị hại lớn; mà thường khi

*hại dân có tội, Chúa cũng đặc biệt mượn vua quan làm roi vọt để thay Chúa mà trách phạt. Cho nên giết vua chẳng khác gì giết Chúa. Vua được coi trọng đến như vậy. Cái lý này xưa nay các sách Nho chưa từng nói rõ.*

*"Như Mạnh Tử có nói: "Dân là quý, rồi mới đến vua". Câu nói này đã từng mở đường cho vô số bọn hủ nho sau này lấy có mượn việc công để làm điều tư. Thành Thang giết Kiệt, Võ Vương giết Trụ. Thang, Võ đã từng làm bầy tôi của Kiệt, Trụ thế mà lại giết Kiệt, Trụ. Nếu để cho người khác giết rồi sau cướp lấy thiên hạ trong tay người đó thì mới không hại danh nghĩa. Nếu bảo đó là nguyện vọng của nhân dân thì giả sử dân bảo làm điều bất nghĩa cũng làm hay sao? Phàm nhân thì phải thuận hậu, nghĩa thì phải cho trọn vẹn. Trong lúc giao phong phải cứu người vô tội. Như thế là giết người mà cứu người. Nếu mạo danh giết vua để được cái nghĩa cứu dân thì cái nghĩa đó cũng chưa trọn vẹn. Thế mà xưa nay các bậc thánh hiền đều ngợi khen Thang, Võ là hết sức nhân nghĩa.*

*"Đến như Khổng Phu Tử mà cũng không chỉ rõ điều sai đó để làm sáng tỏ cái nghĩa vua tôi, để cho Thang, Võ không có chỗ trốn tránh trong khoảng trời đất này nữa. Nay Thang, Võ đã có chỗ trốn tránh rồi. Mới ấy một khi đã khơi ra khiến thiên hạ đời sau dóm ngó ngôi vua, rồi tìm nhiều tiếng ác cho bậc quân phụ để che giấu cái xấu của mình. Cho nên trong bài "Lục lợi từ", tôi có nói: Mọi quyền lợi hành vi trong một nước phải do vua nắm, và*

cùng với quốc dân chia sẻ nỗi vui buồn. Ngoài quy luật này ra đều là có tội cả. Tôi xem khắp các nước trong thiên hạ, hễ nước nào có một họ được bề tôi đời đời giúp lập thì tuy có đôi khi suy vi nhưng trong nước cũng không đến nỗi có loạn lớn. Như Nhật Bản đã mấy nghìn năm, Thổ Nhĩ Kỳ đã nghìn năm, các nước phương Tây đều như thế cả, ở Nam Tây Châu cũng vậy. Sở dĩ dân ở đây phần nhiều chỉ có loạn nhỏ mà không có loạn lớn là vì danh nghĩa đã xác lập ngôi vị ổn định, nên thấy đã quen ít xảy ra việc thoán đoạt làm loạn. Bởi vì nếu tục lệ dễ dãi lơ lửng, thì nhân dân một khi thấy có điều không như ý, không biết tự hối lại nói bừa là vua quan không xứng đáng, rồi che trách lung tung, bàn chuyện thị phi, mưu đồ họ khác lên thay, hoặc hy vọng có một sự thay đổi nào đó, đứng núi này cho núi kia là cao hơn, ... nhân tình đại để như vậy. Từ đó bịa ra đủ thứ những câu sấm, bảo là có điềm ứng hiện để gây phẫn động trong dân chúng. Do đó dễ sinh ra họa loạn. Các nước phương Tây đã hiểu rõ cái lý đó.

"Kẻ làm vua biết rõ các điều trời phó thác cho mình là nặng nề, mọi phúc họa đều do trách nhiệm ở vua, cho nên tự hạ mình ghép vào vòng luật pháp. Người làm dân biết rõ ngôi tôn quý đã định rồi, quyền hành đã có người nắm rồi, phận sự đã được đặt để rồi, cái thế đã có người giữ, cho nên quy tiếng đẹp lên trên. Mỗi người tự lo lấy danh nghĩa của mình không dám manh tâm gây chuyện họa loạn. Họ biết rõ mình có nhiều tội ác, **Chúa dùng**

*nhều tai biến để răn đe, nên mới có những sự chênh lệch không đồng đều, chứ không phải do vua quan gây ra, nên không dám oán giận bề trên. Những điều hay đẹp này là do tình vua với dân hợp nhau, hoặc xuất phát từ tình cảm đó mà ra.*

*"Kẻ làm dân chỉ có một điều giúp đỡ vua, kính trọng quan mà thôi. Vua quan nếu có điều sai thất, thì cả nước đều đau đớn khổ sở. Vì thế mà thành thói quen, họ đều lấy việc giương cao uy tín của nước, bảo vệ thế lực của nước làm trong, chạy ngược chạy xuôi chống giặc như sợ không kịp, lăn vào những nơi nước sôi lửa bỏng như đi vào nơi bình thường, cả nước có một tiếng xấu thì coi như do tự mình mà ra. (Những điều tốt đẹp trên đây là nói về toàn thể, là chỉ về đại dụng, tuy nhiên trong đó cũng có vài điều nhỏ nhặt không phải vậy).*

*"Đối với những điều này, là sĩ phu bé phải học, lớn phải làm. Là người thôn dã, trong nhà ngoài xóm phải bàn luận khuyên bảo nhau. Nhờ đó dần dần trở thành truyền thống, thuần phong mỹ tục được lưu truyền. Vì dầu ai có lòng dạ nào khác, cũng không thể không theo đại thể, không thể không theo cái chung. Bởi vì trí xảo con người ta do tập tành mà được, thiện ác bắt nguồn từ học thuật và phong hóa cũng do từ học thuật sinh ra. Trong sách dạy như thế nào, thầy giáo chỉ vẽ như thế nào thì người học phải làm sao cho hơn những gì sách đã dạy, thầy đã chỉ. Trong nước ai ai cũng phải có thái độ học tập*



*như thế, và hành vi như thế. Bất kỳ Đông Tây, đó là cái lý lẽ chân xác không bao giờ thay đổi. Bởi vì:*

*1. Các nước đã có thuần phong mỹ tục rồi mà vua quan biết khéo nhân thời lập thế, biết rõ phép tung hoành để kiềm chế lấy nhau, để dựa vào nhau, các nước đều liên hợp với nhau, mở toang các lớp cửa thì ta và người đều biết rõ mọi vật đều có chủ..*

*2. Đi lại giao hảo thân tình với nhau, tính kế ăn ở lâu dài với nhau, không chịu giúp họ khác lên thay ngôi vua mà mình chưa biết tình ý họ ấy như thế nào.*

*3. Bề trên lo giữ pháp độ, lo việc nước thì chỉ dùng người hiền, đã theo công lý giữ pháp luật thì trên sẽ hợp điển chế không ai dị nghị, sự nghiệp không suy đốn.*

*4. Kẻ làm dân thấy thiên hạ ca tụng vua mình, so sánh người với ta, thì hết lòng làm sao cho thiên hạ kính trọng vua mình hơn.*

*5. Các bề đảng biết rõ danh phận của vua quan đã định, thì vị tất trong một lúc mà các nước đều giúp cho mình làm bậy.*

*6. Các nước Tần, Tấn, Tề, Sở sức lực đều mạnh ngang nhau không chịu để cho ai lợi mà mình hại.*

*7. Người ở thế lực trọng yếu biết rõ nhân tâm đã có chỗ chuyển hướng, những người đồng liêu đã liên kết ngoại giao, thì làm sao có thể thuyết phục hết người này đến người khác, cần gì phải ngầm ngầm kết bè phái đảng*

riêng nữa, bởi vì chỉ sự tồn tại cho mình mà không được lợi gì cả.

8. Nếu lập một họ khác thay ngôi thì phải có một sự thay đổi lớn, may mà được người khác giúp cho toại ý riêng, thì như thế là làm hại cho những người an phận thủ nghiệp, lợi riêng thì ít mà hại người thì nhiều, e rằng mọi người sẽ oán giận khó mà làm được.

9. Các nước đều bắt chước nhau, tranh mạnh lẫn nhau, tự phấn đấu cho tài xảo ngày càng thịnh.

10. Chỗ có và chỗ không giao thông trao đổi với nhau, chung nhau cái hay, đồng nhau cái lợi, bắt chước lẫn nhau để cho đạo đức phong tục được đồng nhất.

11. Điều thẳng lẽ công đều công bố ra cho thiên hạ, việc sai đúng phải cho mọi người bàn luận, không dám tự mình che giấu bào chữa cho cái xấu.

12. Vua có bốn phận của vua, quan có bốn phận của quan, dân có bốn phận của dân. Danh phận mỗi người đều có cái quý trọng riêng. Người quý kẻ tiện không cướp đoạt ngôi thứ nhau. Cho nên người nối nghiệp, từ nhỏ đã không dám làm sai bốn phận của mình, lớn lên thì hành phận sự tất phải tinh thuần, cũng không dám vượt qua phận sự mà cải đổi sự nghiệp, vì e rằng trong bụng không có cái chí báo phục, thì một khi có việc gì cấp thiết sẽ khó bề chống đỡ. Hơn nữa, mỗi bốn phận có một cái cao quý riêng, không được có ý tưởng được voi đòi tiên.

13. Mỗi người đều được đặt để một vị trí. Khả năng nào thì vào nghề ấy. Trách nhiệm nhỏ thì dễ đền bù. Chức vụ nhỏ thì dễ giữ. Nghề tinh thì không sai. Dùng chuyên thì không bị xâm lấn. Việc bình thường thì không đến nỗi bỏ phé.

14. Mỗi người tinh một nghề. Mỗi nghề có cái kỳ diệu đáng quý của nó, đều có tiếng hay, tiếng tốt đáng khen của nó, không có sự so bì bên khinh bên trọng. Như cái áo, có cái rộng cái hẹp, cái dài cái ngắn khác nhau để thích dụng cho hình vóc từng người. Người thấp thì không ghét áo dài, người nhỏ thì không chê đai rộng. Mọi việc đều có cái quy trong riêng của nó, khi thành công thì đều giá trị như nhau. Như tay chân trong thân thể người ta, tuy có cao hạ quý tiện khác nhau nhưng cũng không vì thế mà ghét bỏ làm tổn thương lẫn nhau. Cho nên một người có cái kỳ xảo thì mọi người đều thêm vinh, một người có tài thì cả nước được tăng phần kính trọng. Mọi người tài giỏi đều cảm thông nhau thì không có cái hận ta hơn người thua, không có tình trạng ta mạnh người yếu. Cho nên trên dưới đều hết lòng với việc làm của mình, không có các bệnh ghen ghét kẻ tài hiền.

"Trên đây là mười mấy điều đại cương rút trong cái thuật tung hoành mà ra. Ngoài ra trong nhân dân còn có những sự liên kết với nhau để phụ giúp lẫn nhau như là kẻ đứng bên cạnh giúp vào, để giúp thêm vào mười mấy điều kia thì không thể nào kể hết được. (Còn như có những đường lối chính trị như thế nào đúng với tình cảm và lý lẽ

này mà hợp với chính trị nước ta thì càng không thể kể hết, không cần nói rõ ở đây).

"Đó là những điều mà sách kinh đời xưa đã ghi chép như vậy, các bậc hiền triết đã làm khuôn phép như vậy, những người khai sáng đã tạo lập quy mô như vậy, phong tục đã kết thành như vậy, các nước đã noi theo trật tự như vậy, mà một mai có người muốn lập lại một cái gì khác, thật cũng khó có thể làm được. Cho nên, bậc là vua biết rõ cái thế trường cửu đã có, không có bụng nghi ngờ bề tôi ở dưới, kẻ làm dân biết rõ cái lợi hại của việc trị, việc loạn nên không có cái chí phạm thượng. Trên dưới tự mình không nghi cũng không ngờ lẫn nhau. Mọi việc gì đều có sự phó thác rõ ràng, người nhận lãnh vui lòng, không có điều gì tối tăm, lo lắng, cho nên dễ đi đến chỗ đúng đắn, dễ bày tỏ, dễ cởi mở, dễ phân giải, tất cả đều là do thật lòng tin tưởng nhau, cho nên dù có sự bất bình cũng tin nhau, không nở trách cứ hà khắc. Được như vậy là đều do không nghi kỵ gì nhau mà ra. Nếu đã nghi thì hại đến lòng tin. Không tin tưởng thì đa kỵ, đa kỵ thì hại đến trí khôn, trí bị tổn hại thì dễ bị hỏng việc, việc hỏng thì sinh hại, hại sinh thì có lắm điều lo buồn, lo buồn nhiều thì tâm loạn rồi sinh ra lắm sự sợ hãi, sợ hãi nhiều thì khí chất kém đi mà sinh ra nhu nhược thì mọi việc chần chừ do dự không dám quyết đoán. Nếu trong bụng không có định kiến chủ trì thì khi có ngoại hoạn nổi lên tấn công ta, ta sẽ không có cái gì đối phó lại, tất sẽ tán loạn tan tành,

*đại thế sẽ ngày càng giảm. Những cái đó đều do chỗ ta với người nghi ngờ nhau mà sinh ra cả.*

*"Tôi nhìn chung thấy cái thế các nước trong thiên hạ xưa nay, các nước phương Đông phần nhiều cái hoạn ấy do tích tụ lâu ngày thành thói quen. Nhưng về học thuật thì cũng có cái giống nhau cái khác nhau. Nhưng hùng biện hay mà làm cho rối rắm điều phải trái khiến người ta có cái ý bỏ đây theo kia. Đó là do cái tệ quá đề cao hoặc quá hạ thấp mà ra. Có phú quý rồi mới thấy có tật; vinh nhục đã định rồi mới thấy điều tranh chấp, nhân tình là như thế đấy. Nghệ Tố có nói rằng: "Ở địa vị như thế thì ai mà chả muốn làm". Cho nên khi được gia ân lớn thì chiếm giữ lấy chỗ quan trọng để rồi họa hoạn sinh ra từ trong tay áo. Đã có trị tất có loạn, đó là lẽ thường tình. Người hay sinh chuyện thì lại mượn cơ người ta nói vua thất đức, trời sinh tai biến làm thực chứng, để ôm lấy cái ước vọng sai lầm của mình. Làm quan khi có điều gì sai thất, thì người ta sẽ nhân lúc bề trên nghi ngờ mà dèm pha vu khống khiến người ta bắt chước làm con trượng mã, sợ nó hý lên một tiếng thì có người bị đuổi. Người nào cũng lo giữ lấy mình, không dám có phát minh sáng kiến gì. Người thợ không tinh kỹ xảo, người học trò không lo học để mai sau ra làm quan. Hễ có nhiều những chuyện trục xuất, giáng chức, đổi chức, điều động, thì những mối lo được lo mất luôn luôn hiện ra trước mắt. Những tuồng đấy người ta để tiến mình lên, rình mò sau lưng, đương chức mà như là ngồi trên đệm có kim chích, làm việc thì*

lo như là bị gai đâm, không được thung dung để phát triển điều hay.

"Kẻ đắc thời biết có con đường có thể tiến thân, có thể thừa cơ được cho nên cứ muốn vượt người ta mà ngoi lên. Như người xưa nói: "Thà làm đứa chăn trâu đầu đàn, chứ không làm ông quan lớn hạng nhì trong triều". Biết có chỗ phục thù, bọn người đắc chí, cứ hờn hờ mà đi để quyết hã cái hận "được làm vua, thua làm giặc" như người xưa nói: "Không lưu tiếng thơm muôn thuở, thì để tiếng xấu vạn năm". Lại có một loại người, động một tý là mượn thánh hiền, hễ có việc bất bình thì vội đòi phé lập.

"Có cái chí như Y Doãn cũng nên. Sao không biết rằng người đầu phải ai cũng là Nghiêu Thuấn cả, mà việc gì cũng làm được hay được tất cả. Theo lẽ thường tình mà nói thì vua quan đều có phận sự riêng, ai chẳng muốn ở cho yên hưởng cho lâu. Cho nên ra làm điều gì thì muốn việc cho được, công cho thành, đó là bản chí của mọi người. Nếu có làm điều gì sai lầm ngoài ý muốn, hoặc cơ hội làm lần thì lo thay đổi gấp để cho người ta không sửa đổi kịp. Như thế là giáo dưỡng người rất khó, mà vứt bỏ người thì quá dễ. Đường tài đức xét ra không cùng, dẫu muốn đoạt lấy hết tài đức trong thiên hạ cũng không lấy hết được. Như uống nước sông, tùy lượng chứa của mình rộng hẹp, nhưng tất cả đều được no đủ, không cần phải đoạt lấy của người để làm dồi dào cho mình.

"Hơn nữa, hiền tài là sức lực của quốc gia, sinh lực con người ta mà mạnh thì mọi gân cốt trong người đều

*mạnh. Thế thì tại sao không nghĩ đến lợi ích chung, không lo đến hạnh phúc chung? Mình đã không tốt lại còn muốn người khác xấu để chia cái xấu với mình. Như ngôn ngữ Trung Quốc có câu: "Kéo người ta xuống vũng nước dơ mong cùng tắm như mình". Mình đã không có tài thì không muốn cho người có tài để khỏi lộ cái dở của mình ra, rồi làm đủ cách để chôn vùi người ta đi. Như người ta thường nói: Tài là hay đi với cái họa, thật là cái họa của sự có tài vậy. Kê sĩ bất kỳ có tài giỏi hay không, cứ vào triều là sinh tặc cả. Thế thì nước nhà còn mong gì mà dành tài được? Sĩ phu tội gì mà ôm tài hại thân? Lại có một loại tặc hơn, tiếng là đào tạo tài, như thực ra vứt bỏ tài. Sở dĩ được thành tài phần nhiều là do tích lũy thuận đạo, như người ta thường nói: Con nhà tướng ra cửa nhà tướng.*

*"Nay hễ nghe khen thì mời về, nghe chê thì đuổi đi. Việc chứa giữ tài, nguồn gốc của nó thật sâu xa, mà việc dùng hay bỏ tài thì lại bỗng chốc tạm bợ. Như vậy chẳng những cô phụ việc cầu tài của trên mà kẻ có tài cũng vô dụng; khiến đến nỗi kẻ có tài sau này bế tắc không đường thăng tiến; khiến kẻ có tài mà không gặp hội phải vứt bỏ hết bao công lao trước kia mà thay đổi nghề nghiệp như Hứa Hành, thật là chua cay, khiến đến nỗi sau này có cái hận làm điều thiện mà không được báo đáp, như người xưa có câu than thở "giận mình đã làm lỡ làm kiếp nhà nho". Cho nên nhiều người tức tối thất vọng, thất chí không có nơi nương tựa để phải mắc vào nhiều tội ác. Người ta đâu phải gỗ đá trơ trơ, ai không muốn sửa chữa*

tội lỗi trở thành người hiền lành. Dù có kẻ ngu ngốc không đổi nét thì cũng nên nghĩ đến công lao trước kia của người ta, để khuyến khích kẻ hậu tiến, để bù đắp cho hậu đạo, ai lại nỡ để mình làm quan đại thần mà con cái đi ăn xin. Đến nỗi khiến người xưa có câu: "Có thể làm quan thanh liêm được, nhưng không thể làm". Con cháu của Thang Võ cũng không có đất cắm dùi.

"Nhu thế thì hiện nay ai chịu bỏ sự hưởng dụng cả một đời để đổi lấy cái cơ cầu ngày sau chưa chắc chắn ấy? Cho nên người xưa có câu: "Cười chê chửi mắng mặc thầy, quan to lộc hậu thì đây cứ làm". Những cái đó đều do biết rõ cái thế không được lâu dài, hưng vong chưa ổn định, thịnh suy không biết lúc nào, phải trái không đích xác, được mất bất thường, thực hư không phân biệt, thưởng phạt không lâu dài, ra làm quan hay ở nhà không định trước, tiến thoái không tính liệu, như nước trong ống xe đạp nước, như sóng nơi trường giang, như tiếng sáo diều, như hình mây cầu vồng. Kẻ thất phu lên làm vua thì không kể gì thế hệ. Vua xuống làm dân quê thì tính chi đến chuyện cao thấp. Từ trên xuống dưới không ai là không ôm cái quái thai ấy. Cho nên phải giải quyết cái căn bản là phải thấy được cái gì làm cho lòng người dao động.

"Các nước lớn ở phương Đông, xưa nay lên xuống đại loại đều như thế cả. Là vì không tinh thuần đạo học, không đồng nhất tâm thuật, không có cái thế liên hợp, không coi trọng danh vị mà gây ra cả.



*"Còn như các nước Đại Tây, Tiểu Tây cùng các nước Nam Tây Châu thì trái lại, đúng như đầu mỗi bài kinh đã ghi, tuy có sớm muộn khác nhau, nhưng đến nay đều đã dần dần biến đổi cả rồi. Khi chưa biến đổi, các nước ấy còn tệ hơn ở phương Đông, điều đó sử cũ đều có ghi chép, chỉ nhìn qua cũng thấy rõ.*

*"Nhưng những việc đó đã thuộc về dĩ vãng không nói làm gì, bây giờ chỉ nhìn vào sự tân tiến của họ cũng đủ chứng tỏ sự xưa và nay khác nhau rất xa. Người ta ai cũng lo gấp phòng bị hoạn nạn, mà không biết cách làm sao cho hoạn nạn đừng sinh ra, không biết làm sao cho hết hoạn nạn, mà chỉ lo sắm những công cụ phòng bị hoạn nạn. Như thế thì dù có xua hết thiên hạ ra làm cũng không đủ. Nếu biết dựa vào sức và nhờ vào thế của nhiều người, sao cho mọi người đều quan trọng việc công và lòng người đều tôn kính bề trên, như Giả Nghị nói: "Gieo vào lòng người sự tôn kính" thì thiên hạ không có loạn. Vì rường danh đã định, vị đã lập, lý đã chính, thế đã đồng, các nước đều như vậy cả; lẽ nào một nước lại có thể trái với các nước mà đứng riêng một mình một cõi được sao?*

*"Tôi đã hiểu rõ cái chân lý của đạo trung ái trong kinh, biết rõ danh vị là lợi ích cho nhân dân, thấy thiên hạ có sự yên trị lâu dài, lợi ích to lớn là do chỗ một họ cầm quyền, do chỗ đời đời truyền nối. Mà chế ngự được nhân tâm là do trị lý về kinh tế, và duy trì được đời đời dài lâu là nhờ ngoại giao. Cho nên tôi thiết tha muốn cho nước nhà được hạnh phúc tốt lành như thế".*

*Kính bǎm"*

(Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo. Trường Bá Cǎm; Sđđ)

Trong bài di thảo này, những người theo Thiên Chúa giáo La Mã (Công giáo) có thể hiểu được dễ dàng, nhưng những người không theo Thiên Chúa giáo La Mã thì thật khó lòng hiểu nổi. Nguyễn Trường Tộ viết:

*"Vĩ nếu không có đạo vua thì không thành thế gian. Phương Tây gần đây không có ai phạm tội giết vua, không có hành vi khinh thị quý tộc. Tuy những xứ mn mọi như Trâu, Cử (tên hai nước nhỏ đời Xuân Thu, Trung Quốc) cũng không khinh lờn, vì đã hiểu rõ ý chí của kinh thánh. Trong kinh xưa có nói: Tạo vật (Chúa Trời) đã từng vì tội của vua quan mà trừng phạt dân ở đời này. Lại nói: Tuy vua vô đạo cũng không được gọi bằng thàng, và sát hại bừa bãi. Bởi vì phạt dân thì trong nước bị thiệt hại nhỏ, còn phạt vua trong nước sẽ bị hại lớn; mà thường khi hại dân có tội, Chúa cũng đặc biệt mượn vua quan làm roi vọt để thay Chúa mà trách phạt. Cho nên giết vua chẳng khác gì giết Chúa ... "*

*"Đạo Công giáo cũng tôn trọng tinh thần trung quân ái quốc và coi vua là cao cả nhất. Vua là thiên tử, tức là con Trời".*



### **Di thảo số 18:**

#### **Việc học thực dụng**

Về việc canh tân sứ sở, ngày 1 tháng 9 năm 1866 (tức là ngày 23 tháng 7 năm Tự Đức thứ 19), Nguyễn Trường Tộ đệ trình lên vua Tự Đức bản điều trần về việc học thực

dụng. Lúc bấy giờ vua quan Việc Nam chưa có ý niệm gì về việc học thực dụng cả.

*"Nguyễn Trường Tộ kính bẩm,*

*"Tôi trộm thấy mấy lâu nay Triều đình lo gấp về việc tự cường, mở rộng đường ngôn luận, đặt ra đề mục mới, khiến cho trong nước, tài nghệ gì cũng không bỏ, một điều hay gì cũng không để sót. Dụng tâm đó của Triều đình chẳng những là cần yếu mà còn thiết thực nữa. Tuy nhiên ngoài việc khoa cử thường lệ, chưa thấy ngành nào khác hưởng ứng để đáp lại lòng mong muốn của Triều đình. Chính là vì việc bồi dưỡng nhân tài chưa được liệu trước.*

*"Tháng trước, tôi đã có một tập trình bày về "Ngôi vua là quý, chức quan là trọng". Đó là những cái rất căn bản. Những điều phúc lợi trong nước đều do đó mà ra. Thực là một cái máu chốt quan trọng của sự thăng trầm xưa nay, của sự thịnh suy giữa ta và người. Bản lĩnh học thuyết của tôi là nắm cho được cái đó.*

*"Nay tôi xin đệ thêm một tập nói rõ thêm việc học tập bồi dưỡng nhân tài tức con đường rộng lớn để đi đến giàu mạnh. Những điều tôi nói trong đây tựa hồ như bỏ cũ theo mới, tôn người hạ mình. Nhưng "máng Phật tức yêu Phật", vậy xin thấu cho nỗi khổ tâm của tôi ở đây, mà rộng lòng tha thứ.*

*"Trộm nghĩ, nhân nghĩa đạo đức là bản tính của con người, dù người dã man cũng không thể bỏ những tính đó mà giữ được nước, dù giặc cướp cũng không thể bỏ ngoài*

trí hiểu biết sáng suốt ấy mà khuất phục được đồng bọn. Thế nhưng bàn về nhân nghĩa thường thường thấy rằng người ta hay bị cái lợi làm cho trí não hôn mê, đó là vì không có tài nghệ để tự bồi dưỡng cái sở học. Cho nên mới thấy lợi quên nghĩa. Lòng ham muốn mà thắng thì bỏ mất đạo lý. Người xưa nói: "kho lắm đầy rồi mới biết lẽ ti ết. Cơm áo đủ rồi mới biết vinh nhục". Nếu bị cái nghèo đói thúc bách thì lo kế sống cũng không xong, còn hơi đâu mà bàn lẽ nghĩa. Cho nên Mạnh Tử nói: "Nhân là phải dựa vào của cải". Khổng Tử nói: "Tín thì trước hết phải đủ ăn". Xét thâm ý ấy thì trước hết phải giàu có rồi mới nói đến giáo dục. Có tài nghệ mới thành công. Vì rằng có giỏi tài nghệ mới thấu hiểu lý lẽ của người và vật để bồi dưỡng cái căn bản đạo đức. Cho nên chính cái "thành chính tu tề" (1) chỉ thành tựu được sau khi đã cách vật trí tri mà công phu cách trí ấy là do học tập.

"Người xưa nó: "Một "vật" gì mà không biết thì nhơ sĩ lấy làm xấu hổ, chứ không nói một "chữ" mà không biết. Là vì thực ra trời, đất, người và ta đều là vật cả. Người xưa biết rõ phép cầu đạo thì nó: Gần thì cầu lấy ở bản thân, xa thì cầu lấy ở vật. Như vậy học tập ở bản thân, học ở vạn vật, học cái tài nghệ tức có thể sáng tỏ đạo lý.

"Người ta sinh ra ở đời, nền móng của đức nghiệp phải xây dựng từ khi còn ít tuổi. Vì vậy, đời xưa khi bắt đầu dạy học thì dạy cho sáu nghề. Tức là khi đã có đức có nhân để làm chỗ y cứ rồi mới dạy cho học. Cũng gọi là "du nghệ" bởi vì nói nghề tức là có thủy có chung. Đời

xưa sử dĩ gọi là đại thánh, là vì người đó biết mở mang các vật để phục vụ nhân sinh. Phục Hy, Thần Nông, Hoàng đế sáng chế dụng cụ, đến Nghiêu Thuấn thì biết sắp đặt các nghề thợ, sửa sang nhà cửa, Đại Vũ trị thủy phân chia nước vào ruộng, Thang Vũ đánh dẹp mở mang cơ nghiệp, Chu Công thu góp những cái hay của đời trước đặt ra điển lễ, Thái Công biết đặt ra chín phủ. Thời ấy chưa ai nói đến chữ "văn chương" cả. Từ Tam Đại về sau làm vua thì như Ngũ Bá và đến Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh những nhà sáng nghiệp mở mang cũng chưa từng thấy kẻ văn học ra làm quan làm tướng. Còn như Quản Trọng giỏi nội chính, Tiên Chấn có tài dùng binh. Tô, Trương thông thạo thuật tung hoành. Tiêu, Tào ít chữ nghĩa, cho đến Trương Lương, Đặng Vũ, Khổng Minh, Phong, Đỗ, Quách Tử Nghi, v.v... cũng chưa có ai nhờ câu văn chương chữ nghĩa mà nên danh cả. Đời Chu có Hiểm Doãn, Hán có Hung Nô, Đường có Đột Quyết đều là những Bắc địch, Tây Nhung cả. Lúc bấy giờ những nước đó cường thịnh mà ở sát Trung Quốc nhưng vẫn không thể xâm lấn chia cắt lâu được. Bởi vì lúc bấy giờ có nhiều người tài giỏi nghề hay để sử dụng.

"Nay xem các sách binh thư, luật dịch, phương dược khí nghệ đều từ trước đời Đường và sau Ngũ Đế truyền lại thì đủ biết chuyên môn thời ấy như thế nào. Về sau, Tống, Minh lại chuyển về ăn học làm thế nước yếu kém để đến phải mất cho Nguyên, Thanh. Tuy có thể do vận hội xui nên nhưng cũng do thiếu người tài giỏi giúp đỡ. Ở phương

Tây cũng vậy, đồng thời với Đương, Hán, Tống thì La Mã là một triều thất thống, vũ công vang lừng bốn bể, uy linh rung chuyển ba phương, họ có nhiều chế tác kỳ dị lưu truyền mãi đến nay. Nhưng từ trung thế kỷ về sau vì những người cầm vận mệnh chỉ lo yến hội mua vui làm trọng, kẻ làm quan thì lấy văn từ làm bậc thang tiến thân. Đã một thời bao nhiêu quân tử ra đời đều chuyên chuộng chữ nghĩa văn chương, viết sách làm luận để tự cao lập dị dần dần bỏ mất cái học thực dụng, đến nỗi nước Tây Bắc tràn qua đánh phá mà tan thành từng nước nhỏ. Đến nay người phương Tây vẫn lấy đó làm răn. Cho nên khi chọn quan, họ không hề đặt ra một khoa văn chương nào cả. Trừ Trung Quốc, Nhật bản, Cao Ly và nước ta ra, không có nước nào lấy văn chương để chọn nhân tài. Đó cũng vì thơ phú không đuổi được giặc, nghìn lời không được một kế sách, cho nên thay đổi đi mà lấy những điều tạo hóa hành sự làm cái học thực dụng, vì tạo vật là bậc thầy vĩ đại của muôn dân. Phàm những việc làm của tạo vật đều là thực dụng, như bốn mùa thay đổi muôn vật hóa sinh, khí bốc lên, nước rơi xuống, mặt trời, mặt trăng, sao ở trên trời, gió, mây, mưa, mù ở trong khoảng không, loài chim, loài cá, động vật, thực vật ở trên mặt đất, sự vận động, sự kinh doanh của loài người ... tất cả mọi cái sinh sinh hóa hóa mà ta thấy đều là sự vật thực tế cả. Chúng ta là những người của tạo vật, mà lại không theo những hiện tượng tự nhiên đã dạy bày, không lập những hình dạng cụ thể đó, không học những quyền lực kỳ xảo đó, không nghiên cứu độ số vận động của hành tinh, không biết khai

*thác kho tàng quý báu trên núi, dưới biển, không dùng những đức tính quý báu dồi dào mà trời đã ban cho. Tất cả những khí lực tài chất của tạo hóa sinh ra, những cơ nghiệp lâu dài tạo vật để lại, lại đem gởi cả vào những vẩn từ sương rỗng vô dụng mà không nghĩ đến cách tác thành những gì tạo vật để lại, không biết khéo dùng những gì tạo vật đã ban cho. Đến khi sự thế cập bách xảy đến thì lại than trời rằng: Sao trời làm cho ta bần cùng khốn khổ. Thế chẳng hóa ra làm nhục tạo vật đồ sao! Vì vậy cho nên học tập tài nghệ là bắt chước theo các cách thức của tạo vật, như người đời xưa thấy hoa bông bong xoay tròn mà bắt chước chế ra xe, thấy mặt trăng khuyết mà bắt chước chế ra cung, lấy hình dạng của các vật mà chế ra chữ viết, nghe gió thổi mà đặt ra âm nhạc, bắt chước hình ngôi sao mà chế ra đồ dùng, xét địa thế xây dựng nhà cửa, mọi khuôn mẫu chế tác đều như thế cả. Hiện nay các nước phương Tây, tất cả những khí cụ kỳ lạ, không có cái gì là không dựa vào sức tự nhiên của trời đất để làm. Do đó nhà cơ học có nói rằng: Sự tinh xảo của máy móc lớn nhất cũng giống như người đã man lấy que gỗ dùi đất gieo hạt. Có điều người ta không xét thì không biết đó thôi. Cho nên phàm những việc học tập đều là học những cái mà tạo vật dạy cho, phàm những trí thức đều là sức hiểu biết những cái mà tạo hóa hình thành, phàm những công việc làm đều là nhân những cái mà tạo hóa đã tạo ra, phàm những cái có được đều là hưởng những cái tạo hóa đã để lại. Thế mới gọi là con người hoàn thành công việc của trời vậy. Từ xưa đến nay mọi*



việc trong thiên hạ không có cái gì không suy nghĩ mà biết, không học mà hay cả, dù thánh nhân cũng học không biết chán, hướng hồ người thường. Học những gì thực tế thì sẽ có thực dụng, học những cái vụn vặt thì chỉ được cái vụn vặt, trồng dâu được dâu, đó là lẽ tự nhiên, không ai có thể làm trái với đạo lý đó được. Cho nên chúng ta muốn lấy cái học tự kỷ mà cho là vẻ vang thì cũng chỉ được những sự vẻ vang như lễ nhượng đầu môi chót lưỡi mà cho là đẹp. Còn những cái ăn mặc, thú vui tiêu khiển là tất cả chữ nghĩa văn chương thì làm sao chúng ta có thể tận dụng được cái kỳ diệu của trời đất?

"Người phương Tây cũng là người, họ đâu có thể vượt ra ngoài trời đất để mà học, thế sao cái học của họ được công hiệu. Như tôi đã bầm trong bài nói về: "Ngôi vua, chức quan" là do họ biết lấy những thực tế tạo vật ra mà học. Cho nên trong âm thầm họ được mặc khải để làm nên cái diệu dụng của trời đất, **để giúp tạo hóa những cái mà tạo hóa chưa kịp làm.** Người nước ta không phải con dân của tạo hóa đó sao, thế mà bây giờ lại thấp hèn làm vậy. Những điều tôi trình bày ở đây không phải là muốn bỏ hết cái cũ mà mutu cầu cái mới. Nhưng phải lấy cái hay của mình có sẵn, còn phải gom cả những cái hay của thiên hạ mới sáng tạo ra. Như thế những cái mới thiên hạ có mình cũng có, và những cái mình sẵn có thì thiên hạ không có. Lấy hai điều biết mà địch lại một điều biết như ở đoạn giữa của bài "Lục lợi từ" tôi đã trình bày. Như thế ai dám khinh rẻ nước mình?

*"Nay xin Triều đình đặt ra nhiều đề mục giao về cho các quan địa phương truyền hỏi bất kỳ người nào, bất luận lương hay giáo, ai tìm được thực lý, thực sự thì theo, đầu đề viết thành bài nạp lên. Hàng tháng các quyển ấy được đưa về Kinh một lần để khảo duyệt. Bất kỳ quyển nào giúp ích cho việc cần gấp thì được ban thưởng và khuyến khích, rồi sức cho người ấy y theo quyển mà thi hành. Nếu việc làm phù hợp với lời nói và có ích cho việc công của nước nhà thì chiếu theo khoa mà bổ dụng. Nếu như có ích cho việc tư trong dân gian thì được cấp bằng để tự chế tạo ra mà phát hành. Nếu như quan địa phương có ý kỳ thị người nào mà giấu bài đi, thì người ấy được phép lên tâu Kinh tố cáo. Những đề mục đó xin kê ra như sau:*

*1) Xin cho các trường quốc học, tỉnh học, các trường tư và các bài thi Hương thi Hội đều chú trọng vào tình hình hiện tại, như luật lịch (2), binh quyền, các chính sự về công hình lại lễ (3) không giấu giếm, có cái gì tệ hại,*

*có cái gì hay ho, có cái gì nên để lại, cái gì cần thay đi, những cái cần thiết trước mắt, những cái có thể phân tích tỉ mỉ trước mắt, những cái có thể phân tích tỉ mỉ xác đúng hợp thời, thì được coi là trung cách, còn những chuyện cũ thí chỉ là thứ yếu.*

*2) Xin đặt các khoa hải lợi. Những người biết làm muối theo cách thứ mới, tìm ra các phương pháp chài lưới*

*ghe thuyền đặng đó đánh cá, nuôi cá, ướp cá, v.v... hay hơn các phương pháp cũ thì xét mà ban thưởng.*

*3) Xin đặt ra khoa sơn lợi. Ai tìm cách khoáng sản mới như những mỏ kim loại và ai nghĩ ra phương pháp dò tìm như thế nào, phương pháp luyện kim như thế nào, phương pháp khai quật như thế nào, lại nghĩ ra những cách hay để săn bắt tê giác, voi, để tím của quý, để lấy gỗ rừng và các nguồn lợi của núi rừng, hoặc căn cứ vào địa phương gần chỗ mình ở vẽ được đầy đủ hình thế những hang sâu rừng thẳm, cao nguyên, ... đo đạc được xa gần, rộng hẹp, sâu hiểm yếu, ghi chú rõ ràng từng khoản một, rồi đệ nạp lên trên; trên sẽ tùy mức độ xét lợi ích lớn nhỏ để ban thưởng.*

*4) Xin đặt ra khoa địa lợi. Phàm những nơi có đất hoang, không kể ở rừng núi, hoặc ở bãi biển, hoặc ở doi sông cát bồi, hoặc ở hồ ao lầy lội, một mặt có ai nghĩ ra phương pháp hay để khai phá bồi đắp đề phòng được hậu họa, một mặt có ai xét thổ nghi ở đấy trồng thử các giống cây như dâu, đay, lúa, đậu mà được tốt tươi khác thường thì cũng tùy theo lợi ích mà ban thưởng.*

*5) Xin đặt ra khoa thủy lợi. Khoa này ích lợi rất lớn. Có ai nghĩ được phương pháp mới như về đào kinh, đắp đập, hoặc giữ nước đề phòng hạn, hoặc tiêu nước để chống úng, hoặc dẫn nước từ xa về tưới ruộng, hoặc tìm được mạch nước sâu để lấy nước uống, nếu dùng thử thấy kết quả, phương pháp đó có thể truyền bá thì ban thưởng nhiều để bù công lao (như Tứ Xuyên thường bị thủy tai. N*

ếu ta nghĩ cách trừ diệt được mối họa đó, thì nên dùng gấp để làm lợi cho dân).

6) Xin cho làm những đồ khí mẫn thường dùng hằng ngày, xem có ai nghĩ ra cách chế tạo, dựa theo cái cũ mà chế ra cái mới, vừa tiện lợi mà giá không cao hơn vật phẩm thường.

7) Xin nghĩ để cách thức ăn uống xem có ai với vật thường dùng nghĩ ra cách làm cho nhiều thêm hoặc để lâu không hư hỏng mà mùi vị lại thơm ngon hơn trước, hoặc là tìm được những vật nào ngày xưa chưa từng dùng để ăn mà lại có thể ăn được như các loại thức ăn cứu đói.

8) Xin nghĩ đến các vị thuốc có nhiều ở nước ta. Hơn nữa, khí chất của nó thích hợp với tính chất của người nước ta. Nếu ai lấy được các vị thuốc nào giống như ở Trung Quốc, nghĩ cách tinh chế ra giống như vị thuốc Bắc, và nếu ai lấy được các vị thuốc tục truyền cũng như các vị thuốc mà các dân tộc thiểu số thường dùng, tìm cách trồng và bào chế được thì không kỳ nhiều ít, đưa ra xét nghiệm thấy xác đúng sẽ cho biên vào bản thảo để ban hành.

Ba khoảng nói trên là đồ khí mẫn, thức ăn uống và vị thuốc đều nên phân biệt thưởng cấp, cho phép người tìm chế ra được hưởng lợi để thù lao cho họ.

9) Xin cho những ai đi ra nước ngoài mà lấy được các thứ thổ sản, chọn những thứ thích hợp thổ nghi nước

ta, đưa về trồng trọt xét thử quả thực có sinh lợi thì cũng thưởng như người tìm ra được thuốc.

10) Xin cho những nhà buôn trong dân gian biết góp vốn lập hãng buôn mà tiền vốn đến 100 vạn, hiện có xác thực thì ban thưởng cho họ. Do góp vốn hay là vốn riêng của một nhà mà đóng được thuyền lớn, hay là mua được thuyền thì bất luận kiểu loại gì mà có thể đi sang Đại Thanh, hoặc ra nước ngoài buôn bán cũng ban thưởng cho họ.

11) Xin cho trong dân gian những ai lập các hội cứu tế, như các loại hội cứu hỏa, hội bảo hiểm, thuyền buôn, hội khơi cảng thu thuế, hội thay nhà nước sửa chữa xây dựng cầu cống, đường sá, nhà cửa, hoặc xuất tiền cho nhà nước để hàng năm lấy lợi, hoặc quyên tiền cho nhà nước để lập ra nhà nuôi trẻ mồ côi, nuôi người nghèo khổ bệnh tật, và tự nguyện đứng ra quản lý những việc ấy, hoặc khi nhà nước có việc khẩn cấp có thể cho vay tiền từ một vạn trở lên, đều xét theo công lao, sự việc lớn nhỏ mà phân biệt ban tước phẩm, hoặc tặng cờ biển để khen ngợi.

12) Xin không kể người nào hễ biết tiếng nước ngoài như Y Pha Nho, Anh Cát Lợi thì xếp vào hạng 2, tiếng Trảo Oa, Trung Quốc thì xếp vào hạng 3, tiếng những nước gần biên giới phía Tây nước ta như tiếng Miên, Lào thì xếp vào hạng 4, biết tiếng Pháp thì xếp vào hạng nhất. Nếu qua khảo hạch được đúng thì lấy danh hiệu là Hành nhân, Tú tài mà châm chước miễn nhiều dịch cho họ vài năm hoặc trọn đời. Nếu ai tinh thông các sách về máy

*móc kỹ thuật của phương tây có ích cho việc thực dụng thì dịch ra, theo bản đồ vẽ lại, hoặc một bộ, hai bộ, ba bộ không hạn chế, những sách dịch ra lấy 1.000 trang làm tiêu chuẩn, để nạp lên Bộ, rồi cùng với Tây soái duyệt xét, không sai thì ban cho là Cử nhân tại gia.*

*13) Xin cho các chỗ đất công ở trong ngoài Kinh thành, nếu có nhà giàu nào xuất tiền nhà ra xây nhà ngói cho thuê, còn nhà tranh thì dỡ hết đi, thì sẽ tùy theo nhiều hay ít mà ban thưởng. Còn tiền cho thuê thì trích 2/10 cho vào công ích. Khoản này có nhiều trở ngại lớn, có nhiều lợi hại, Triều đình cũng đã hiểu rõ, tôi không dám nói thêm.*

*14) Xin cho lập viện dục anh, viện dạy trẻ, đây là một ngành hoạt động trong đạo giáo, các nước phương Tây chỗ nào cũng có. Nay nếu nước ta thiết lập được thì viết thư cho nước Tây cho phép các hội bên ấy được đến làm công tác cứu tế. Xưa, chính sách nhân hậu của Văn Vương lấy việc này làm đầu ... . Như vậy, nếu được chuẩn y thì mỗi tỉnh lập một viện và lấy các giám mục làm quản lý. Việc đó tôi xin lo liệu. Việc dục anh có ích cho trẻ con rất nhiều.*

*"Các điều kể trên là tôi chỉ chọn những điều tầm thường để làm, để dẫn tới những tác dụng to lớn sau này. Đó chỉ là toát yếu mấy đề cương lớn mà thôi. Còn các đề mục nhỏ trong đó không thể nói hết từng cái một (Dùng năm sáu trang giấy cũng chưa thể viết hết). Nếu Triều đình muốn đưa ra vấn đề nào, tôi xin lần lượt trình bày rõ*

từng điều một. Ngay như khoản tình hình chính sự hiện tại cũng đã rất nhiều, mà cũng có thể thay đổi dần dần. Điều này thật là cần gấp, thật là trọng yếu. Còn như các công trình to lớn, các máy móc tinh xảo, sau này cũng sẽ dần dần làm một vài cái để xuất cho dân. Đại phạm sự yêu hay ghét, theo hay bỏ của kẻ dưới đều do sự khuyến khích thưởng phạt của bề trên chứ không phải vì Đông Tây mà khác tính nhau. Hễ bề trên quý trọng chỗ nào thì dưới dân tranh nhau hướng đến chỗ đó. Ngày nay, cái mà nước mình quý trọng đó là Nho. Mà Nho thì quý trọng ở chỗ nhiều văn chương chữ nghĩa. Nếu như lấy cái công phu bền bỉ dùi mài chữ nghĩa văn chương mà học cả cái phong phú vô vàn của tạo vật thì sẽ được biết bao nhiêu điều quý báu. Bởi vì, vạn vật chia ra nhiều môn loại, môn loại nào cũng có cái kỳ diệu đáng quý của nó. Cho nên người ta bảo rằng mỗi vật đều có một thái cực. Nếu chia ra từng môn, từng loại mà học thì trong một nước có nhiều cái đáng quý, như thế chẳng hơn là chỉ quý có một cái độc nhất sao? Vả lại tình tình người ta không giống nhau, mỗi người có một sở trường để thích ứng với sự vật. Nay ta chỉ dùng một loại sở trường thì những người có sở trường khác còn hy vọng gì nữa mà đem hết sức ra làm?

"Nhìn chung lại người phương Tây, họ tuy theo tính chất của con người mà bắt chước nhiều sự thực của tạo hóa, lấy chỗ sở đắc để di dưỡng tính tình, mà quy về đạo đức. Cho nên người dân cũng được nhiều thành tựu để đáp ứng trăm công việc. Nước ta thì chỉ quý trọng Nho sĩ,

*cho nên dân cũng chỉ biết theo con đường học Nho mà thôi. Nay nếu cho dân biết rõ rằng Triều đình cũng quý cả nhiều nghề khác, thì sẽ không mấy năm, dân chúng cũng sẽ cống hiến được nhiều nghề cho Triều đình.*

*"Nay kính bẩm.*

*"Lục Bộ thượng thư, liệt vị đại nhân soi xét".*

(Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo. Trương Ba Cần? Sdd)

Việc học của nước ta lúc bấy giờ còn vô cùng lạc hậu. Các nho sĩ chỉ biết học thuộc lòng các sách cũ của người Trung Hoa, với mục đích duy nhất là được thi đỗ ra làm quan. Họ không có óc sáng tạo; không có ý niệm gì về việc học thực dụng. Nguyễn Trường Tộ đã nhận thấy được điều đó. Ông khuyên nhà vua nên thay đổi việc học theo đường hướng thực dụng như phương pháp giáo dục của phương Tây, một nền giáo dục thiết thực, hữu ích cho xã hội.

Cái khôn khéo nhất của Nguyễn Trường Tộ là biết nhẹ nhàng xen kẻ ý tưởng ca ngợi quyền năng Thiên Chúa vào trong việc học thực dụng.

- (1) **thành**: ý phải thành thực; **chính**: chính tâm, lòng ngay thẳng; **tu**: tu thân, sửa mình cho tốt; **tề**: tề gia, sắp xếp việc nhà cho tốt.
- (2) **luật lịch**: thuộc về thiên văn, khí tượng, lịch.
- (3) **công hình lại lễ** : bộ công, bộ hình, bộ lại, bộ lễ





### **Di thảo số 27:**

## **Tám việc cần làm gấp (Tế cấp bát điều)**

Tháng 10 năm 1867, Tướng Lagrandière đem quân tấn công chiếm ba tỉnh: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên thuộc Nam Kỳ. Ngày 15 tháng 11 năm 1867, Nguyễn Trường Tộ đệ trình lên vua Tự Đức bản điều trần *Tám việc cần làm gấp* (Tế cấp bát điều). Lúc đệ trình bản điều trần này, Nguyễn Trường Tộ có hay biết gì về việc quân Pháp đã chiếm ba tỉnh miền Tây hay không?

Bản "*Tám việc cần làm gấp*" của Nguyễn Trường Tộ trình bày rõ ràng, dễ hiểu, nhưng đế quốc Pháp đang trên đà xâm chiếm thuộc địa thì việc thi hành những lời khuyên đó rất khó thực hiện.

\*

"Tôi, Nguyễn Trường Tộ xin đem những điều tạm thời cần phải làm để giải quyết những việc khẩn cấp, thưa rõ như sau:

"Trộm nghĩ cái thế lớn trong thiên hạ cũng giống như con người ta vậy. Con người từ thuở nhỏ, rồi đến tuổi thiếu niên, tráng niên đến già lão là một đời. Phàm những việc làm lúc nhỏ, đến lúc thiếu niên mới biết những việc làm ấy là đáng buồn cười. Những việc làm trong lúc thiếu niên, đến tuổi tráng niên mới biết có nhiều lầm lạc. Duy những việc làm trong thời tráng niên mới là những việc làm định đoạt sự được mất. Nếu những việc làm ấy thành đạt được, mới có thể xóa bỏ những lỗi lầm trong thời thơ ấu và để lại hiệu dụng cho lúc tuổi già Như thế mới làm tròn bổn phận con người.

(.....)

**"Điều thứ nhất:** Xin gấp rút sửa đổi việc võ bị.

(.....)

**"Chính đốn uy thế quốc gia,** xin có mấy khoản sau đây:

1. Phải lần lượt xem xét các địa hình, chuẩn bị xây đồn đắp lũy để khống chế theo những chỗ quan yếu. Trước tiên từ kinh thành ra Bắc đến các cửa biển Quảng Yên, phải xem xét thật rõ địa hình theo lối mới, xây cất đồn lũy theo kiểu mới. (.....)

2. Phải chế tạo các loại vũ khí mới lạ có thể đối phó được với giặc, cất vào kho vũ khí để sử dụng khi hữu sự. Xưởng chế tạo phải giữ nghiêm mật. Nếu có những người

trí thức chuyên môn vẽ kiểu các loại đồn thành hay khí giới, phải đem thí nghiệm ở nơi bí mật. (.....)

3. Phải tích trữ vật liệu. (.....)

4. Nhà cửa trong Kinh thành bất luận là của quan hay dân đều phải xây gạch lợp ngói. (.....)

**"Điều thứ hai;** Xin hợp tỉnh, huyện để giảm bớt số quan lại và khóa sinh.

"Phàm làm quan, cần phải thanh liêm, có tài cán và siêng năng sáng suốt mới làm tròn chức phận, lại phải khéo điều đình phân xử mới giảm bớt những phiền nhiễu cho dân. Người giỏi hành chính thì một tỉnh đối với họ cũng chỉ như một huyện, một huyện cũng như một tổng mà thôi. (..... )

"Nếu Triều đình tìm được người nào có lòng ngay thực vượt hơn thường tình, xin phái họ ra Bắc Kỳ và vào Gia Định giả làm dân thường, thăm dò dân chúng, mới thấy những lời nói của tôi không phải là vu cáo, mà còn thấy rõ ở phủ huyện còn trăm phần tệ độc, tôi chưa dám nói ra. (.....)

"Đối với các quan trong các bộ ở kinh thành, từ chức Viên ngoại lang trở lên, cần phải tăng thêm một số để làm thay các công việc của Bộ. Còn các Đại thần của sáu Bộ thì chỉ nắm lấy đại cương điều khiển tổng quát mà thôi. Nay các Đại thần trong các Bộ cũng phải thân hành làm những việc lặt vặt không kể ngày đêm như các thuộc viên

ấy. Thế thì còn đâu thì giờ rảnh rang, đầu óc trong sáng để suy nghĩ sắp đặt những việc lớn.

(.....)

**"Điều thư ba:** Xin gây tài chính bằng cách đánh thuế xa xỉ.

"Điều này nhằm từ bỏ những xa xỉ vô ích mà ngấm ngầm gây tệ hại lớn. Đây không phải kế hoạch gây tài chính thực hành theo phương pháp mới như tôi đã trình bày ở Kinh đô năm trước. Điều này có hai cái lợi, một là sửa đổi dần dần những tiêu phí không cần thiết của dân chúng, để họ được giàu có thuần hậu; hai là dần dần bổ sung tài chính cần dùng cho quốc gia mà không tổn hại gì đến thường dân cả. Có bảy khoản xin trình bày như sau:

- 1- Xin đánh nặng vào thuế cờ bạc.
- 2- Xin đánh thuế rượu.
- 3- Xin đánh thuế thuốc lá.
- 4- Xin đánh thuế trà.
- 5- Xin đánh thuế hàng tơ lụa hoa mỹ.
- 6- Xin đánh thuế du hí.
- 7- Xin đánh thuế nhà những người giàu.

(.....)

"Pháp luật nước ta hiện nay còn sơ sót, hướng nữa là tục lệ dân gian. Cho nên nước với dân tựa hồ mỗi đàn đi một nẻo. Tôi không phải hạng người chỉ biết góp nhặt lợi nhuận, đưa ra bảy khoản trên, là vì thấy nó hợp lý và

*chính đáng, muốn sửa đổi những điều không tốt cho được tốt mà thôi.*

(.....)

**"Điều thư tư:** *Xin sửa đổi học thuật, chú trọng thực dụng.*

*"Không có một nền học thuật sáng suốt thì phong tục sẽ ngày một bại hoại, lòng người sẽ ngày một giả dối, phù phiếm trống rỗng. Tập tục sẽ làm thay đổi con người, dù người tốt cũng không tránh khỏi ảnh hưởng, hướng đi những hạng dưới. Lòng người đã hư hỏng thì khó tìm được người chuộng nghĩa thực tâm sốt sắng việc công.*

(.....)

*"Ngày nay chúng ta, lúc nhỏ thì học văn, từ, thơ, phú; lớn lên ra làm thì lại luật, lịch, binh, hình. Lúc nhỏ học nào Sơn Đông, Sơn Tây mắt chưa từng thấy; lớn lên ra làm thì đến Nam Kỳ, Bắc Kỳ. Lúc nhỏ học nào thiên văn, địa lý, chính sự, phong tục tận bên Tàu (mà nay họ đã sửa đổi khác hết rồi), lớn lên ra làm thì lại dùng đến địa lý, thiên văn, chính sự, phong tục của nước Nam, hoàn toàn khác hẳn. Lúc nhỏ học những lễ nhạc, cách ăn uống, cư xử, chiến đấu, doanh trại từ xa xưa của Tàu; lớn lên ra làm thì phải dùng đến lễ nhạc, cách chiến đấu, phép ăn ở theo quan dân nước ta ngày nay. Còn biết bao nhiêu những việc tương tự như thế, mòn bút khô môi cũng không kể hết.*

(.....)

*"Nay xin lập các khoa sau đây:*

- 1- Khoa nông chính.*
- 2- Khoa thiên văn và khoa địa lý.*
- 3- Khoa công kỹ nghệ.*
- 4- Khoa luật học.*
- 5- Dừng quốc âm.*

*"Nói về chữ viết thì đó chỉ là những ký hiệu đặc biệt thay lời nói để ghi chép công việc mà thôi. Nước nào cũng thế. Hồi mới có loài người chưa có chữ viết nhưng cũng vẫn là người không mất mát sai lầm gì. Về sau công việc mỗi ngày một nhiều mới có sai lầm thiếu sót. Đó là những người có trí tuệ tìm ra một thứ hình vẽ để ghi lại. Cũng như lối làm ra bàn tính vậy, ban đầu lấy hàng một làm đơn vị, rồi lên đến hàng chục, rồi lên trên nữa là hàng ngàn. Dần dần trải qua nhiều thế hệ, công việc càng tăng nhiều thêm, số hình vẽ do đó cũng phải tăng lên. Chữ viết tăng theo tiếng nói. Nếu bảo chữ xưa không thể thay đổi tăng thêm, thế là sai. Nước nào có chữ viết riêng của nước ấy, đọc lên ai nghe cũng hiểu. Học là chỉ học cách viết ra chữ mà thôi. **Vả lại trời sinh ra một nước thì cũng có một thứ chữ**, một thứ tiếng của nước ấy. Nước ta là một nước có tên tuổi vào hàng nhì của phương Đông, vậy mà chỉ một mình nước ta không có chữ viết. Có phải tại Trời không thương ta chăng? Không, đó là lỗi tại ta học chữ nước ngoài, lại tôn sùng thái quá, cho nên dù có kẻ tài trí xuất chúng cũng không dám sản tạo ra cái khác, sợ người dị nghị!*

(.....)

"Tôi tính quốc âm ta ước chừng hơn một vạn tiếng, trong đó chỉ có lối ba ngàn tiếng không thể viết như chữ Hán. Trường hợp đó, ta dùng những chữ Hán tương tự, rồi thêm hiệp vần vào một bên mà thôi. Còn sáu, bảy ngàn tiếng đã viết được như chữ Hán thì cứ viết, chỉ đọc như quốc âm thôi. Đó gọi là "chữ Hán quốc âm". Từ nay nễ có dịch các sách mới hoặc có người giỏi trước tác những sách về thời vụ thì bắt buộc dùng chữ Hán quốc âm. Như vậy người học sau này chỉ học mặt chữ thôi, không phải tốn nhiều công phu học cái tiếng chẳng phải Hán, chẳng phải ta. Có phải giải quyết được dễ dàng những việc khẩn cấp mà thu được lợi ích rất lớn không?"

(.....)

**"Điều thứ năm:** Điều chỉnh thuế ruộng đất.

"Xưa lấy thuế một phần mười. Ngoài ra cũng có các khoản khác, như "cống", "trợ", "triết", tùy lúc chứ không nhật định. Thuế có nặng có nhẹ tùy việc, chứ không phải theo ý riêng, hay tình cảm thiên vị gì cả."

(.....)

**"Điều thứ sáu:** Sửa sang lại cương giới.

"Cánh vực của một nước rộng hẹp bao nhiêu cũng như một nhà có bao nhiêu vườn ruộng. Chủ nhà không biết hết gia sản của mình có bao nhiêu vườn ruộng, tọa lạc ở đâu, như thế là thiếu sót với gia đạo. Đối với đất nước

cũng vậy, nếu không nắm vững cương giới một cách chính xác. (Để nắm vững một cách chính xác tình hình cương giới, phải dùng phương pháp mới của phương Tây ngày nay, chứ không thể theo phép tính điền ngày xưa.

(.....)

"Nay xin vẽ bản đồ tất cả các xứ trong nước. Về địa phận mỗi tỉnh, huyện, xã, thôn, phường, sách, động, trang, phải đo đạc lại hết cho phù hợp bốn bên, xa gần, rộng hẹp; đồng thời mô tả hình thể mặt đất, như tôi đã nói ở trên, rồi ghi chú rõ ràng vào bản đồ cả nước. Trong bản đồ phải có thuyết minh để thấy rõ các mối liên lạc. Vẽ bản đồ phải thực hiện nhiều loại, có loại vẽ phân tích ra từng phần, có loại vẽ tổng hợp chung tất cả các phần vào một; nhưng nói chung các bản đồ đều phải lấy độ số bằng dặm vuông để dễ suy toán.

(.....)

"Phần đông các nước trên thế giới đã làm việc này rồi, chỉ có nước ta chưa làm thôi. Nay xin cử gấp người đi học tập khoa này. Chỉ sáu, bảy năm cũng có thể dùng được rồi. Điều này rất quan trọng đối với chính sự quốc gia, không nên cho là cao xa khó làm mà không chịu hết lòng hết sức!

(.....)

**"Điều thứ bảy:** Nắm rõ nhân số.



"Nước với dân như cha mẹ đối với con cái. Cha mẹ mà không biết mình có bao nhiêu con, giàu hay nghèo, nghề nghiệp ra sao, sống hay chết, ốm đau hay lành mạnh, vui hay buồn thì chưa trọn đạo làm cha mẹ. Một nước cũng như một nhà? Cha mẹ quý con, Triều đình quý dân.

(.....)

"Tôi xin điều tra dân số không phải muốn để tăng thêm thuế ngay. Nhưng trước tiên là chấm dứt mọi gian dối xấu xa trong dân chúng.

(.....)

"Hãy xem liệt tổ triều đình ta khai thác đất miền Nam, chăm lo đời dân mở đất. Đến nay, từ Ả Vân vào Nam, giống ta ngày càng đông đúc, man mọi, ngày một tiêu dần, để lại cho quốc gia không biết bao nhiêu ơn nhuần thấm.

(.....)

**"Điều thứ tám:** Lập Viện Dục Anh và Trại Tế Bần.

(.....)

"Tôi thấy hiện nay Triều đình có xuất công quỹ lập Viện Tế Bần để nuôi người nghèo khổ. Nhưng vì người thừa hành không làm hết nhiệm vụ, nên chỉ có danh nghĩa mà thực tế những người nghèo khổ không được hưởng sự cứu giúp bao nhiêu.

"Không bằng phương Tây, người ta tự mở đồn điền, cất nhà lớn, nhiều người hảo tâm bỏ tiền ra giúp. Ở các

*nhà thờ, trường học tư, nhà chung v.v., đều đặt hòm cứu t ế. Ai muốn giúp đỡ bao nhiêu cứ bỏ tiền vào hòm. Mỗi ngày mở hòm lấy tiền, chia ra các nơi. Hội thánh thâu hết những người nghèo về nuôi, chữa bệnh. Người nào khoẻ mạnh thì dạy cho làm ruộng và các nghề vặt. Người tàn tật thì có công việc tàn tật, không ai ở không. Ngoài ra còn dạy họ làm các nghề thủ công để bán lấy tiền phụ thêm vào việc chi phí sửa sang trong viện. Nếu còn dư thì mua ruộng vườn, chăn nuôi sinh lợi thêm nữa. Còn rất nhiều cách làm hay khác không thể kể hết.*

\*

*"Tám điều trên đây, trích trong bài Tế cấp luận, đều là những việc cần phải làm trước hết đối với tình thế nước ta. Còn về thể tung hoành sẽ có một tập khác suy diễn rộng rãi hơn, ở đây không thể nói rõ hết được. Trong tập này cũng có một vài điều khoản nhỏ mới thêm vào. Cho nên tám điều này, tên tuy cũ, nhưng các việc đều mới, phát sinh từ tình thế nước ta hiện nay. Nếu làm đúng như thế sẽ bằng được như người ta, hoặc hơn người ta. Nếu không làm, nhất định phải thua sút thiên hạ.*

(.....)

*"Những điều trên đây, khẩn cấp nhất là việc "Chấn chỉnh vũ khí". Bổ sung vào đó là việc "Dẹp trừ tệ đoan, gây tài chánh". Việc "Chỉnh đốn học thuật" là cái gốc lớn của quốc gia. Còn việc "Kiểm tra số đình", "Kiểm tra điền thổ", "Sửa sang cương giới" là những việc cần gấp*

*để làm cho nước mạnh. Tôi chỉ nêu lên lý lẽ và đề ra những nét đại cương mà thôi. Còn việc thực thi phải chăm chú như thế nào cho thỏa đáng là quyền của Triều đình.*

(.....)

*"Nguyễn Trường Tộ ký "*

(Nguyễn Trường Tộ. Con người và di thảo. Trương Bá Cần. Sdd)

\*

Bài "*Tám việc cần phải làm gấp*" chứng tỏ Nguyễn Trường Tộ là một nhân tài, lại có lòng thiết tha muốn giúp nước. Ông đã thổ lộ hết tâm can, đã đem hết kiến thức của mình dâng lên Triều đình với ước mong cứu nước thoát khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu.

=====

#### IV

### **Tại sao Triều đình Huế cấm Thiên Chúa giáo La Mã ?**

Để hiểu rõ vì sao Triều đình Huế cấm Thiên Chúa giáo La Mã (Công giáo), chúng tôi xin trích dẫn những lời nhận xét của Đô đốc Le Page và của vài nhân chứng lịch sử khác.

**\* Đô đốc Le Page**

Trong bức thư của Đô đốc Le Page đề ngày 25 tháng 12 năm 1859 gửi cho Bộ trưởng Hải Quân có đoạn như sau:

*= "Những năm đầu lên ngôi, vua Tự Đức có một thái độ đối xử khá ân cần với các giáo sĩ. Nhà vua đã ra lệnh cho các quan lại địa phương có thái độ khoan dung, rộng rãi với họ (các giáo sĩ) trong những chuyện làm trái pháp luật, những chuyện phạm pháp nhỏ, nhưng rồi các giáo dân do các giáo sĩ lãnh đạo đã ngày càng xốc xạo mạo đến mức độ họ không thềm biết đến cả chính quyền địa phương. Họ công khai nổi loạn, họ tuyên bố người Ki-Tô giáo không thể vâng lời những kẻ theo một tôn giáo khác ... "*

(Thế kỷ XXI nhìn về Trương Vĩnh Ký. Trang 53; Tạp chí Xưa và Nay. Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn. 4/2006)

*= "Sự thật là người Pháp đến từ rất xa, lại không hiểu gì về tình hình, ngôn ngữ và tập tục của Việt Nam. Do đó, nếu người Việt Nam, trăm người như một, không cộng tác, không tiếp tay với Pháp bằng bất cứ cách nào, thì sớm hay muộn người Pháp cũng phải rút lui. Bằng chứng là đổ bộ lên bờ biển Đà Nẵng tháng 9 năm 1858, bị cô lập hoàn toàn, quân số hao mòn dần và không được bổ sung,*

tháng 3 năm 1860, Pháp phải rút khỏi Đà Nẵng. Ở Nam Bộ, tháng 2 năm 1859, Pháp đã chiếm được thành Sài Gòn, nhưng không đủ sức chiếm giữ phải phá hủy, đã phải co cụm trong một vài đồn bót gần sông nơi tập trung được tàu chiến và dần dần nhờ sự giúp đỡ của các **thừa sai Pháp**, đồng hương của mình, cũng như sự tiếp tay của một số người Việt Nam, Pháp mới có thể tăng viện để mở rộng vùng chiếm đóng, nhưng để tổ chức trấn giữ và tổ chức nền quản trị, Pháp đã gặp rất nhiều khó khăn, tưởng như tuyệt vọng, ... ".

(Petrus Ký, nổi oan thế kỷ. Trang 601-602. Nguyễn Đình Đầu. Nhà Nam, Nhà xuất bản Trí Thức, 2016.

= "Thật vậy, trong lúc dân chúng hoảng hốt chạy trốn khi quân Pháp kéo đến và tổ chức vũ trang tự vệ, ở nơi đông dân thì 3.000 tín đồ Ki Tô đi theo Pháp và xin được đưa vô Sài Gòn là nơi mà Page đã dựng lên một thị trấn. Tôi ngạc nhiên biết bao khi hôm sau các nhà truyền giáo đến nói với tôi rằng các con chiên An Nam không tuân theo một quyền lực vô đạo, họ nói như thế. Sao! Họ cũng không muốn có cảnh sát để chặn đứng trộm cướp du đảng, cướp bóc thành phố! Và tôi rất hổ thẹn khi thú nhận với Ngài rằng Giáo Hội Ki Tô tại An Nam đã ngạo nghễ đi rao giảng các nguyên lý đó. Ngoài ra không người An Nam theo Công giáo nào ngàn ngại xin gia nhập làm lính dưới cờ Pháp. Ông vua An Nam không theo đạo, không phải là vua của họ. Chắc bây giờ Ngài đã biết tại sao vua, quan đã coi các nhà truyền giáo là kẻ thù?

(*Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân*. Bùi Kha. Trang 163-170. Nhà xuất bản Văn Học, 2011)

Ông Đô đốc Le Page là tín đồ Công giáo mà không chịu nổi những hành động của các giáo sĩ, giáo dân thì vua, quan và những người Việt Nam không theo Công giáo làm sao chịu nổi.

**\* Lê Thành Khôi**

Lê Thành Khôi cho rằng:

*"Lê Văn Khôi tranh thủ giáo dân và các thầy dòng người Việt, lại rước cố Du (Joseph Marchand) về, mà giáo sĩ này muốn đóng vai trò một Bá-Đa-Lộc (Giám mục Pigneau de Behaine) bên cạnh những người nổi loạn với ý đồ lập một quốc gia Thiên Chúa giáo trên đất Nam Kỳ".*

(*Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh; 1991; Nguyễn Phan Quang. Trang 101)

Joseph Marchand là giáo sĩ thừa sai Pháp đến Nam Kỳ từ năm 1829.

Năm 1833, Lê Văn Khôi nổi loạn chiếm thành Phiên An (Sài Gòn), Marchand đã có mặt trong thành Phiên An. Tháng 8 năm 1835, quân Triều đình Huế hạ được thành, bắt sống được Marchand giải về Huế.

Marchand giúp đỡ Lê Văn Khôi và tự thú nhận đã viết thư cho người Anh và người Xiêm xin cứu viện cho quân Lê Văn Khôi. Marchand bị khép vào tội giáo sĩ ngoài quốc can thiệp vào nội trị nước Nam.

(*Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh; 1991; Nguyễn Phan Quang. Trang 150)

**\* Trương Vĩnh Ký**

Qua bài điều trần "Tự do tôn giáo" của Nguyễn Trường Tộ chúng ta là người có đạo đức, là một lý thuyết gia tài giỏi.

Trương Vĩnh Ký cũng là người công giáo, nhưng có cái nhìn khác hẳn Nguyễn Trường Tộ. Ông ta nhìn thẳng vào tình trạng bi đát của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Ông đau lòng thấy *"tình cảnh thảm thương của những thù nghịch tôn giáo giữa người Công giáo và người không Công giáo thù ghét nhau dữ dội"*. Ông can đảm nói thẳng những điều mắt thấy tai nghe:

*"Người An Nam đâu có thù ghét đạo Công giáo. Họ chỉ bất bình và phản đối những hành vi quá mức của một số linh mục, dựa vào sự che chở của quân đội Pháp và chính quyền Pháp, để tiếp tục thi hành những việc bạo ngược..."*.

(*Thế kỷ XXI nhìn về Trương Vĩnh Ký*. Trang 52; Tạp chí Xưa và Nay. Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn. 4/2006)

Trong báo cáo ngày 28 tháng 4 năm 1876, gửi Đô đốc Charner, Trương Vĩnh Ký viết:

*"Trước hết tôi xin nói rằng tôi bị đánh động bởi tình cảnh thảm thương của những thù nghịch tôn giáo giữa người Công giáo và người không Công giáo thù ghét nhau dữ dội. Trong các biến cố vừa qua, nếu các văn nhân và những người không Công giáo đã phạm những tội ác tày"*

*trời, thì sự thật là người Công giáo lắm lúc cũng không hề thua kém họ trong việc đánh trả. Trong khi đi thăm các vụ trong giáo quyền, tôi đã chia sẻ với họ sự lo ngại của tôi bằng cách làm cho họ thấy trước tất cả những thiệt hại có thể đem đến cho chính nghĩa của Công giáo bởi một vài hành động thiếu khôn ngoan của một vài người Công giáo. Tôi còn nghĩ là hàng giáo sĩ đi quá xa trong việc bênh vực quyền lợi của mình bằng cách đòi cho bằng được sự đền bù và những quyền lợi, trước thái độ khá đáng trọng, nếu ta có thể nói, và vô vị lợi của những giới chức không Công giáo lắm lúc bị những người Công giáo xấu tấn công. Về việc này, tôi xin chỉ kể trường hợp của ông Tổng đốc Nam Định mà là quê bị cướp phá, đốt cháy và phần lớn người trong gia đình bị giết chết do bạo hành của Công giáo. Xin cho tôi được phủ một tấm màn trên cảnh tượng hãi hùng của chiến tranh tôn giáo".*

*(Petrus Ký, nổi oan thế kỷ. Trang 599-600. Nguyễn Đình Đầu. Nhà Nam, Nhà xuất bản Trí Thức, 2016.*

**\* Vua Minh Mạng**

Vua Minh Mạng mật dụ cho các tướng:

*"Nghe tin đồn rằng quà bánh, thịt, cá bán ở chợ thường có bọ đàn bà con gái theo đạo Gia-tô ngấm bỏ thuốc độc vào. Quân ta đã có kẻ ăn nhằm ngộ độc. Nếu có thực như vậy thì mới lo về bọ theo đạo Gia-tô không chỉ ở trong thành Gia Định, mà e rằng bọ lũ ấy ở phía ngoài thành cũng không phải là ít? [.....]. Còn như trong quân có kẻ nào đã trót theo đạo Gia-tô thì nên bí*



*mật do xét mà phòng giữ trước đi, để tránh mối lo bất ngờ".*

*(Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định. Trang 99-100. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh; 1991; GS. Nguyễn Phan Quang)*

Trong bản tâu về Triều vào cuối tháng 2 năm Giáp Ngọ (1834):

*"Hiện nay ở trong thành, những người theo đạo Gia-tô ước độ hơn 300 người? ...".*

*(Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định. Trang 100. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh; 1991; GS. Nguyễn Phan Quang)*

Tháng 12 năm Quý Tị, vua Minh Mạng ra đạo dụ:

*"Trong bọn ra thú, có kẻ nào đã trót theo đạo Gia-tô thời chuẩn cấp cho mỗi tên 3 quan tiền, sai đến phía ngoài thành gọi bọn lũ, nếu biết sớm quay đầu theo về chính nghĩa thì tha cho khỏi chết, khoan miễn cho tội theo giặc, mà tội theo tà đạo trước kia cũng không hỏi đến nữa". (Nam Kỳ tiểu phỉ q.20)*

Vua Minh Mạng ra lệnh đối xử với giáo dân:

*"Hiểu dụ cho họ biết rõ người nào đã trót theo đạo Gia-tô thì nay bắt tất phải vội vã nghiêm cấm ngay, để mặc cho họ dần dần tự biết hối cải". (Nam Kỳ tiểu phỉ q.20)*

Và các quan tỉnh *"không được bài xích qua đàng những người theo đạo, không cần tra bắt, để họ yên tâm sinh nghiệp". (Thực lục)*

*(Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định. Trang 100. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh; 1991; GS. Nguyễn Phan Quang)*

\* **Thừa sai Eugène Louvet**

Từ năm 1873, thừa sai Eugène Louvet có mặt ở Sài Gòn viết trong cuốn *La Cochinchine Religieuse*, xuất bản tại Paris năm 1885:

*"Năm 1859 đã trôi qua trong phập phồng buồn thảm. Sài Gòn đã thuộc về chúng tôi, nhưng chúng tôi đi tới đâu thì ở đó vườn không nhà trống. Các tướng tá thù nghịch đóng chặt mọi đường qua lại và những hình phạt nặng nề đe dọa những ai tìm cách liên lạc với người ngoại quốc. Những toán lính viễn chinh nhỏ bé được để lại trong thành cần có lương thực tươi sống. Biết lấy ở đâu? Chính các giáo hữu, trong cảnh khó khăn của những ngày đầu, đã cứu giúp các đồng hương của chúng ta. Liên sau khi chiếm được Sài Gòn, đức cha Lefèvre vội vã kêu gọi các tân tông ( ... ) đến ở chung quanh ngài ( ... ). Nhiều ngàn giáo hữu đến một cách tự nhiên nấp dưới bóng cờ của chúng ta; như thế, đã hình thành chung quanh Sài Gòn một vòng đai xứ đạo sát cánh nhau, như các xứ đạo của chúng ta ở Pháp. Trừ Chợ Quán và Thị Nghè đã có từ lâu trước các xứ đạo hiện nay có từ lúc Pháp chiếm Sài Gòn"*.

(*Petrus Ký, nỗi oan thế kỷ*. Trang 593-594. Nguyễn Đình Đầu. Nhà Nam, Nhà xuất bản Trí Thức, 2016).

(*Thế kỷ XXI nhìn về Trương Vĩnh Ký*. Trang 61; Tạp chí Xưa và Nay. Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn. 4/2006)

Trong suốt thời gian quân đội Pháp đánh chiếm dần dần lãnh thổ nước Đại Việt có nhiều Giám mục, Linh mục thừa sai hợp tác với quân đội viễn chinh Pháp. Sau đây là

danh sách các vị cố đạo (giám mục, linh mục thừa sai) theo chân quân đội viễn chinh Pháp: Pierre Almato, Valentin Berrio Ochoa, Bonnard, Chamaison, Étienne-Théodore Cuénot, Delgado, Jose Marie Diaz Sanjurjo, Valentin Huc, Fernandez, Fontaine, Forcade, Marchand (cố Du), Melchior, Garcia Sampedro, Gauthier (cố Ngô Gia Hậu), Gaëntza, Henares, Jérôme Hermosilla, Launay, Lefebvre, Legrand de la Liraye, Libois, Jean Louis, Louvet, Miche, Pierre François Nérom, Oury, Pellerin, Retord, Roy, Jean Théophane Vénard,... .

**\* Giám mục Jean Louis**

Ngay sau khi Lê Văn Khôi nổi dậy chống lại Triều đình Huế, giám mục Jean Louis viết một bức thư từ Singapore, đề ngày 15 tháng 7 năm 1833:

*"Người cầm đầu cuộc nổi loạn tập hợp được một số đông võ quan và binh lính ngoan đạo (đạo Thiên Chúa) cùng mấy ngàn người Trung Hoa. (...). Mọi người hoan hỉ nói: Trời đã sai vị cứu tinh xuống để giải phóng và bảo vệ họ chống bạo quyền của Minh Mạng".*

*(Bức thư của giám mục Jean Louis được đăng trên tờ Báo Singapore và trên tờ Journal Asiatique de Londres (2-1835).*

*(Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định. Trang 95. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh; 1991; GS. Nguyễn Phan Quang)*

**\* Giám mục Retort**

Giám mục Retort viết thư cho M.Kleckowski:

*"Nước Pháp cần phải làm cái gì lớn lao quan trọng lâu dài, xứng với nó và Hoàng đế của nó. Nếu nước Pháp*

*chinh phục xứ này và cai trị trực tiếp, người dân Bắc Kỳ sẽ bằng lòng, nhưng họ thích sống dưới sự bảo hộ và ảnh hưởng của Pháp với một ông vua riêng".*

**\* Linh mục Trịnh Văn Phát**

*"Giúp quê hương không phải là bổn phận trực tiếp của tôi, nhưng tôi có bổn phận với Giáo hội vì tôi là người của Giáo hội và được đào tạo để sau này phục vụ cho Giáo hội. Có nhiều anh em yêu cầu tôi giúp địa phận, tôi thẳng thắn trả lời là tôi không có tư do lựa chọn, tôi đã được huấn luyện để phục vụ theo nhu cầu của Giáo hội".*

(Tập san Giáo hoàng Học viện PIO X Đà Lạt - Liên lạc, số 2, tháng 7 năm 1995. Trang 75. Nhóm Úc Châu thực hiện, dẫn theo Lê Trọng Văn trong tác phẩm *Việt Nam những sự kiện lịch sử trong thế kỷ XX*. Hoa Kỳ, 1997, trang 8.

(Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân. Trang 181-182. Nxb Văn học, 2011)

**\* Linh mục Valenti Huc**

Linh mục Huc trình bày cho Hoàng đế Napoléon III những điều lợi cho Pháp nếu chiếm được Việt Nam:

1) Về chiến lược: *"Đà Nẵng nằm trong tay người Pháp sẽ là một hải cảng không ai tấn công nổi và là cứ điểm quan trọng nhất để chế ngự Bắc Á.*

[Thu khố Quốc gia (Hồ sơ Hải quan), BB4 752B]

2) Về kinh tế và thương mại: *"Lãnh thổ Cochinchine (Nam Kỳ) màu mỡ có thể sánh được với các vùng nhiệt đới giàu có nhất. Xứ này thích hợp cho việc trồng trọt mọi sản phẩm thuộc địa. Các sản phẩm chính và phương tiện*

trao đổi hiện có là đường, gạo, gỗ xây dựng, ngà voi, v.v.; sau hết là vàng và bạc mà các mỏ rất phong phú đã được khai thác từ lâu".

3) Về tôn giáo: "Dân chúng hiền hòa, cần mẫn, rất dễ dãi đối với việc truyền bá đức tin Gia Tô ... .Chỉ cần một ít thời gian là có thể **cải hóa toàn bộ thành tín đồ Gia Tô và con dân trung thành của Pháp**".

(.....)

"Mặt khác, việc chiếm đóng xứ này là "việc dễ nhất trên đời, không tốn kém gì cả cho nước Pháp", bởi vì dân chúng "rên xiết dưới chế độ bạo tàn kinh khủng nhất... sẽ đón tiếp chúng ta như những người giải phóng và ân nhân". Tóm lại, vì rất quan trọng cho Pháp phải có một cơ sở giàu và mạnh ở Viễn Đông, nên dứt khoát phải chiếm Cochinchine. Và phải làm gấp chùng nào hay chùng ấy vì Anh cũng đã "dòm ngó Đà Nẵng".

"Chính linh mục Huc đã dâng văn thư này lên Hoàng đế vào tháng 1 năm 1857. Napoléon III đưa sang cho bộ trưởng Ngoại giao Walewski, và ông này yêu cầu Cintrat, Giám đốc Cục Chính trị, làm bản báo cáo về văn thư này. Sau báo cáo, Napoléon III quyết định giao phó vấn đề cho một Ủy ban (1) được thành lập ngày 24 tháng 4 năm 1857.

"Sau cuộc hội kiến với Napoléon III, linh mục Huc tràn đầy hy vọng. Trong thư đề ngày 21 tháng 5 năm 1857 gửi Chương lý của các phái bộ truyền giáo ở Hồng Kông,

ông viết: "Có lẽ Ngài sẽ thấy lại chuyện mới lạ tại Cochinchine. Tôi sẽ thảo luận với Hoàng thượng về vấn đề này" (2).

(1) Thư của Bộ trưởng Ngoại giao gửi Bộ trưởng Hải quân và thương mại. Thư khố Bộ Ngoại giao, châu Á, tập 27, tờ 300.

(2) Thư khố Bộ Truyền giáo Hải Ngoại, thư của linh mục Huc và linh mục Libois, dẫn bởi Ph. Franchini trong La genèse de l'affaire de Cochinchine, luận văn DES, Sorbonne.

(Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam. Trang 39-40. Giáo sĩ Cao Huy Thuần. Nhà xuất bản Hồng Đức, 2014)

### \* **Giám mục Pellerin**

*"Thất vọng vì thất bại của sứ bộ Montigny, giám mục Pellerin quyết định theo lời khuyên của đồng sự "đi Pháp để trình bày với Hoàng đế tình trạng thê thảm của các phái bộ thừa sai do các biện pháp nửa vời gây nên". Đến Pháp vào đầu tháng 5, ngày 16 tháng 5, ông trình bày trước Ủy ban và ngày 21 tháng 5 trao cho Ủy ban một bản trần tình chi tiết, trước khi được Napoléon III tiếp kiến. Trong một bức thư gửi cho một thừa sai ở Tây Tạng, ông tường thuật vài chi tiết đáng lưu ý về cuộc hội kiến ấy: "Hoàng đế đã tiếp tôi rất niềm nở và có ban cấp cho tôi nhiều hơn những gì tôi xin. Hoàng đế hết sức sẵn lòng giúp đỡ các phái bộ và ý Hoàng thượng muốn rằng các thừa sai Pháp phải được tự do ở khắp nơi; phải cầu nguyện Thiên Chúa giữ lại người của Chúa trên ngai. Các phái bộ của Ngài, các phái bộ ở Triều Tiên, ở Nhật Bản cũng sắp được tự do nay mai, phải hy vọng điều đó. Nước*

*Pháp sẽ dựng cơ sở vững vàng tại các xứ đó, và rồi sẽ không còn sự ngược đãi nữa".*

*"Nhưng sự việc có vẻ kéo dài mãi. Giám mục sốt ruột và thấy nên nhắc nhở Napoléon III về vấn đề ấy. Ông viết trong thư đề ngày 30 tháng 8 năm 1857: "Xin Hoàng thượng cho phép hạ thần nhắc lại một lần nữa về những người mới cải đạo khốn khổ ở xứ Cochinchine và các thừa sai Pháp ở nước An Nam; hiện giờ máu họ đang đổ và tình cảnh họ còn kinh khủng hơn từ khi có cuộc vận động sau chót của nước Pháp. Nếu bấy giờ chẳng ai làm gì cả, chúng tôi e rằng Gia Tô giáo sẽ bị tiêu diệt tại các vùng đất có vẻ rất sẵn sàng đón nhận ơn đức của tôn giáo này và của văn minh ... . Chúng tôi kính xin Hoàng thượng đừng bỏ rơi chúng tôi. Điều mà Hoàng thượng ban cho chúng tôi sẽ khiến cho ân phúc của Thiên Chúa ban xuống cho Hoàng thượng và triều đình huy hoàng của Hoàng thượng ... "*

*"Sau đó giám mục Pellerin trở về Rô-ma và được Giáo hoàng Pie XI tán thành các vận động của ông?"*

*"Xuyên qua những can thiệp của linh mục Huc và của giám mục Pellerin, ta ghi lại ý tưởng chính sau đây: cuộc viễn chinh mà hai vị ấy thỉnh cầu, nhân danh các thừa sai ở Việt Nam, không phải là một cuộc biểu dương lực lượng đơn thuần, cũng không phải là một cuộc chiếm đóng tạm thời một hay nhiều địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam; rõ ràng đây là một cuộc viễn chinh thuộc địa, vì nó nhằm xây dựng một thuộc địa Pháp vĩnh viễn ở góc này*

*của Viễn Đông. Ý tưởng này được một giáo sĩ thừa sai khác, linh mục Legrand de la Liraye, trình bày hùng hồn hơn trong bản luận cương ông gửi cho Napoléon III vào khoảng tháng 12 năm 1857. Cho đến nay các người viết sử không biết tài liệu này (1), có lẽ vì vận động của linh mục Legrand quá trẻ: thật vậy, Napoléon III đã có lệnh can thiệp vào Việt Nam từ tháng 11 năm 1857.*

(1) Chúng tôi (Cao Huy Thuần) tìm thấy ở Aix-en-Provence trong Thư khố Trung ương về Đông Dương (Hồ sơ các Đô đốc) 11.106/1.

(Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam. Trang 40-41. Giáo sư Cao Huy Thuần. Nhà xuất bản Hồng Đức, 2014)

### **\* Linh mục Legrand de la Liraye**

Linh mục Legrand de la Liraye muốn đón vai trò một nhà chiến lược:

#### **1) Lợi ích chính trị và chiến lược**

*Theo linh mục Legrand, chỉ cần nhìn vị thế địa lý của xứ "An Nam", người ta hiểu ngay việc chiếm đóng xứ này là quan trọng đến đâu cho nước Pháp: "Trong hiện tình, khi Anh chiếm trọn Ấn Độ đến tận Singapore và chuẩn bị xiết chặt hơn nữa Trung Hoa, cần cắt đứt sự giao thông giữa các thuộc địa của họ, rồi cùng với Tây Ban Nha ở Phi Luật Tân, Hà Lan ở Java và Sumatra dựng lên một chương ngại nào đó, một điểm trọng tài cho người thua trận nếu muốn nói thế, một điểm giám sát đối với kẻ thắng trận quá tham lam, một điểm nương thân và trú ẩn cho tàu bè của chúng ta hình như đang lang thang phiêu*



bạt trong khắp vùng Viễn Đông này và cuối cùng một điểm tiếp tế và thương mại cho những người trung gian buôn bán gia vị của chúng ta vốn chỉ được các lá cờ nước ngoài bảo đảm và che chở nơi vùng đất quá xa Tổ Quốc này".

## 2) Lợi ích kinh tế

"Vương quốc này rất xứng đáng với một cơ sở thuộc địa xét về mặt giàu có của đất đai, vốn hơn hẳn Phi Luật Tân, Java và Bornéo, cũng như về mặt dân chúng, vốn "dễ bảo, thông minh và siêng năng". Tài nguyên của xứ ấy "sẽ khiến nước Pháp yêu thích vùng đất đẹp nhất và quý nhất này so với các thuộc địa cũ và mới của Pháp".

## 3) Khả năng xâm lược

"Vùng đất mỹ miều và quý giá này sẵn sàng rơi vào tay Pháp, vì nhiều lý do. Trước hết, dân chúng luôn luôn trung thành với nhà Lê bị truất ngôi "bởi các biến cố lớn của cuối thế kỷ trước"; họ đau khổ dưới chính phủ hiện thời, "một chính phủ tàn bạo, bất công, lừa dối và đầy cưỡng đoạt khiến cho đất nước càng thêm đau khổ và vì thế đang chờ đợi mình và sẵn sàng nổi dậy".

"Trước viễn tượng sự nổi dậy đó, quân binh "run sợ và chán nản trong hầu hết các tỉnh miền Bắc"; đàng khác, quân đội này vừa mới chứng tỏ sự bất lực qua việc cầu hòa với những người Trung Quốc nổi loạn và cướp phá ở vùng đó thay vì phải đánh tan".

"Sự nổi loạn cũng đang áp ủ ở phía Nam, nơi có hai dân tộc thiểu số đang sống nhọc nhãi; đó là người Chăm (trước kia gọi là người Chàm) bị đưa trở lui về tình trạng bộ lạc ở tỉnh Bình Thuận, và người Cam Bốt "bị buộc phải nhường cho kẻ chiến thắng tất cả các cửa sông và các vùng phù sa mênh mông của con sông lớn được tạm dùng làm biên giới".

"Cùng với các yếu tố bất ổn đó, ông Vua không con nối dõi sau mười hay mười lăm năm kết hôn, "đang đắm chìm trong những khoái lạc sa đọa nhất, chỉ biết sống giữa hơn năm nghìn cung phi mà ông chỉ vui thú lúc tắm hoặc lúc đóng tuồng với họ". Còn quan lại, "họ chia làm hai phe để giành giật chức vụ và thu nạp bộ hạ; họ tạo nên đầu rẫy những kẻ tham lam, ăn của đút và gian ác, tại các tỉnh bộn này lấy sự đau khổ của dân chúng làm trò vui và đàn áp họ".

"Phải chăng nước Pháp sợ một cuộc viễn chinh tốn kém? Hãy yên tâm! "Hải quân An Nam có thể nói là không còn nữa từ sau vụ Đà Nẵng năm 1847: đã có lệnh không đóng thuyền theo kiểu Âu Châu nữa, còn ghe trong nước thì thiếu vũ trang và thiết bị". Vậy không có gì phải sợ về mặt thủy chiến. Trên bộ ư? "Quân đội thiếu tổ chức và khí giới: quân đội đó có tính dân sự hơn là quân đội, họ không biết dùng đại bác và súng, chỉ có một số rất hiếm là có khả năng xử dụng". Quân đội đó có khoảng 60.000 hay 70.000 người cho toàn xứ, không thể tập hợp tại một địa điểm quá số 10.000 hay 15.000 tinh binh, mà

"theo ý tôi, kỹ thuật chiến đấu và lòng can đảm không thể chống nổi một trung đoàn Pháp". Sau hết: "Thành lũy bị hư nát, chỉ còn các lũy tre bao bọc thành phố và làng mạc là còn đáng ngại đôi chút, nhưng với các chất liệu dễ cháy đó, không có gì khó khăn cho việc chiến thắng, và lại tôi không tin rằng dân chúng đó có đủ can đảm để quyết tâm chiến đấu sau thành lũy này".

"Kết luận: trái đã quá chín rồi, không thể không rụng; **lay Chúa đừng để nó rơi vào tay người Anh!** Mọi người, dân chúng và chính quyền, "tôi nói, mọi người mong thấy nước Pháp cầm cờ Pháp trên các bờ biển này". Mọi người sốt ruột, ngạc nhiên trước thái độ bất động của Pháp, trước sự chậm trễ, trước các vận động sai lầm cho đến nay, mọi người mong đợi "từng ngày được thấy tàu chiến của chúng ta đến dùng súng đại bác đòi hỏi "những quyền lợi mà hiệp ước 1787 đã dành cho Pháp, những quyền lợi mà người An Nam cho đến nay đã phủ nhận "một cách bất công và hèn hạ".

#### 4) Kế hoạch xâm lăng

"Đó là cách nhận định đại cương. Còn về kế hoạch xâm lăng, linh mục Legrand de la Liraye đề nghị một cuộc tấn công ngoại giao được tiếp nối bằng một can thiệp vũ trang trong trường hợp thất bại".

"Về tấn công ngoại giao, trước hết, hãy dâng một tặng phẩm cho Vua: đó là lệ thường của xứ này; hướng hồ "tặng vật luôn luôn có hệ quả tốt"; kế đến, trình tại Đà Nẵng hoặc tại cửa sông dẫn vào Kinh đô một bức thư nói

về tự do thương mại, về những sĩ nhục mà "nước này đã gây cho Pháp", những bất công đối với người Pháp khi tàn phá việc buôn bán của họ, khi xử tử các thừa sa Gia Tô giáo, khi kết tội những người Gia Tô là thủ phạm của những khuyến cáo "đúng đắn và ôn hòa" mà nước Pháp đã nhiều lần đưa ra để bênh vực họ, cuối cùng về sự bội ờn "mà nước này đã phạm trước mặt toàn thế giới khi đoạn tuyệt một cách vô liêm sỉ với một nước đồng minh" sau khi đã tiếp nhận "biết bao giúp đỡ về người và tiền bạc". Để kết luận ta đòi:

- quyền đại diện bằng một đoàn sĩ quan tại nhiều điểm (Phủ Quốc, Cam Ranh, Đà Nẵng, Cửa Cấm) để bảo đảm tự do lưu thông, tự do buôn bán tại các cảng lớn trong nước, tự do tôn giáo cho mọi tín đồ Gia Tô và quyền cư trú cho các thừa sai như dưới thời Gia Long;

- chiếm giữ vĩnh viễn Đà Nẵng và các đảo phụ cận, Hội An ở phía Nam và Hải Vân, Cù Lao Chàm ở phía Bắc để làm điểm trú ẩn, tiếp liệu và kho hàng;

- cuối cùng, một liên minh phòng thủ và tấn công".

"Trong hai điều sẽ có một, hoặc Vua chấp nhận yêu cầu của Pháp, hoặc Vua tức giận và từ chối". Trong trường hợp đầu, Pháp sẽ lập nên bảo hộ, sẽ đối xử đàng hoàng với Vua và giữ Vua ở lại ngôi cùng các đặc quyền "với các điều kiện hợp lý". Nhưng linh mục Legrand không tin giả thuyết này. Vậy chỉ có giả thuyết sau, thế là chiến tranh. "Theo tôi, chiến tranh là cách duy nhất để đạt kết quả nghiêm chỉnh đối với nước ấy. Phải chấp

*nhận chiến tranh như là cách tốt nhất, phải đánh gấp Bắc Kỳ, Huế và Đà Nẵng cùng lúc, nếu được thì lật đổ chính phủ, bàn chuyện giải phòng hai dân tộc chiến bại ở Nam Kỳ và đặt lên ngôi ở Bắc Kỳ một kẻ tự xưng là con cháu nhà Lê (1).*

(1) Luận điệu xuyên tạc cho mục đích xui giục xâm lăng Việt Nam trong luận cương của linh mục Legrand de la Liraye.

*"Để tỏ ra là một người có năng khiếu về quân sự không kém năng khiếu về tổ chức giáo hội, ông đưa ra cả một kế hoạch hành quân đầy đủ, nêu lên các phương tiện sử dụng, chỉ rõ các điểm nên chiếm, giải thích lý do, ước lượng số tàu và quân đội dựa vào cuộc chiến, v.v... . Cuối cùng ông ta tình nguyện tham gia cuộc viễn chinh với tư cách thông ngôn để tuyển tại chỗ "những người bản xứ gia nhập vào đội binh của chúng ta và họ sẽ hết sức vui mừng khi được mang vũ khí cùng với phù hiệu nước Pháp".*

*"Tóm lại, chính sách mà linh mục Huc, giám mục Pellerin và linh mục Legrand chủ trương là một chính sách xâm chiếm thuộc địa. Chính sách xâm chiếm này được cả một chiến dịch báo chí của người Gia Tô hậu thuẫn trong những tháng cuối cùng của năm 1857. Vì mục đích đó, tờ Univers của Louis Veüillot đã phổ biến bài tựa của linh mục Huc trong tác phẩm của ông ta mang tên là *Le Christianisme en Chine, au Tibet et dans la Tartarie* (Gia Tô giáo ở Trung Quốc, Tây Tạng và Tartarie): "Thật là đẹp đẽ và vinh dự cho triều đại Napoléon III, nếu thiết*

*lập được ảnh hưởng của Pháp tại Đông Dương trên những nền tảng vững chắc và nếu có thể đòi cả việc thực hiện những quyền đã ký kết trong hiệp ước Versailles với vua Louis XVI" (2).*

(2) Tờ Univers, 18/11/1857.

*"Tiếp theo là các bài báo khác, xuất bản trong các số tháng 12, lên án các biện pháp nửa vời và đòi hỏi xâm lăng: "Xứ Cochichien sẽ thuộc về chúng ta ngay khi nào chúng ta muốn xuất hiện ở đó ... . Đất xâm chiếm giàu có này sẽ trả đủ ngay trong năm đầu mọi chi phí cho một cuộc chiếm đóng bằng quân sự" (3).*

(3) Tờ Univers, 2 v à 7/12/1857.

*"Chính Louis Veillot viết một loạt ba bài xã luận vào tháng 4 tán dương công trình thừa sai truyền giáo và đòi hỏi chính sách đế quốc cực đoan như các nước Anh và nước Nga: "Những thay đổi mà sự bành trướng ấy (của Nga và Anh) đã gây nên cho sự quân bình cũ của Âu Châu, buộc chúng ta phải có Madagascar ở Ấn Độ Dương, Nam Kỳ trong biển Nam Hải, và Triều Tiên nơi các biển Bắc Viễn Đông " (4).*

(4) Tờ Univers, ngày 28, 29 và 30 tháng 4 năm 1857.

*"Tập san Gia Tô, tờ Correspondant, đăng một bài ngày 25 tháng 12 của tác giả P.Douhaire cũng lên án những biện pháp nửa vời: "Hoặc chúng ta đừng làm gì cả ... hoặc phải có quyết tâm, vì chúng ta có đủ sức mạnh và can đảm để hoàn thành một chinh phục ..... . Bài báo*

*chứng minh lợi ích kinh tế và chính trị của việc chiếm đóng Nam Kỳ, điều này đem lại cho kỹ nghệ Pháp tơ lụa, bông, đường. Tác giả không quên nói thêm, theo kiểu của các thừa sai: cuộc chinh phục sẽ dễ dàng và người Pháp sẽ được đón tiếp như người giải phóng" (5).*

(5) Correspondant, 25/21/1857. Đáng nói là phe tự do của tờ Journal des Débats không hoàn toàn chống đối chính sách xâm lược, nhưng họ chú ý trước hết đến quyền lợi kinh tế, do đó quan điểm hơi ôn hòa. Những người tự do khác, như Ch. Lavollée, chỉ trích các thừa sai và lên án họ là muốn một cuộc Thánh chiến để cứu vớt Giáo hội mới sinh của họ: "**Một quốc gia Gia tô muốn truyền đạo với khí giới sẽ có thể bị lôi kéo đi xa hơn. Từ Nam Kỳ, sẽ dẫn đến Nhật Bản v.v. ...**" (Ch. Lavollée: *La politique de la France en Asie* ).

(*Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam. Trang 39-46. Giáo sư Cao Huy Thuần. Nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2014*)

### \* **Giám mục Puginier**

Khi quân đội viễn chinh Pháp chiếm được nước Đại Nam, giám mục Puginier than phiền: kẻ thù khắp nơi, còn bạn bè thì không thấy đâu cả, **ngoại trừ nơi các con chiên!** Giám mục Puginier lập danh sách 'thủ phạm' chống Gia Tô giáo và quân đội Pháp:

1. *Chính triều đình Huế. Năm 1884, hai quan phụ chánh Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết là hai tác giả chính của cuộc "phiến loạn".*

2. *Các quan lớn ở các tỉnh (Tổng đốc, Bố chánh, Án sát, Lãnh binh).*

3. *Phần lớn các quan, dù tại chức.*

4. Tất cả các Nho sĩ.

5. Chánh tổng, Lý trưởng.

6. Các làng ngoại đạo ở cạnh các giáo khu (1).

"Tóm lại toàn thể dân tộc".

(1) Báo cáo ngày 27/3/1884 (Thư khố Trung ương, Đông Dương các đô đốc, 11.624) và nghiên cứu tình hình Bắc Kỳ ngày 10/6/1890 [Thư khố Bộ Pháp quốc Hải ngoại. A 00 (30), hộp 2]

*"Kẻ thù chính, dĩ nhiên, là các quan lại và các nhà Nho, tác giả của phong trào nổi dậy. Các quan lại có mối thù với Pháp, vì sự thiết lập thể lực Pháp báo hiệu sự sụp đổ của uy tín, của quyền bính và tài sản của họ. Các nhà Nho, mà nước Pháp luôn luôn xem là kẻ thù dưới danh nghĩa tập thể cũng như trong tư cách cá nhân, là linh hồn của "đảng kháng chiến".*

*"Vẫn theo Puginier, sai lầm của giới chức Pháp là đặt tin tưởng quá đáng vào số quá lớn các quan lại, rất khôn khéo tỏ ra trung thành. Giới chức Pháp không biết rằng các người này, bằng việc làm âm thầm, chậm chạp mà hữu hiệu, bí mật và thường xuyên, vẫn không ngừng vận động dân chúng mà ta chưa thể tách ra khỏi ảnh hưởng của họ".*

*"Rõ ràng là phần lớn các quan chức thuộc mọi cấp đều thực sự căm thù nước Pháp. Nơi vài người, có thể đó là do lòng yêu nước bị thương tổn bởi sự hiện diện của người Pháp, nhưng nói chung đó là vì chúng ta làm họ khó chịu, chúng ta làm giảm uy tín họ trước người dân của họ. Dù vì lý do chính trị mà họ che giấu tình cảm, và*



dù vì quyền lực mà bên ngoài họ tỏ ra trung thành, nhưng chắc chắn họ vẫn là kẻ thù không đội trời chung của chúng ta, họ lợi dụng địa vị để moi móc tiền bạc của những người bị họ cai trị. Họ làm việc này với mức độ còn lớn hơn dưới chế độ cũ, và trong nhiều trường hợp họ làm dưới bóng của giới chức Pháp. Nhiều người đã công khai làm việc đó một cách trắng trợn, nhưng không lúc nào để lại bằng chứng giấy tờ hay chính thức".

"Họ che giấu các âm mưu và những cuộc tụ họp chống đối trong khi họ biết quá rõ. Họ giảm nhẹ tội trạng của các tội nhân mà họ biết là kẻ thù của chúng ta, và khi không thể tuyên bố vô tội được, họ thường kết tội nhẹ".

(.....)

Giám mục Puginier, đưa ra kế hoạch đồng hóa:

- Một là Gia Tô hóa Việt Nam,
- Hai là phế bỏ chữ Hán.

#### 1) Gia Tô hóa Việt Nam

"Không có một mối dây liên hệ nào mạnh để kết hợp những con người và những dân tộc bằng sự đồng nhất tín ngưỡng, và khi một Quốc gia Gia Tô giáo thành công trong việc đặt định tôn giáo của mình tại các thuộc địa thì quốc gia đó có thể yên tâm. Sẽ có những kẻ bất mãn, những lạm dụng, nhưng không còn phải ngại những phản đối và những nổi loạn. **Chúng ta sẽ không bao giờ thấy một thuộc địa Gia Tô giáo nào lại từ bỏ mẫu quốc của mình và liên kết với một dân tộc láng giềng ngoại giáo để chống lại nước mẹ.** Nếu chúng ta đã Gia Tô giáo hóa

*Algérie, thì việc chinh phục và bình định xứ này chắc chắn đã ít tốn kém hơn nhiều, và chúng ta đã không phải chứng kiến nhiều vụ nổi loạn quá đắt giá cho nước Pháp. Nhưng dân A Rập vốn cuồng tín, và không dễ gì làm họ đổi đạo được".*

*"Tại sao, cho đến nay, những con chiên của các phái bộ truyền giáo đã tỏ ra tận tụy và yêu thương nước Pháp đến thế? Chính là do sự đồng nhất tôn giáo. Họ không quên rằng chính nhờ nơi những giáo sĩ thừa sai do nước Pháp gửi đến mà họ có được đức tin, và dù không phải là dân Pháp chính cống, họ vẫn tự xem là dân Pháp bằng trái tim. Chính phủ An Nam biết rõ điều này, và nếu từ lâu họ đã đàn áp những thừa sai và các con chiên, nếu họ đã dồn các nỗ lực to lớn như thế để tiêu diệt những người ấy, là vì họ thúc đẩy, không hẳn bởi lòng thù hận tôn giáo, mà chính là bởi nỗi sợ thấy ảnh hưởng nước ngoài thiết lập tại xứ sở họ theo sau Thập tự giá".*

*"Tôi xác định rằng khi mà Bắc Kỳ trở thành Gia Tô giáo, thì nó trở thành "nước Pháp nhỏ" của Viễn Đông, y hệt như Quần Đảo Phi Luật Tân đã là Tây Ban Nha nhỏ".*

*(.....)*

*"Chắc chắn chính giáo sĩ thừa sai là sức mạnh tinh thần to lớn nhất trong một thuộc địa. Chính họ đã làm cho thuộc địa biết mẫu quốc một cách rõ ràng và yêu mến mẫu quốc. Ảnh hưởng của họ càng lớn, thì sự duy trì*

*trật tự càng được bảo đảm. Dù cố tình không thừa nhận điều này, người ta cũng không thay đổi được sự thật. Người ta có thể tin chắc rằng những kẻ gièm pha những giáo sĩ thừa sai, tìm cách cướp đi ảnh hưởng tốt đẹp và chính đáng của họ trên dân chúng, là những kẻ hoạc có đầu óc bè phái hoạc có đầu óc rất thiển cận, theo đuổi một chính sách sai lầm và làm hại rất nhiều quyền lợi thực sự của Tổ Quốc".*

(.....)

## **2) Phế bỏ chữ Hán**

Để tiêu diệt tinh thần đạo Nho trong quần chúng, giám mục Puginier đề nghị phế bỏ chữ Nho:

*".... Từ lâu, tôi chủ trương dạy tiếng Pháp và dùng mẫu tự Âu châu để viết tiếng Việt, nhưng khó thay, tôi không được ủng hộ trong việc thực hiện kế hoạch mà tôi đã đề nghị những sáu lần. Tuy nhiên, tôi vui sùng thấy từ hai năm nay, chúng ta làm việc tích cực cho mục tiêu này; ngoài trường dạy tiếng Pháp của Phái bộ truyền giáo, là trường đầu tiên được thành lập ngày 8 tháng 12 năm 1884, Chính phủ còn lập nhiều trường khác từ ngày 5 tháng 4 năm 1885".*

*"Cần phải dạy càng sớm càng tốt cho người An Nam viết và đọc được tiếng họ bằng mẫu tự Âu Châu, việc này dễ hơn và tiện hơn nhiều so với việc dùng chữ Nho. Rồi vài năm sau, nên bắt buộc mọi giấy tờ chính thức, thay vì viết bằng chữ Nho như trước, phải được viết bằng tiếng trong nước, và mọi viên chức phải được dạy ít nhất để biết*

*đọc và viết tiếng An Nam bằng mẫu tự Âu Châu. Trong thời gian đó, việc dạy tiếng Pháp sẽ tiến triển hơn và chúng ta chuẩn bị một thể hệ sẽ cung cấp các viên chức có học ngôn ngữ chúng ta. Thế là có lẽ trong vòng 20 hoặc 25 năm, chúng ta có thể bắt buộc mọi giấy tờ đều phải được làm bằng tiếng Pháp và, do đó, chữ Nho sẽ dần dần bị bỏ rơi mà không cần phải cấm học".*

*"Khi đạt được thành quả to lớn đó, chúng ta lấy đi một phần lớn ảnh hưởng của Trung Hoa tại An Nam, và đảng nhà Nho An Nam, rất căm thù sự thiết lập thể lực Pháp, cũng dần dần bị tiêu diệt".*

*"Vấn đề này có tầm quan trọng rất lớn, và sau việc thiết lập Gia Tô giáo, tôi xem việc phế bỏ chữ Nho và việc thay thế nó dần dần bằng tiếng An Nam trước rồi kế đến bằng tiếng Pháp, là một phương cách rất chính trị, rất tiện lợi và rất hiệu nghiệm để lập lên ở Bắc Kỳ một nước **Pháp nhỏ của Viễn Đông**".*

*(Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam. Trang 304-306, 310-311, 314-315. Giáo sư Cao Huy Thuần. Nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2014)*

Giám mục Puginier, giám mục Pellerin, linh mục Huc, linh mục Legrand đã thi hành đúng kế hoạch Gia Tô hóa toàn cầu của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã do sắc chỉ Romanus Pontifex ban hành vào ngày 18 tháng 01 năm 1454, dưới thời Giáo Hoàng Nicholas, 1447-1455.

**\* Trần Trọng Kim, Hoàng Thanh Đạm**

**Sử gia Trần Trọng Kim** cho biết:

*"Năm Tân Vị (1631), ở trong Nam, chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan cấm không cho người Tây vào giảng đạo ở trong nước".*

*"Năm Quý Mão (1663), ở ngoài Bắc, chúa Trịnh là Trịnh Tạc bắt đuổi các giáo sĩ và cấm không cho người mình theo đạo Gia-tô".*

*"Năm Giáp Thìn (1664?) chúa Hiền ở miền Nam bắt giết những người đi giảng đạo ở Đà Nẵng".*

*"Năm Bính Tí (1696), đời vua Lê Hi Tông, Trịnh Căn bắt đốt phá hết cả những sách đạo và nhà đạo ở các nơi và đuổi những người giảng đạo ra ngoài nước".*

*"Năm Nhâm Thìn (1712), đời vua Lê Dụ Tông, Trịnh Cương bắt những người theo đạo Gia Tô phải cạo trán và khắc vào mặt bốn chữ "học Hao Lan đạo".*

*"Năm Giáp Tuất (1754), đời Cảnh Hưng, Trịnh Doanh lại nghiêm cấm một cách rất ngặt, không cho người ta đi theo đạo, và lại giết cả các đạo trưởng và đạo đồ".*

*"Từ đó việc cấm đạo một ngày một nghiêm, mà người đi giảng đạo cũng không lấy luật nước làm sợ, cứ cố sức dụ cho được nhiều người theo đạo. Rồi dần dần người trong nước phân ra bên lương bên giáo, ghen ghét nhau hơn người cừ địch. Vua thì dùng phép thường không cấm được, mới dùng đến cực hình để mà trừng trị, giết hại bao nhiêu người vô tội".*

"..... Giả sử người ngoại quốc vào nước ta chỉ có việc buôn bán mà thôi, thì chắc rằng nước ta xưa nay là một nước văn hiến, vua quan ta không có lẽ gì mà ngăn cấm, nhưng bởi vì đã quan hệ đến việc sùng tín thì dù hay hay dở thế nào đi nữa, lòng người ta cũng cho sự sùng tín của mình là phải hơn, thành ra không có ai khoan dung cho ai, rồi cứ phải dùng thế lực để mà đè nén nhau. Cũng vì thế cho nên về sau nước ta không chịu suy xét lẽ phải trái cho kỹ càng, làm lắm sự tàn ác để đến nỗi mất cả sự hòa hiếu với các nước ở Tây dương và gây nên cái mối biến loạn cho nước ta vậy".

(*Việt Nam Sử Lược*. Trần Trọng Kim, quyển II, Bộ Giáo Dục, Trung Tâm Học Liệu xuất bản lần thứ nhất. Sài Gòn, 1971. Trang 99-100)

**Trần Trọng Kim** sinh sống trong thời Pháp thuộc, nên ông viết và suy tư chính chắn, nhẹ nhàng không đưa ra những nguyên nhân sâu xa vì sao vua quan và quần chúng nghi kỵ Thiên Chúa giáo.

**Hoàng Thanh Đạm** nói rõ hơn, chi tiết hơn về lịch sử hoạt động của Thiên Chúa giáo trong thời kỳ quân Pháp xâm chiếm nước ta:

"Điều bí quyết khiến các vị thừa sai, linh mục Tây phương có thể thâm phục được nhiều giáo đồ là họ biết nhằm đúng những nơi có bệnh tật, dịch tễ, bão lụt, mất mùa, đói kém, lại bị sự cai trị hà khắc của chính quyền địa phương. Thấy nơi nào dân đói khổ, bất mãn là họ bí mật tìm đến giúp dân chữa bệnh, cứu đói, rồi mới truyền bá sự

*tích Chúa cứu thế và giảng Kinh thánh. Chỗ mạnh của giáo lý Gia-tô là làm cho giáo dân tin rằng ai theo đúng những lời răn đạo lý của Chúa thì sau khi chết sẽ được lên thiên đường, hưởng hạnh phúc vĩnh hằng; còn cuộc sống trần gian chỉ là tạm bợ, mà khi đang sống, dù có phạm tội lỗi gì đều có thể xưng tội với cha cố, tức là đại diện của Chúa, thì đều được Chúa tha thứ, không phải xuống địa ngục sau khi chết".*

*"Những giáo lý Gia-tô có chỗ xung khắc lớn với truyền thống tôn giáo Việt Nam: Dân Việt Nam đã tin theo đạo Khổng, đạo Phật, đạo Lão từ hàng ngàn năm trước. Trong tâm thức Việt Nam, ba tôn giáo Khổng, Phật, Lão đều cùng một gốc. Cái gốc ấy là thờ kính cha mẹ, tổ tiên, giữ điều nhân nghĩa. Trái với đạo Gia-tô dạy rằng đức **Chúa Trời và các thừa sai, linh mục mới là cha** của mọi giáo dân, Đức Mẹ Maria là Mẹ của mọi con chiên, cho nên người cha mẹ thật của các vị linh mục cũng phải gọi vị linh mục ấy là cha (**gọi con của mình là cha**), tự xưng mình là con. Khi cha mẹ chết thì người giáo dân không được thờ cúng. Chỉ một điểm khác nhau đó đủ khiến cho nhân dân và triều đình Việt Nam bài xích đạo Gia-tô, không thể cho nó trở thành quốc giáo".*

*"Trong lịch sử đạo Gia-tô ở Việt Nam từng xảy ra một sự kiện đáng ghi: Nguyên là khi thừa sai Inhaxiô gây dựng cơ sở cho Giáo hội Đàng Ngoài từ thế kỷ XVI đã lập ra dòng Tên (Jésuite), nhưng đến thế kỷ XVIII, các vị thừa sai Đàng Ngoài, nhân lúc giặc dã, đói kém, truyền đạo*

được khá rộng, lập ra dòng Phêro và dòng Dôminicô, rồi bá cáo với tòa Thánh Rôma rằng: "Nước Đại Việt nhu nhược, ngu khờ, ham lợi, chưa đầy hai trăm năm mà đạo ta lan khắp nước (...). Nhưng dòng Tên vốn có ở đây lại chống đối với dòng mới, nên xin Tòa Thánh giải tán và cho sáp nhập vào dòng Dôminicô". Bị sáp nhập, các môn đồ dòng Tên không được phong làm thầy cả nữa, nên dòng tên tiêu vong từ năm 1792, chỉ còn lại **hai vị giám mục người Việt là Phạm Văn Át và Nguyễn Đình Bình**. Hai ông tìm đường sang tận Rôma để khiếu nại. Họ được Giáo Hoàng Pie VI tiếp thân mật và cho xem sách bí pháp Gia-tô, cùng với sử ký nước Tây dương, tức nước đạo Rôma. Họ còn được xem bản đồ các vùng đất Việt Nam do các vị thừa sai, giám mục trước kia vẽ rất cụ thể. Do đó, **hai ông thấy rõ những điều giả dối của Giáo hội dùng các bí pháp và sự tích bịa đặt để mê hoặc giáo dân, với ý đồ đồng hóa Việt Nam**. Cho nên khi trở về nước, hai ông nói riêng với nhau rằng: "**Xem ra thì từ lâu người Tây dương chỉ mượn danh Chúa Giê-su (Jésus) để đi cướp nước người. Hai chúng ta xua dân theo đạo của họ chỉ làm công việc vô ích mà thôi**". Từ đó hai ông ghi lại những sự thật đã khám phá về bí tích Gia-tô giao, rồi cùng nhau bỏ đạo, ra sống cuộc đời thế tục.

"Đến đầu thế kỷ XIX, năm 1809, lại có hai thầy cả Việt Nam là Nguyễn Văn Hoàng và Trần Đức Đạt, do xem trộm được sách bí pháp của Giám mục đốc chính mà hiểu rõ ý đồ bành trướng, đồng hóa nước ngoài của đạo Gia-tô. Hai ông cũng bỏ đạo, viết sách tố cáo ý đồ của Giáo



*hộ Gia-tô. Về sau thầy cả Trần Đức Đạt bị đầu độc. Nguyễn Văn Hoàng quyết tâm tìm gặp vị Giám mục bỏ đạo Nguyễn Đình Bình (lúc này Giám mục Phạm Văn Át đã chết). Hai người trao đổi ý kiến, tâm tình, rà soát lại bản thảo đã viết. Nguyễn Văn Hoàng đem khắc bản gỗ; in sách "Tây dương Gia-tô bí lục" để truyền bá cho dân chúng. Sách bán tại các phố chợ thành Thăng Long, nhưng bị Tòa Giám mục phát hiện, bỏ tiền ra mua hết sách và bản khắc để tiêu hủy. May còn vài bản còn sót lại, lưu giữ được trong nhân dân.*

(Xem sách Tây dương Gia Tô bí lục, như trên, từ trang 215 đến trang 313)

*"Ngày từ thế kỷ XVII, vị thừa sai A-léc-xăng-đơ-rôt (Alexandre de Rhôde) sang Việt Nam đã viết thư về Pháp: "Tôi chưa công bố thánh chiến chống mọi địch thủ của Đức tin ở Nhật, ở Trung Hoa, ở Đàng Trong, ở Đàng Ngoài, ở Ba Tư thì lập tức đã có một số đông con cái thánh Inhaxitô bùng bùng nhiệt huyết ước ao vác thánh giá đi cắm ở những nơi cùng kiệt các nước này (.....). Nước Pháp có thể cấp cho tôi nhiều chiến sĩ để chinh phục toàn cõi phương Đông đưa về quy phục Chúa Kitô".*

(Hành trình và truyền giáo. Ủy ban đoàn kết Công giáo thành phố Hồ Chí Minh xuất bản 1994, trang 264)

*"Trong các cuộc hội thảo về Alexandre de Rhôde, nhiều người nhấn mạnh công lao lớn của ông đã tìm ra cách viết tiếng Việt bằng những con chữ La-tinh, giúp cho văn hóa Việt Nam sớm tiếp thu văn hóa phương Tây.*

*Nhưng cũng nhiều người không quên việc ông đã điều tra, nghiên cứu địa hình, địa thế Việt Nam, và vẽ bản đồ gửi về Pháp, giúp cho thế lực xâm lược của đế quốc Pháp sau này ... .*

*"Vị thừa sai Gia-tô đầu tiên can thiệp vào chính trường Việt Nam là Giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine - Évêque d'Adran). Năm 1887, chúa Nguyễn Ánh trao Hoàng tử Cảnh cho ông ta sang Pháp cầu cứu vua Louis XVI giúp tàu bè, súng đạn để đánh lại cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (Giống như Hồ Chí Minh cầu cứu Trung Hoa và Liên Xô). Do đó dưới triều vua Gia Long (1802-1819) không có việc cấm đạo Gia-tô; các vị thừa sai, linh mục hoạt động thuận lợi. Nhưng vua Gia Long vẫn theo đạo Khổng, về cuối đời ông cảnh giác với sự bành trướng của Gia-tô giáo, nên trước khi chết đã dặn Hoàng tử Đảm, tức vua Minh Mạng kế Ngôi, nên chú ý hạn chế dần hoạt động của các giáo sĩ".*

*"Do đó dưới triều vua Minh Mạng việc cấm đạo lại được tiến hành. Những năm đầu nhà vua chỉ ngăn cản, hạn chế, tập trung các giáo sĩ người Tây về triều đình làm việc phiên dịch sách phương Tây. Nhưng việc hạn chế, ngăn cấm không có kết quả, nên về sau nhà vua dùng tới chính sách đàn áp. Hồ sơ phong thánh của Vatican II (Vatican II) năm 1887 cho những giáo sĩ và giáo dân "tử vì đạo" ở Việt Nam, cho ta biết những số liệu về các giáo sĩ và giáo dân bị xử tử hình về tội ngoan cố giữ đạo, chống lệnh triều đình, như sau: Năm 1833: 4 người; năm*

1835: 2 người; 1837: 2 người; 1838: 21 người; 1839: 10 người; 1840: 16 người; tổng cộng trong 7 năm, dưới triều Minh Mạng có 45 giáo sĩ và giáo dân bị xử tử, được phong Á thánh" (chưa kể những người bị xử tử mà không được phong thánh).

"Đến thời vua Thiệu Trị (1840-1847) việc khủng bố có phần nhẹ hơn: Chỉ 2 Á thánh trong 2 năm 1841 và 1842".

"Đến thời vua Tự Đức (1847-1883), thực dân Pháp bắt đầu xâm lược Việt Nam, mâu thuẫn lương giáo càng tăng lên dữ dội. Mỗi lần quân Pháp xâm phạm lãnh thổ nước ta, như đánh vào Đà Nẵng, đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ, nhân dân cả nước sôi sục yêu cầu nhà vua cấm đạo; và những vụ xử tội tử hình đối với các giáo sĩ và giáo dân ngoan cố lại diễn ra. Từ năm 1851 đến năm 1863 có thối 46 vụ xử tội: Năm 1851: 2 người; năm 1852: 2 người; năm 1853: 3 người; năm 1854: 2 người; năm 1855: 1 người; năm 1856: 1 người; năm 1857: 4 người; năm 1858: 3 người; năm 1859: 8 người; năm 1860: 4 người; năm 1861: 10 người; năm 1862: 8 người (Những số liệu trên là căn cứ vào hồ sơ phong thánh của Va-ti-căng (Vatican) do người viết sưu tầm và thống kê)".

"Qua những bước thăng trầm của đạo Gia Tô trên đất Việt Nam, chúng ta thấy rõ một phần cuộc đời thăng trầm và tính cách con người Nguyễn Trường Tộ".

"Là một giáo dân trong địa phận Nam Đàng Ngoài (sau này gọi là Giáo phận Vinh), Nguyễn Trường Tộ

*chứng kiến những đợt khủng bố dưới triều vua Tự Đức, và bản thân ông đã phải lánh nạn với giám mục Gôchié (Gauthier) vào Đà Nẵng năm 1858. Giáo phận Vinh được thành lập năm 1846, khi Nguyễn Trường Tộ mới 16 tuổi. Năm đó cộng đồng giáo dân địa phận Vinh đã khá đông đúc, có 62.981 con chiên. Từ tuổi ấu thơ Nguyễn Trường Tộ đã tiếp thu văn hóa Gia Tô giáo, nhưng qua các bản di thảo của ông người đọc không hề thấy dấu vết của sự cuồng tín như những người "tử vì đạo" hay những giáo dân mê lú. Ông nói rằng tôn giáo nào cũng lấy điều trung hiếu làm chính. Những lời điều trần của ông xin Triều đình đừng kỳ thị, đối xử bất công với giáo dân, đọc lên thật thiết tha, có lý, làm rõ tư tưởng triết học: "Cái đức lớn của Trời Đất là sự sống (.....), là làm cho muôn vật bảo toàn được thiên tính của nó ..."*

(Trương Bá Cần, sdd, trang 115)

*"Có thể hiểu rằng Nguyễn Trường Tộ tiếp thu văn hóa Gia Tô giáo theo tinh thần yêu người như yêu mình, như những điều răn của Chúa, và cũng giống như nhân cách một nhà Nho chân chính. Mặc dầu đạo của ông bị Triều đình truy bức, bản thân ông bị nghi ngờ, bài xích nặng nề mà ông không một lời oán trách, trước sau vẫn giữ tấm lòng trung quân ái quốc".*

(Nguyễn Trường Tộ - *Thân thế và Tư duy cách tân*. Trang: từ 134 đ đến 139. Hoàng Thanh Đạm. Nxb Văn Nghệ TP. Hồ Chí Minh. 2001)

(*Cuộc khởi binh Lê Văn Khôi ở Gia Định (1833-1835)*. GS Nguyễn Phan Quang. Sdd; trang 99-100)

Giám mục Puginier, giám mục Pellrrin, linh mục Huc, linh mục Legrand đã thi hành đúng kế hoạch Gia Tô hóa toàn cầu của Giáo hội thiên Chúa giáo La Mã do sắc chỉ Romanus Pontifex ban hành vào ngày 18 tháng 1 năm 1454, dưới thời Giáo hoàng Nicolas, 1447-1455.

Đến đây chúng ta có thể hiểu vì sao các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức cấm đạo Thiên Chúa La Mã.

Nguyễn Trường Tộ cũng là người Thiên Chúa Giáo La Mã, cũng trung thành với tin ngưỡng của mình, nhưng khác với các thừa sai Puginier, Pellerin, Huc, Legrand, ông nhất định không hợp tác với quân đội viễn chinh Pháp, và can đảm giúp vua chống lại thực dân Pháp. Ông là người anh hùng dân tộc. Hậu quả là nhà ái quốc Nguyễn Trường Tộ chết vì bị đầu độc.

Vào thời vua Gia Long, Hoàng tử Cảnh theo giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Behaine) sang Pháp cầu viện. J.B. Chaigneau là người Pháp công giáo được vua Gia Long tin dùng. Ông ta làm việc cho triều đình Huế. Lúc bấy giờ không có lệnh cấm đạo Công giáo và cũng không có sự kỳ thị giữa các tôn giáo. Vì những lý do dẫn chứng nêu trên, nên các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức mới có lệnh cấm đạo Công giáo.



Giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Behaine)

## V

**Tâm tư Nguyễn Trường Tộ**

Xin trích dẫn vài đoạn trong các di thảo của Nguyễn Trường Tộ để thấu hiểu tâm tư của ông. Trong hoàn cảnh rất khó khăn, Nguyễn Trường Tộ mong muốn giúp vua cứu nước.

*\* "Tôi là Nguyễn Trường Tộ, bề tôi nước Đại Nam đã từng trốn ra nước ngoài, xin đem những điều mà tôi đã biết và thấy một cách chính xác về sự thế trong thiên hạ, mạo tội kính bẩm". (Di thảo số 1)*

*\* "Tôi ở nước ngoài đã lâu biết rõ sức của họ, tình tường tình hình của họ. Xưa Hàn Dũ có nói: "Biết mà không nói là bất nhân; nói mà nói không hết là bất nghĩa". Vì vậy, tôi tuy thân giang hồ mà lòng ở nơi đế khuyết". Thật không nở lòng thấy đất nước bị chia cắt, trăm họ bị lìa tan, cho nên không nghĩ mình ở địa vị thấp kém, dám cả gan nói ra". (Di thảo số 1)*

*\* "Từ bé tôi đã thận trọng trong việc giao du, thích yên tĩnh, đối với tất cả những sự cầu danh, lấn lướt, giành công, tham lợi tôi đều coi như mây bay nước chảy. Vả lại,*

*tôi không ham thích kinh doanh, không thích chuyện vợ con, đoạn tuyệt với hai cạm bẫy tài sắc ...". (Di thảo số 3)*

*\* "....., tôi qua sông vượt biển để giữ lấy cái chân lý. Tuy nhiên đến các nước ngoài, trước mặt những người quyền quý, lời nói việc làm của tôi đều giữ thể diện cho nước mình. Nếu ai làm nhục đến các bậc công khanh nước nhà, tôi đều biện bác ngay không chút sợ sệt..., tôi biện bác ngang nhiên, tỏ rõ tài năng của mình tán dương rất mực những điều sở trường của nước mình và che đậy những điều sở đoản ...". (Di thảo số 3)*

*\* "Kịp đến lúc người Pháp gây hấn với ta, tôi đã cực lực chối từ lời mời của họ. Nhưng sau nghĩ rằng tình thế nước ta hiện nay tạm hòa là thượng sách. Vì chưa đủ sức chống chọi được với họ, cho nên, phải uốn nắn mà theo họ. Như thế may ra giúp được một phần nhỏ đối với việc bàn hòa. Nỗi khổ tâm của tôi là phải uyển chuyển để được chu toàn, thật không bút mực nào tả được. Như thế thì tuy sống cảnh giang hồ mà lòng vẫn lo tưởng đến nơi lăng miếu Triều đình ...". (Di thảo số 3)*

*\* "Tôi nghĩ rằng thời kỳ khôi phục nước nhà đã có xác chứng ở bốn bể, dự tính được ở tương lai. Đi theo con đường nào mới được? Con đường phải theo không thể tìm ở trong nước mà phải tìm ở trong thiên hạ. Như trong tờ bàn về việc nên hòa năm xưa, tôi đã mật trình với Nguyễn đại nhân rằng: một là mình phải khéo léo ngăn chặn đường*



*để họ tìm cơ sinh sự làm lan rộng ra; hai là hãy thông thả sắp đặt đợi lúc họ sơ hở; ba là để dân thư thái củng cố sức lực. Như đoạn cuối trong bài có nói: Dân đã yên rồi thì sau sẽ đưa những người tài hiền đi ra bốn bể để học tập các nước lớn những phương pháp tấn công, phòng thủ, phân tán, tập hợp. Ở chung với họ lâu ngày thì mới đo lường các đức tính, các lực lượng mà biết tình trạng của họ. Học được tinh thông rồi mới có kỹ xảo. Kỹ xảo giỏi thì mới mạnh, dưỡng uy sức nhuệ đợi thời mà hành động. Như thế thì tuy mất miền Đông mà lấy được miền Tây cũng chưa lấy gì làm muộn ...". (Di thảo số 3)*

*\* "Từ lúc tôi lớn lên, bước chân ra xứ khác, chẳng được Triều đình biết đến, thế mà không sợ phạm tội, quên mình là kẻ hèn mọn dám nói đến việc cao xa, chẳng trách hiềm nghi, dám trình bày lợi hại. Như thế thật là ngạo mạn".*

*"Ở Triều đình tôi không có địa vị, yến tiệc tôi không dự. Những việc trọng đại tôi không có liên quan gì, thế mà không biết giữ mình sống bấp bênh theo chúng là hơn. Hướng chi ở trong vòng của quân địch mà lại ôm chí khác. May ra dẫu thành công cũng không tránh khỏi sự chê bai. Như trường hợp vợ cũ của Mãi Thần quay đầu trở về xin chịu tội. Cho dù lượng bể bao dung cũng chưa chắc không khỏi có điều lo ngại về sau. Lỡ ra lòng người khó chắc, sa cơ bại lộ thì thân chịu một mình, nào ai biết đến ..... ". (Di thảo số 3)*

\* "Xưa nay những kẻ trung thân nghĩa sĩ; ai chẳng muốn đem tài ra giúp nước. Nhưng một mai việc không thành bị dèm chê thì thân danh bại hoại sự nghiệp tiêu tan. Huống chi tôi ở vào hoàn cảnh khó biện bạch, dễ bị nghi kỵ, mà lại làm việc vượt ngoài phạm vi của mình, không biết giấu tên che dạng để cầu toàn thân, lại còn đem thân hèn mọn hiến dâng ý kiến .... ". (Di thảo số 3)

\* "Vì tôi là kẻ tự biết rõ mình, thấy mình một cách chính xác, bao nhiêu những việc thế tình nham hiểm, hoạn hải ba đào không việc gì không biết, nên mới cam tâm chịu ba tội ấy. Chuốc lấy mối lo không phải thuộc phận sự của mình, ôm lấy những việc khó làm, chỉ đó mới có thể giữ được. Người xưa xét người không xét ở thành bại mà xét ở chỗ có hay không có tấm lòng. Có lòng mà gặp thời đắc dụng là điều may. Có lòng mà gặp phải trắc trở luân lạc là điều không may. Có lòng mà gặp thời không tốt, đến phải cô quạnh không chốn nương thân lại còn mắc tội, là điều rất không may. Nhưng lấy điều khoan dung nhân hậu mà xét, thì nhìn vài lầm lỗi của một người có thể biết được lòng nhân hậu của người đó. Huống chi tôi nay như con cá voi ở giữa bể, trong gia đình không hề lụy vợ con, ngoài xã hội không lo bị kèm chế, thế mà biết nhớ về cố đô, cảm giận quân thù. Cho dù một ngày kia may mà thành sự, tôi vẫn biết khó tránh khỏi lời di nghị mà yên thân được ....." (Di thảo số 3)

\* "Tôi nói như vậy không phải để hùa với địch mà chính vì sợ bọn hủ nho không biết ý trời việc người. Trước đây bọn họ đã có những ý nghĩ sai trái, làm hỏng công việc, nay thời thế đã đến, thế lại còn không biết giúp đỡ Triều đình, hợp lực đồng tâm để lo việc nước, khiến Triều đình đã lo ở ngoài lại phải lo cả bên trong, thử hỏi như thế thì còn lòng dạ nào?" (Di thảo số 5)

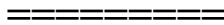
\* "Điều mong muốn thiết tha của tôi là lời nói của tôi không nghiệm, chứ không muốn để thấy rằng lời nói của tôi là sai. Bởi vì biết để đề phòng trước khi việc xảy ra, thì lời nói của tôi dù có chỗ không nghiệm cũng là điều phúc cho nước nhà, mà còn phúc cả cho anh em tôi. Còn bảo đó là vì công hay vì tư thì sau này sẽ có ngày hiểu rõ, không cần phải biện bạch". (Di thảo số 8)

\* "Tôi nghĩ rằng lòng của tôi đã không muốn vào tay người khác để họ sai khiến, mà lại có cách để tránh được tai họa, tưởng mọi người cũng có cái lòng như tôi, cho nên không dám tiếc tấm thân hèn sắp chết này mà không trở về Kinh để nói rõ cái ý chí của thiên hạ như vậy. Sở dĩ tôi trở về tâu bẩm chính là ý đó". (Di thảo số 11)

\* "Tôi đang ở trong hoàn cảnh bị hiềm khích, chưa chắc ai đã tin ngay lời tôi nói, nên phải kiên nhẫn đợi chờ, không dám đuổi theo tài lợi, đành cam chịu cuộc sống nghèo khó đạm bạc, để cốt chứng minh cho lời nói của tôi là không vì một cái gì, không mong được một cái

*gi, không bị ai sai khiến, không có một ý đồ gì khác mà thật là vượt ra ngoài lẽ thường tình". (Di thảo số 11)*

*\* "Tôi không gánh vác gia đình, không thiết tha tài lợi, cả Tây Nam cũng đều thấy, như thế cốt để gạt lọc ý chí, đào luyện tinh thần mà bảo dưỡng việc học tập của mình. Tất cả những điều đó vốn là để đợi thời hành sự, để mong làm được một vài điều lòng hàng ôm ấp, để trọn ơn trên, để tròn thế sự, chứ đâu phải cam chịu chôn mình trong cảnh tối tăm tịch mịch? (Di thảo số 11)*



## VI

### Vài nhận xét về Nguyễn Trường Tộ

Để quý vị độc giả có được cái nhìn bao quát, đánh giá chính xác về ông Nguyễn Trường Tộ, chúng tôi xin trích vài lời nhận xét của các nhà văn, sử gia, giáo sư, học giả về thân thế và sự nghiệp của ông Tộ.

#### **Phê phán**

##### **\* Bùi Kha**

== "*Nguyễn Trường Tộ khéo và tài tình lồng tư tưởng Kinh Thánh vào hầu hết những di thảo để một mặt thì hăm dọa rằng: "Tạo vật đã định như vậy, sao cưỡng được" (di thảo số 1), mặt khác thì an ủi chấp nhận số phận... "Vì tạo vật đã an bài".*

*"Một số di thảo, thì đưa ra các dữ kiện sai lầm về sử liệu để bi thảm hóa tình hình, nhằm kêu gọi người Việt nên hòa với Pháp (di thảo số 1), và để biện minh cho những đề nghị của mình" (di thảo số 5 và số 27).*

"Nguyễn Trường Tộ nhìn đất nước trong lăng kính tôn giáo, mang đầy tính chất cuồng tín, để từ đó dẫn đến hai hệ luận:

- Thứ nhất, Đại Nam là một phần tử trong tổng thể của vạn vật mà tạo hóa đã sáng tạo, do đó "không có tự do làm theo ý muốn" (di thảo số 2). Và vì là sản phẩm của tạo vật nên phải chịu số phận cần được khai hóa (di thảo số 1)

- Thứ hai, liên đới với hệ luận thứ nhất về mặt trần thế, do đó, Đại Nam nên dùng "giám mục và linh mục" vào việc canh tân đất nước". (di thảo số 17)

(Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân. Bùi Kha. Nxb Văn Học. 2011; Trang 38)

Nguyễn Trường Tộ là người Công giáo, dĩ nhiên ông ta bao giờ cũng muốn tuyên truyền cho tôn giáo mình. Cái chính là nên xét ông ta có thật tình yêu nước hay là phản quốc?

== "Tại sao Nguyễn Trường Tộ trốn ra nước ngoài?"

"Nguyễn Trường Tộ đã phạm trọng tội gì đến nỗi phải trốn ra nước ngoài, trong lúc toàn dân đang cùng nhau nổi lên chống Pháp xâm lược để gìn giữ giang sơn? Nếu trả lời rằng, vua quan nhà Nguyễn hẹp hòi, kỳ thị tôn giáo, giết người theo đạo Ki Tô thì phải tự hỏi tại sao tin đồ các tôn giáo khác ở Việt Nam thời bấy giờ, như tín đồ đạo Không, đạo Lão, đạo Phật không bị giết mà chỉ có tín đồ đạo Ki Tô bị? ....."

(*Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân*. Bùi Kha. Nxb Văn Học. 2011; Trang 46)

Để trả lời ông Bùi Kha, chúng ta có thể mượn lời Đô đốc Page và lời chân thành của Trương Vĩnh Ký, người sống cùng thời với Nguyễn Trường Tộ:

*"Người An Nam đâu có thù ghét đạo Công giáo. Họ chỉ bất bình và phản đối những hành vi quá mức của một số linh mục, dựa vào sự che chở của quân đội Pháp và chính quyền Pháp, để tiếp tục thi hành những việc bạo ngược. Bởi vì xét cho kỹ, Công giáo và Phật giáo chẳng khác nhau bao nhiêu".*

(*Thế kỷ XXI nhìn về Trương Vĩnh Ký*. Trang 52. Tạp chí Xưa và Nay. Nhà xuất bản Văn Hóa Sài Gòn. Quý 4/2006)

Ngoài ra, ngày 01/9/1858, quân đội viễn chinh Pháp do Đô đốc Rigault de Genouilly đánh chiếm Đà Nẵng, các giáo sĩ và giáo dân các giáo phận như Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Bình,... theo quân đội Pháp. Lúc bấy giờ, chính Nguyễn Trường Tộ theo giám mục Gauthier ra Đà Nẵng theo chân quân đội Pháp. Khi quân Pháp không tài nào tiến quân ra kinh đô Huế được, đành trở về Nam đánh chiếm tỉnh Gia Định; các giáo sĩ và giáo dân buộc lòng phải phân tán, kẻ sang Mã Lai và người sang Hương Cảng, Nguyễn Trường Tộ theo giám mục Gauthier chạy sang Hương Cảng (1859). Đó là lý do vì sao Nguyễn Trường Tộ trốn ra nước ngoài. Cái lý do chính yếu là lúc bấy giờ Nguyễn Trường Tộ chỉ là một con chiên ngoan đạo, chưa có ý thức rõ rệt về chính trị, về âm mưu của thực dân Pháp.

Chúng ta sinh sống trong một dòng đời mà biến cố này xen kẽ vào biến cố kia trong từng phút, từng giây làm thay đổi cả mọi sự, mọi vật. Cơ thể và tư tưởng của mỗi cá nhân cũng thay đổi theo biến cố, theo thời gian.

Nguyễn Trường Tộ cũng chỉ là một con người, tư tưởng cũng thay đổi theo thời gian. Lúc đầu ông theo quân Pháp; một thời gian sau, ông nhận định được âm mưu thôn tính Việt Nam của thực dân Pháp, ông đã can đảm xin nghỉ việc làm thông ngôn và thông dịch cho quân đội Pháp.

Trong các bài di thảo về sau của ông, chúng ta thấy rõ ông là người công giáo có tinh thần trách nhiệm đối với tổ quốc.

== *"Trong lúc số phận của quân thực dân Pháp sắp cáo chung đến nơi ... thì Nguyễn Trường Tộ lại viết:*

*"Nay các nước phương Tây đã bao chiếm từ Tây Nam cho đến Đông Bắc ... ở đâu thuận với họ thì phúc, chỗ nào trái với họ thì họa, ai hòa với họ thì được yên ..."*

*"Từ đó Nguyễn Trường Tộ đồng dục khuyên dân Đại Nam:*

*"Huống hồ nước Đại Nam ta là một nước nhỏ bé, **tại sao lại muốn trái đạo trời mà làm những việc thiên hạ khó làm được**".*

*"Nói khác đi, theo Nguyễn Trường Tộ, thuận với đạo Trời (Thượng đế, BK) thì nên dâng tổ quốc cho giặc Pháp, chống làm gì cho thêm họa. Nguyễn Trường Tộ còn viết: Con giao long (người Pháp, BK) khi thấy dầm vực*



*(Đại Nam) thì nghĩ cách đằm mình, chứ không thể nào chịu bỏ đi. Câu quả quyết chắc nịch này của ông có một giá trị nào không? (.....) "*

*(Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân. Bùi Kha. Nxb Văn Học. 2011; Trang 56)*

*== "Trong lúc tổ quốc lâm nguy, bị thực dân Pháp cướp, toàn dân nổi lên chống Pháp khắp nơi. Người có gậy đánh bằng gậy, người có dao chém kẻ thù bằng dao, người dân nghèo nàn đói khổ thì bỏ nhà ra đi bất hợp tác với quân xâm lăng, thế mà Nguyễn Trường Tộ khuyên quân lính nên nghĩ ngơi, không đánh, nhường đất để họ giữ bờ cõi cho mình ..., tôi (Bùi Kha) xin nhường sự đánh giá này cho độc giả".*

*(Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân. Bùi Kha. Nxb Văn Học. 2011; Trang 69)*

#### **\* Đào Duy Anh**

Trong tạp chí tri tân, số 7 năm 1841, trang 197, Đào Duy Anh viết bài "Nguyễn Trường Tộ học ở đâu ":

*"Nguyễn Trường Tộ học rộng nhưng viết và nói tiếng Pháp không thạo lắm, vì ông không chuyên học chữ Pháp ở Pé Nãng như ông Trương Vĩnh Ký và Nguyễn Hoàng. Bởi thế, ông không khi nào làm thông ngôn. Mà khi giúp việc cho sứ phủ thì chỉ làm việc từ hàn (lettré) cũng như Tôn Thọ Tường. Mỗi khi Triều đình cần dùng người thông ngôn thì Nguyễn Trường Tộ cứ giới thiệu Nguyễn Hoàng (Linh mục Hoàng chứ tự mình không khi nào đương việc ấy".*

(Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân. Bùi Kha. Nxb Văn Học. 2011; Trang 173-174)

**\* Gauthier, giám mục**

*"Tên Trường Tộ trước là linh mục. Từ thuyền Tây đến Gia Định thì phần nhiều kém đạo hạnh, lệch lạc ra ngoài phạm vi đạo trường, năng lui tới Tây soái tìm vui."*

(Nguyễn Trường Tộ, Con người và di thảo. Linh mục Trương Bá Cân. Sđd)

**\* Hoàng Nam**

*"Nguyễn Trường Tộ có những cải cách tích cực và mạnh dạn vượt hẳn trí thức thời bấy giờ như phê phán chính sách bế quan tỏa cảng của triều đình, đề xướng khai thông buôn bán, khuyến khích việc khai thác tài nguyên trong nước, cải cách văn tự ... nhưng đó lại cũng là những vấn đề không căn bản".*

(Tư tưởng cách tân của Nguyễn Trường Tộ và cái học thực dụng. Linh mục Philippê Trần Công Thuận. Đđd , trang 63)

**\* Lê Xuân Diệm**

*"Không hoài nghi gì về lòng yêu nước của ông (Nguyễn Trường Tộ), nhưng cũng phải nói là chủ thuyết "một mực hiếu hòa" mà ông theo đuổi vào thời cuộc nóng bỏng ấy là không thực tế, thậm chí là sai lầm (.....). Sự quá tin của ông vào đường lối ngoại giao "thương thuyết", "du thuyết" với chính phủ Pháp ở Paris, với Tây soái ở Sài Gòn là hoàn toàn không tưởng (.....). Mặt khác ông*

*cũng lại quá tin và dường như đã gửi gắm "vận mệnh" của đất nước vào những vị giám mục thờ sai nước ngoài".*

*(Nguyễn Trường Tộ, thời thế và tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Sdd. Trang 100)*

**\* Nguyễn Kha**

*"Nguyễn Trường Tộ khéo léo tài tình lồng tư tưởng kinh thánh vào hầu hết di thảo, để một mặt thì hăm dọa rằng tạo vật đã định như vậy, làm sao cưỡng được, mặt khác thì an ủi chấp nhận số phận". (...). "Tư tưởng Gia tô giáo là chẳng tha mất nước, không tha mất Vatican. Vì thế chúng ta mới hiểu rõ hậu ý mà Nguyễn Trường Tộ đề nghị Triều đình dùng giám mục vào việc canh tân (...). Tội nghiệp cho vua quan nhà Nguyễn không có cơ quan tình báo gì cả, "nuôi ong tay áo, nhận giặc làm con" (...). May mà Triều đình nhà Nguyễn ngu muội không chịu áp dụng những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ, còn không thì con vi trùng trong thịt sư tử đã ăn hết cả thịt lẫn xương của con sư tử từ lâu rồi.*

*(Nguyễn Trường Tộ, thời thế và tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Sdd. Trang 107-108)*

**\* Nguyễn Kha, Trần Chung Ngọc**

*"Với giọng văn điêu luyện, sắc sảo, chúng ta thấy Nguyễn Trường Tộ đã xử dụng hai luận điểm chính để thuyết phục nhân dân Việt Nam và nhất là Triều đình Tự Đức. Hai luận điệu có tính chiến lược đó có thể đặt tên là củ ca-rốt và cục xương. Chiến thuật củ ca-rốt là đưa ra*

*miếng mồi béo bở như khai thác hầm mỏ, sử dụng tài nguyên thiên nhiên để làm cho dân giàu nước mạnh. Muốn đạt được mục đích đó thì phải làm gì? Trả lời: Phải hợp tác với Pháp, phải cầu khẩn Giáo hoàng La Mã giúp sức (.....). Chiến thuật cục xương là đưa ra một số đề nghị không thể thực hiện được như chinh trang võ bị, đào kinh từ Hải Dương đến Huế, v.v. ... để qua đó bắt triều đình nhà Nguyễn phải mất thì giờ "gặm nhấm" cục xương để không làm gì khác thêm".*

(Nguyễn Trường Tộ, thời thế và tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Sdd. Trang 108)

**\* Nguyễn Văn Hồng**

*"Nhược điểm của Nguyễn Trường Tộ là tính không tưởng trong kế sách canh tân. Anh viết: "Hy vọng ở một ông vua, ở một vận may, ở một Triều đình tốt. Đó là ảo tưởng (.....). Thiếu cơ sở vật chất, thiếu một tổ chức thực thi, Nguyễn Trường Tộ thực ra định đặt một cỗ máy lớn chạy trong một ngôi nhà dột, cột kèo mục nát, xiêu vẹo (.....). Những điều trần của Nguyễn Trường Tộ đã mang ngay yếu tố không tưởng ở tiên đề và điều kiện thực thi, không có đội ngũ người canh tân, không có quần chúng có nhu cầu canh tân".*

(Nguyễn Trường Tộ, thời thế và tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Sdd. Trang 99)

**\* Hoàng Thanh Đạm**

"Một là ông (Nguyễn Trường Tộ) chưa nhìn thấy rõ vấn đề cơ bản trong việc giữ nước là lực lượng toàn dân, chưa quan tâm đến việc vận động dân chúng, chỉ lo thuyết phục triều đình mà chưa biết thuyết phục tầng lớp nho sĩ.

"Hai là để tỏ lòng tôn kính triều đình, ông đưa ra thuyết "vua quan mới là gốc của nước", và còn chứng minh bằng hệ tư tưởng Kinh thánh "Vua tuy bạo ngược, dân cũng không được ở hai lòng". Đây là điều bất cập về triết học và xã hội học của ông".

"Ba là trong quan điểm dân tộc và quan điểm ngoại giao, ông nêu ra một ẩn ý: "mất ở phía Đông thì lấy lại ở phía Tây" với lời giải thích: Nếu không thuyết phục được Xiêm giúp ta ly gián Anh với Pháp thì "nên cùng với Pháp đắp đê trút nước về bên Miên để tránh hoạn nạn cho ta, để trả thù vua Miên trước đây phụ ơn mà bỏ ta, và nhân đó mượn uy chiêu dụ các dân ở thượng du sông Khung, đợi khi nước Pháp có biến thì thừa thế mà chiếm lấy toàn bộ Cao Miên làm sào huyệt phía Nam cho ta". Đây là một hạn chế lịch sử: Trong thời đại ấy, yêu nước không hề loại trừ chủ nghĩa sô vanh nước lớn".

(Nguyễn Trường Tộ, thời thế và tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Sdd. Trang 100-101)

Ông Thanh Đạm phê phán Nguyễn Trường Tộ là một nhân vật ở thế kỷ 19, với ngôn ngữ và lý luận như một cán bộ tuyên truyền của thời kỳ kháng chiến chống Pháp vào cuối thế kỷ 20. Ông Thanh Đạm khéo dùng những ngôn ngữ "lực lượng toàn dân!", "vận động dân chúng", "yêu

*nước không hề loại trừ chủ nghĩa sô vanh!" Ông Hoàng Thanh Đạm là một cán bộ tuyên truyền tốt, nhưng ông ta không phải là một nhà phê bình lịch sử.*

**\* Trần Khuê**

*Trần Khuê thường ca ngợi Nguyễn Trường Tộ có "cái đầu biết suy nghĩ", nhưng ông khẳng định: "Nguyễn Trường Tộ có mặt mạnh và mặt yếu của mình (.....). Một trí tuệ tuyệt vời như ông mà vẫn hồn nhiên vận dụng kinh dịch để lý giải một cách lệch lạc nhiều hiện tượng xã hội, và có lúc ông đã vướng chân vào thuyết định mệnh. Ông cũng chẳng thấy hết được bản chất và những mưu mô thâm độc của kẻ thù ngoại xâm".*

*(Nguyễn Trường Tộ, thời thế và tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Sdd. Trang 98)*

**\* Trần Chung Ngọc**

*"Đọc những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ, tôi thấy rằng phần lớn kiến thức của ông là một loại kiến thức đặc thù Gia tô".*

*(Nguyễn Trường Tộ, thân thế và tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Sdd. Trang 107)*

**\* Trần Thanh Đạm**

Trong "lời giới thiệu" cuốn Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân của Bùi Kha, ông Trần Thanh Đạm, trước khi phê phán Nguyễn Trường Tộ, không quên ca ngợi: *"Đảng Cộng Sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới, trong*

đó có vấn đề nhìn lại quá khứ để nhìn đúng hiện tại và nhìn rõ tương lai".

Sau đây là những lời phê phán Nguyễn Trường Tộ của Trần Thanh Đạm:

== "*Về tác phẩm, sách trích tuyển hai bài văn nổi tiếng nhất của ông là "Thiên hạ đại thế luận" và "Tế cấp bát điều". Đọc kỹ hai bài văn ấy, nếu chăm chú thì cũng thấy những chỗ "bất cập" trong đó, ví như tầm nhìn quốc tế của ông còn rất sơ lược và thiên lệch, những kiến nghị của ông cũng còn nhiều điểm đáng nghi ngờ. Không nói cái "đại thế thiên hạ" của ông rõ rệt có ý đề cao các nước đế quốc phương Tây, xem như chúng hoành hành không chế thiên hạ, không gì ngăn cản được. Riêng trong "tám điều tế cấp" của ông lại có kiến nghị dùng chữ Hán đọc theo âm Việt để làm quốc ngữ, quốc văn. Tôi lấy làm lạ một người gọi là tân học tiên giác như ông mà lại không biết đến chữ Nôm và chữ Quốc Ngữ. Nhưng lại nghĩ rằng: Dù sao ông cũng là người thế kỷ XIX, không thể giống chúng ta ngày nay, dù sao như thế cũng đã là "đi trước thời đại" rồi.*

(Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân. Bùi Kha. Nxb Văn Học. 2011; Trang 8-9)

== "*..., toàn bộ các điều trần đó, ngoài những lời lẽ khoa trương, hoa mỹ (có người gọi là hào nhoáng và lừa dối), liệu có giá trị thực tế gì và tấm lòng yêu nước trong đó liệu có phải là thành thực hay đây là một thứ "quân trung từ mệnh" của Nguyễn Trường Tộ từ Bộ Tham mưu*

*quân xâm lăng gửi, để "dịch vận" thuyết hàng đối với Triều đình Đại Nam?"*

(*Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân*. Bùi Kha. Nxb Văn Học. 2011; Trang 15)

Ông Đạm nói: *"nhìn lại quá khứ để nhìn đúng hiện tại và nhìn rõ tương lai"*. Nhưng thực tế, có nhiều người nhìn lại quá khứ, nhưng không có đủ khả năng, không đủ kiến thức để nhìn đúng hiện tại, và nhìn rõ tương lai.

Ông Đạm tỏ ra rành rõi về vấn đề "dịch vận".

### **\* Văn Tân**

Văn Tân là đồng chí của sử gia Trần Huy Liệu phụ trách tạp chí Nghiên Cứu Lịch Sử. Trong bài báo chủ đề "Nguyễn Trường Tộ là một trong những nhân vật lịch sử cận đại Việt Nam mà ta cần đánh giá cho đúng mức". Phần đầu Văn Tân ca ngợi Nguyễn Trường Tộ, mà chúng tôi đã trích dẫn trong phần "lời khen", nhưng phần sau của bài báo này, Văn Tân lại phê phán các đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ là *"không xuất phát từ tình hình cụ thể của nước Việt Nam; ông ta đã quàng lòa về nền văn minh tư sản, muốn lập lại những cái mà ông thấy ở Pháp vào xã hội Việt Nam. Các đề nghị đó là không tưởng"*. (.....)

*"Giả sử các đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ được thi hành thì cũng không cứu được Việt Nam khỏi nguy cơ mất nước, mà trái lại chỉ tạo điều kiện cho bọn*



*thực dân xâm lược Pháp càng dễ dàng đánh chiếm nốt Bắc Kỳ và Trung Kỳ. (.....)*

*"Vấn đề chính của thời đại Nguyễn Trường Tộ không phải là vấn đề cải cách, mà là vấn đề tập hợp lực lượng dân tộc để đánh giặc cứu nước". (Xem Tạp chí Nghiên Cứu Lịch Sử, tháng 2 năm 1961, trang 19-31)*

*(Nguyễn Trường Tộ, thời thế và tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Sđd. Trang 64-65)*

**\* Vũ Ngự Chiêu, tiến sĩ sử học**

*"... Cuộc đời Nguyễn Trường Tộ phần lớn gồm những mẫu chuyện kể khó kiểm chứng... Điều có thể kiểm chứng là Nguyễn Trường Tộ từng theo hầu Giám mục Gauthier (tên Việt là Ngô Gia Hậu), người cai quản giáo phận Xã Đoài, tỉnh Nghệ An). Chi tiết thứ hai là Nguyễn Trường Tộ đã theo Gauthier lưu lạc qua Hồng Kông, rồi trở về Sài Gòn năm 1861 trên hạm đội của Charner."*

*(Nguyễn Trường Tộ. Bách khoa toàn thư; Wikipedia, 22/9/2017. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn\\_Trường\\_Tộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn_Trường_Tộ))*

Ông Tiến sĩ sử học Vũ Ngự Chiêu chưa bao giờ đọc 58 bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ gửi vua Tự Đức và Triều đình Huế; ông Tiến sĩ Chiêu cũng không biết việc Nguyễn Trường Tộ đã xây chũng viện thánh Phao Lô ở số 4, đường Tôn Đức Thắng, quận I, tp. Hồ Chí Minh và đào Kênh Sắt ở Nghệ An; v.v. . Biết bao nhiêu sự việc mà sử sách đã ghi nhận. Mong ông Tiến sĩ sử học Vũ Ngự Chiêu học hỏi và nghiên cứu thêm nhiều điều cần biết để trở thành một sử gia chân chính.

## **Lời khen**

### **\* Chương Thâu, giáo sư**

*"Cách đây 30 năm, khi mới về công tác tại khoa Sử học (.....), tôi được các giáo sư Trần Văn Giàu, Cao Xuân Huy hướng vào nghiên cứu Nguyễn Trường Tộ (...).*

*"Bắt tay vào việc: sưu tầm, đọc, dịch văn bản, tìm hiểu con người và cuộc đời của Nguyễn Trường Tộ, tôi ngày càng bị hấp dẫn bởi hệ thống những tư tưởng cải cách tiến bộ, và trên hết cả là tấm lòng thiết tha vì nước, vì dân của ông. Sau đó, để đánh dấu cho bước đầu nghiên cứu Nguyễn Trường Tộ, vào năm 1961, tôi và anh Đặng Huy Vận (nay đã qua đời) cộng tác với nhau viết chuyên luận. Những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ cuối thế kỷ XIX (Chương Thâu - Đặng Huy Vận, Nxb Hà Nội 1961) nhằm bổ sung cho giáo trình lịch sử cận đại Việt Nam".*

*(.....)*

*"Qua toàn bộ di thảo của Nguyễn Trường Tộ (Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo; Trương Bá Cần. Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh, 2002) được công bố lần này, những người làm công tác nghiên cứu khoa học, nhất là ngành khoa học xã hội như lịch sử, triết học, kinh tế học, xã hội học, ..... sẽ có thể khai thác, lấy ra rất nhiều vấn đề nghiên cứu. Bởi vì có thể nói, Nguyễn Trường Tộ đã đề cập đến hầu hết mọi vấn đề về xã hội, kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, ... như là một hệ thống các vấn*

đề cần phải cải cách đổi mới ở xã hội đương thời. Đặc biệt về đường lối xây dựng phát triển kinh tế, làm cho dân giàu nước mạnh, đối với Nguyễn Trường Tộ luôn luôn được coi là một vấn đề cốt tử nhất. Về đường lối chiến lược là khá toàn diện và sâu sắc. Về sách lược biện pháp thực hiện là cụ thể và rõ ràng. Về thái độ và tấm lòng thành của ông là vô cùng chân thành và cảm động. Ông đã kiên trì đề đạt những kiến nghị cải cách đó trong hơn mười năm ròng rã, đến mức độ khi bị bệnh phải nằm ngửa để viết tiếp các bản kiến nghị, ông vẫn không chán, không chùn. Vì như ông vẫn tự xác định: *Biết mà không nói là bất nhân, nói mà không nói hết là bất nghĩa*".

"..... Tấm lòng của Nguyễn Trường Tộ đối với sự nghiệp canh tân đất nước, vẫn là một hoa quý luôn hướng về mặt trời. Chính vì vậy mà cách đây đúng 80 năm, nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, khi viết cuốn *Việt Nam Quốc sử khảo*, xuất bản tại Nhật Bản năm 1908 đã nhận định rằng: Ông chính là người đã giống cái mầm khai hóa trước tiên ở nước ta.

(Phan Bội Châu: *Việt Nam Quốc sử khảo*. Chương Thâu dịch và chú thích; NXB Giáo dục Hà Nội, 1962)

(Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân. Bùi Kha. Nxb Văn Học. 2011; Trang 29 và 31-33)

#### \* **Đặng Huy Vận và Chương Thâu**

"Nguyễn Trường Tộ chưa đặt vấn đề thay đổi tập đoàn phong kiến thống trị đương thời, mà chỉ đề nghị nhà vua phải cai trị nước theo luật pháp: *"Điều thẳng lẽ công*

*phải công bố ra cho thiên hạ. Việc sai đúng phải cho mọi người bàn luận. Không được tự mình làm điều ác". Nguyễn Trường Tộ chỉ mới đề cập vấn đề phát triển lực lượng sản xuất mà chưa đụng đến vấn đề quan hệ sản xuất. Ông thường vạch cho Triều đình thấy nguy cơ mất nước nếu không canh tân. Những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ không thi hành được không phải vì nó là không tưởng, xa rời thực tế, mà chính là do bản chất phản động của nhà Nguyễn, là tội lỗi và trách nhiệm của giai cấp phong kiến trước lịch sử. Đành rằng khi nước nhà bị xâm lăng thì vấn đề cấp thiết là phải chống giặc, không thể đặt nhiệm vụ cải cách lên hàng đầu. Nhưng nếu không cải cách thì cũng không thể chống được giặc ngoại xâm".*

*(Nguyễn Trường Tộ, thời thế và tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Nxb Văn Nghệ; Tp. Hồ Chí Minh. 2001. Trang 65-66)*

Hai ông Đặng Huy Vận và Chương Thâu dùng ngôn ngữ và lập luận của một cán bộ lão thành: "*tập đoàn phong kiến thống trị*", "*phát triển lực lượng sản xuất*", "*quan hệ sản xuất*", "*bản chất phản động*", ..., mới nghe cũng vui tai, nhưng ông cán bộ nào cũng ăn nói giống nhau, nghe nhiều quá đâm ra nhàm tai.

**\* Hoàng Thanh Đạm**

*"... ý đồ xấu của các giám mục Pháp ủng hộ quân đội viễn chinh Pháp là có thật. Có điều là hai tác giả (Nguyễn Kha và Trần Chung Ngọc) không hiểu nổi cái nghịch cảnh của Nguyễn Trường Tộ là một giáo dân, sống trong cảnh đạo giáo của mình bị bài xích, giáo hữu và*

*cha cố mình bị triều đình truy bức, mà Nguyễn Trường Tộ không một lời oàn trách triều đình; trái lại ông nhận mình là "bề tôi nước Đại Nam"; một lòng một dạ bàn với triều đình tìm cách thoát khỏi thế bí trước một kẻ thù đang áp đảo mình về thế và lực".*

*"Nguyễn Trường Tộ tin ở đạo giáo của mình, nhưng ông đã vượt ra ngoài sự mê lú, cuồng tín để có được tư duy khoa học. Trong bài tựa sách "Đàm thiên luận", ông viết: "Phàm nhà khoa học thì bụng phải bao kết những việc xưa nay, mắt trông khắp trời đất, tinh thần chu du tận cõi xa xăm, tâm hồn thấu đến chỗ y huyền. Như thế mới suy xét mà tâm đắc được những gì sách vở không thể truyền hết, ý hội được những gì người xưa không thể nói hết (...). Trời tuy cao, đất tuy xa, nhưng đều có sự thực mà không chìm vào hư vô (...) Kẻ cao minh muốn nghiên cứu khoa học phải rộng lòng khảo cứu, dẹp bỏ hết những thành kiến tập quán cũ, không phân biệt giới vực, vận dụng hết thần trí, ôm vũ trụ vào lòng, nhắm mắt lại mà như thấy rõ ràng trước mắt (Xem Trương Bá Cần, sách đã dẫn, trang 417). Nhà thiên văn học Copernic (1473 - 1543) từng bị giáo hội Rôma khép tội vì phát kiến Trái Đất xoay quanh Mặt Trời, thì Nguyễn Trường Tộ lại ca ngợi: "Có thể nói khoa học phương Tây đạt đến chỗ tinh vi là do ông mở đầu mà ra" (Trương Bá Cần, Sđd, trang 418). Ông khuyên những ai có chí với dân tộc hãy nên tìm tới nghiên cứu trong môn khoa học (thiên văn) này để*

hiếu được đại cương những bí mật của Trời Đất" (Trương Bá Cẩn, *Sđd*, trang 422).

"Nguyễn Trường Tộ tuy được giám mục Gôchiê (Gauthier) đỡ đầu, nhưng phần lớn các bản điều trần của ông đều là ý kiến độc lập, và các hoạt động của ông cũng độc lập với giám mục. Ông nói rõ với triều đình giám mục có thể giúp việc gì và không thể giúp việc gì. Nhất là khi ông bàn các mưu kế đối phó với quân xâm lăng thì ông dặn triều đình không để cho giám mục biết. Như trường hợp tháng 8 năm 1866, Nguyễn Trường Tộ nảy ra sáng kiến liên hệ với một số quân binh Pháp vốn có mâu thuẫn với Tây soái De La Grandière là kẻ đang có âm mưu lập công thôn tính thêm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Ông đề nghị với triều đình để ông cùng với Nguyễn Hoàng gấp rút vào Sài Gòn vận động họ viết thư gửi cho các Đại học sĩ ở Tây triều gây dư luận ủng hộ ta, cương quyết không can thiệp vào nước ta. Về việc này ông đã dặn triều đình đừng để cho giám mục Gauthier biết". (Xem Trương Bá Cẩn. *Sđd*, trang 189).

"Là một tín đồ công giáo, Nguyễn Trường Tộ thành tâm nghĩ rằng có thể dùng giám mục vào việc giúp ta canh tạn đất nước như lập trường kỹ thuật, mở viện dục anh. Nhưng thâm tâm vẫn không muốn việc đạo giáo Việt Nam hoàn toàn lệ thuộc vào các giám mục Tây. Cho nên hồi 1866, khi chuẩn bị sang Pháp lo toan việc chuẩn bị mở trường kỹ thuật, ông đã trao đổi ý kiến riêng với Trần Tiễn Thành và Phạm Phú Thứ rằng "Các giáo sĩ Tây tuy

vốn vô tâm với thế sự, nhưng trong đó cũng có một hai người không yên phận lo việc đạo giáo, chỉ mưu đồ việc riêng", nên ông "muốn nhân lúc đi Tây mà xin với Giáo hoàng hãy rút giáo sĩ Pháp về, chỉ giao cho giáo sĩ nước ta trông nom hoàn toàn việc đạo giáo (...). Như thế không phải là phản đạo mà chính là bảo vệ đạo".

(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đàm. Nxb Văn Nghệ; Tp. Hồ Chí Minh. 2001. Trang 109-111)

(.....)

"Qua 58 bản di thảo của Nguyễn Trường Tộ, không hề có một từ, một ý nào khuyên triều đình đầu hàng. Chữ hòa của Nguyễn Trường Tộ trong Thiên hạ đại thế luận chỉ có nghĩa là tạm hòa, xuất phát từ tình hình thực tế trên chiến trường là sức ta quá yếu so với quân địch. Trong lịch sử chiến tranh, khi kẻ địch đang ở thế áp đảo mà ta phải tạm hòa là điều thông thường, dễ hiểu. Với Nguyễn Trường Tộ, tạm hòa là để "về sau sẽ khiến kẻ hiền tài vượt biển sang các nước lớn học cách đánh trận giữ thành, học tập trí xảo của thiên hạ, giao thiệp với họ, lâu dài mới biết lượng sức so tài, biết hết tình trạng của họ. Học cho tinh vi mới sinh kỹ xảo mới mạnh, bây giờ mới dưỡng uy sức nhuệ, đợi thời cơ hành động ..." (Xem Trương Bá Cần. Sđd, trang 111)

"Đọc kỹ các bản di thảo, chúng ta chỉ thấy Nguyễn Trường Tộ lo lắng cho đất nước, ngày đêm tính toán chuyện làm như thế nào để triều đình giữ được thế làm chủ, đặt quân Pháp ở thế làm khách mà thương lượng với

*chúng, có nhượng bộ nhưng là để tìm ra phương sách làm cho dân giàu nước mạnh về sau. Với Nguyễn Trường Tộ dân giàu nước mạnh mới là kế sách hàng đầu để giữ nước".*

*"Qua tất cả các bản điều trần mà Nguyễn Trường Tộ bàn về thời thế và sách lược đối phó với quân Pháp, chúng ta thấy rõ tinh thần yêu nước của ông có một quá trình biến chuyển càng ngày càng tích cực:*

*a) Năm 1861, Nguyễn Trường Tộ trao bài "Hòa từ" cho Nguyễn Bá Nghi bàn chuyện tạm hòa, ông chỉ nói ba điều: Một là khéo ngan chặn, đừng để họ tìm cơ sinh sự làm lan rộng ra. Hai là hãy thông thả sắp đặt đợi lúc họ sơ hở. Ba là để dân thư thái củng cố sức lực. Đến năm 1862, khi Phan Thanh Giản vào Sài Gòn đàm phán, ông trao cho sứ thần họ Phan hai câu thơ: "Khói lửa trời Nam rồi sẽ dứt, Phương Tây binh giáp tạm hùng thôi"; tỏ ý khuyên đừng sơ hãi trước uy thế quân thù (Trương Bá Cần. Sđd, trang 123)*

*b) Tháng 5 năm 1863, Nguyễn Trường Tộ viết di thảo "Trần tình", ông nói rõ thái độ của mình trước quân thù xâm lược: "Đối với những hạng người cho quân địch là lớn mạnh mà sợ thì tôi giận ra mặt mà bảo như thế là làm tăng trưởng nhuệ khí của người ta mà tự diệt uy phong của mình. Đối với hạng người cho chúng là giàu thì tôi mắng nhiếc rằng bọn chúng chỉ là thứ ăn mày đến cửa nhà ai cũng chúc tụng. Tôi lại đem những lợi hại của phương Tây xa xôi ra so sánh để thấy rằng chúng mạnh*



*chỉ là tạm thời mà dễ yếu, còn ta tuy yếu mà dễ mạnh được lâu dài. Xin cứ hỏi những người chung quanh sẽ biết tôi nói có đúng không (...) Tôi nghĩ rằng thời kỳ khôi phục nước nhà đã có xác chứng ở bốn bể, dự tính được trong tương lai". (Trương Bá Cần. Sđd, trang 123)*

*Như vậy là từ năm 1861 đến năm 1863 ý niệm về chủ hòa trong đầu óc Nguyễn Trường Tộ ngày càng rõ nét, hòa có đấu tranh, không hề có ý gì là đầu hàng.*

*c) Từ 1864 kế sách tạm hòa của Nguyễn Trường Tộ được bổ sung phong phú hơn: Tháng 3 năm đó ông được người Anh mời sang nước Anh dự Đại Hội Cách Trí. Ông coi đây là một cơ hội tốt để tố cáo quân Pháp xâm lược, gỡ thế bí cho đất nước. Trong bản điều trần "Kế hoạch duy trì hòa ước mới", ông viết: "Họ dòm ngó đất ta, cầu thành công trong vòng vài mươi năm, thì ta muốn trấn áp họ cũng phải cầu hiệu quả trong vài mươi năm (...) có điều là ta phải biết xử khéo, đừng để cho họ lan rộng ra (...). Muốn thế thì ta phải tìm được ngoại viện để phá mưu của họ .... (Nt, Sđd, trang 131)*

*d) Khoảng tháng 6, tháng 7 năm 1864, Nguyễn Trường Tộ viết bài "Lục lợi từ", nêu lên 6 điều lợi, khuyên triều đình vận dụng sách lược ngoại giao với các nước như Anh, Nga, v.v. ... để ngăn chặn, cô lập, ly gián, đề phòng, áp chế, tiến tới đánh lại quân xâm lược Pháp (Nt, trang 145-149). Đối với ý kiến này của Nguyễn Trường Tộ, tác giả Nguyễn Kha cho là vô ích, vì Anh đang có nhiều thuộc địa chưa khai thác hết, "cần gì phải xen vào*

*Việt Nam để đổ máu vô ích với Pháp (xem "Thực chất " trang 83). Công bằng mà xét, Nguyễn Trường Tộ đã nói lên sự thật về mâu thuẫn tiềm tàng Anh - Pháp, có từ đầu thế kỷ XIX, khi Anh cầm tù vua Na-po-lê-ông Bô-na-pac (Napoléon Bonaparte), và ngay giữa thế kỷ XIX Anh - Pháp vẫn có mâu thuẫn ở thị trường Ấn Độ và Canada. Lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước đế quốc thì thời nào cũng là thông minh. Kiến nghị của Nguyễn Trường Tộ là đầy thiện chí.*

*đ) Đến tháng 10 năm 1866, Nguyễn Trường Tộ phát hiện tình hình mới: Một mặt xâm lược Pháp đang lúng túng với phong trào kháng chiến ở Campuchia do Hoàng thân Xivôtha và Oucămbô phát động nhân dân đánh đuổi vua Nôrôdôm đầu hàng quân Pháp; mặt khác nội bộ bọn quan binh Pháp và bọn quan cai trị người Pháp ở Gia Định có mâu thuẫn; còn bọn người Pháp sang Sài Gòn buôn bán, kinh doanh thì đang thua lỗ: "Ở Gia Định mọi việc đều bế tắc" (xem Trương Bá Cần, Sđd, trang 201). Do đó ông phản ánh ngay với triều đình và bàn đến "Khả năng lấy lại 3 tỉnh miền Đông". (Di thảo 20).*

*"Cũng trong tháng 10 năm 1866, Nguyễn Trường Tộ viết "Kế hoạch vận động Pháp để giữ ba tỉnh miền Tây" (di thảo 21). Ông báo cho Triều đình biết ý đồ của Tây soái De La Grandière muốn chiếm luôn cả ba tỉnh miền Tây Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Do đó ông bàn với triều đình nên tìm cách liên lạc thẳng với chính phủ Pháp, khai thác mâu thuẫn giữa nhân dân Pháp, dư luận các*

*nhân sĩ Pháp với bọn thực dân xâm lược Pháp ở Việt Nam, mặt khác tranh thủ đặt quan hệ với Aubaret, một viên quan Pháp có mâu thuẫn với De La Grandiere để phá âm mưu bành trướng của Tây soái.*

*e) Thế rồi kế hoạch nói trên được thực hiện hay không thực hiện được, tháng 5 năm 1867 quân Pháp tiến lên chiếm trọn cả ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Thời gian này Nguyễn Trường Tộ đang có mặt ở pháp, lo toan việc mời thầy thuê thợ, mua sắm dụng cụ, sách vở để mở trường kỹ thuật cho đất nước. Ông thấy rõ tình thế đã rất nghiêm trọng, nên tháng 11 năm 1857, ông bàn với triều đình "xin gấp rút sửa đổi việc võ bị" (Trương Bá Cần, Sđd, trang 230-239). Đây là điều kiến nghị thứ nhất trong bản điều trần lớn "Bát điều tế cấp". Nếu như trước kia ông chỉ nghĩ đến kế sách ngoại giao để giữ nước, thì giờ đây ông đã nghĩ đến việc tăng cường võ bị, phải lo toan "Chế tạo vũ khí mới lạ", phải tích trữ vật liệu", v.v. ... . (Nt, trang 237).*

*g) Sau khi đã mất cả sáu tỉnh Nam Kỳ, triều đình cuống quýt lo toan cử người sang Pháp xin chuộc lại, thì Nguyễn Trường Tộ, trong di thảo số 36, ngày 7 thán 4 năm 1868, bàn với triều đình nên "bãi bỏ việc cử sứ bộ đi Pháp". (Nt, trang 303), ông khuyên nên tính kế lâu dài "dần nuôi dưỡng sức ta, dần đi giao thiệp, để đợi khi họ có loạn thì mới gây khó cho họ, mà khiến họ không dám muốn làm gì thì làm". (Nt, trang 307)*

*h) Thế rồi thời thế chuyển biến: năm 1870 nổ ra chiến tranh Pháp-Phổ. Pháp thua to, vua Pháp Louis Bonaparte bị bắt làm tù binh tháng 9 năm 1870, rồi nổ ra Cách Mạng Công Xã Paris tháng 3 năm 1871. Nguyễn Trường Tộ thấy rõ đây là một cơ hội rất tốt, phù hợp với điều ông dự đoán "cơ hội khôi phục phải sau 10 năm" (Nt, Sđd, trang 316). Từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1871, ông liên tục viết 7 bản điều trần liên quan đến kế sách khôi phục:*

*- Kế hoạch thu hồi 6 tỉnh Nam Kỳ (di thảo 39) ngày 1-2-1871;*

*- Bổ túc kế hoạch đánh úp thành Gia Định (di thảo 40) ngày 9-2-1871;*

*- Bàn về việc cho Pháp thông thương để đổi lấy 6 tỉnh (di thảo 42) ngày 5-4-1871;*

*- Kế hoạch vay tiền để dùng vào việc binh (di thảo 44) ngày 10-4-1871;*

*- Tình hình chính trị nước Pháp với Công Xã Paris (di thảo 49) tháng 5 năm 1871;*

*- Cần nắm vững tình hình chính trị nước Pháp (di thảo 50) cuối tháng 5 năm 1871;*

*- Chinh đốn quân đội và quốc phòng (di thảo 51) ngày 19-6-1871.*

*"Những kế hoạch Nguyễn Trường Tộ đề ra trong 7 bản điều trần kể trên cũng vẫn còn có một đôi điều bất cập, nhưng rất chân thành. (.....). Ông đã chuyển từ khuynh hướng chủ hòa sang chủ chiến ở mức độ thấp, kết*

*hợp thủ đoạn đánh úp với các hoạt động kinh tế, ngoại giao. Cũng không phải mọi kiến nghị của ông đều hoàn toàn sáng suốt cả. Ví dụ như kế hoạch sai người đi Hồng Kông gặp các khách buôn giàu xin họ cho vay tiền để mua một số đại pháo, mà lại hứa với họ "ngày sau sẽ cho bán nha phiến trong cả nước không đánh thuế" (Nt, Sđd, trang 317). Vay tiền mua súng là tốt, nhưng để cho họ bán ma túy tự do lại rất nguy hiểm. Ví dụ như chủ trường đánh úp thành Gia Định mà chỉ bàn chuyện khổ nhục kế, dương đông kích tây, phao tin này nọ, (.....).*

*"Tuy chưa có sự sáng suốt toàn diện, nhưng cái tâm của Nguyễn Trường Tộ là luôn luôn lo toan việc khôi phục một cách vô tư, với tinh thần tiếp cận khoa học. Chúng ta có thể phê bình điều hạn chế lịch sử của ông mà không thể phủ nhận lòng yêu nước chân thành, lao tâm khổ tứ của ông".*

*(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Nxb Văn Nghệ; Tp. Hồ Chí Minh. 2001. Trang 113-118)*

*(.....)*

Hoàng Thanh Đạm nhận định về những lời phê phán Nguyễn Trường Tộ của hai ông Nguyễn Kha, Trần Chung Ngọc:

*a/ Khi Nguyễn Trường Tộ nói đến bốn nguồn lợi của đất nước về biển cả, về rừng, về đất đai và khoáng sản thì Nguyễn Kha phán "Ai mà chẳng biết biển thì có cá, rừng có gỗ, đất trồng được dâu để nuôi tằm... ". Anh thất vọng*

vì Nguyễn Trường Tộ đã không đề ra được một phương pháp cụ thể để có được nhiều cá, nhiều muối, nhiều gỗ quý v.v. ...".

"Đây chỉ là một lời bắt bẻ vụn vặt. Làm sao trong một bản điều trần "Du tài tế cấp" chỉ mấy trang giấy mà nói được hết phương pháp cụ thể. Ai đã đọc các bản điều trần "Khai hoang từ" (di thảo số 8) và "bàn về chính sách nông nghiệp" (di thảo số 53) thì đều thấy rõ kế sách của Nguyễn Trường Tộ rất cụ thể, phát kiến của ông rất lỗi lạc.

b/ Khi Nguyễn Trường Tộ bàn về kế sách quân sự thì Nguyễn Kha đối chiếu các câu văn trong Tôn Ngô binh pháp và phê phán "Hầu như Nguyễn Trường Tộ lấy ý trong sách này, đã vậy ý của Nguyễn Trường Tộ còn kém xa". Trần Chung Ngọc cũng viết: "Những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ về quân sự không có gì đặc biệt, tựu trung chỉ là những hiểu biết sơ đẳng".

"Nếu đọc kỹ Nguyễn Trường Tộ, chúng ta sẽ thấy ông đã trình bày vấn đề quân sự rất xác đáng. Chẳng những vận dụng kiến thức trong các sách binh thời xưa, mà còn bàn nhiều chuyện ngoài binh thư, thiết thực với hoàn cảnh trận địa nước nhà thời bấy giờ. Nguyên một ý lớn của ông khuyên triều đình không nên trọng văn khinh võ đã là một điều sáng tạo lớn. Ông kiến nghị "hãy đem các sách binh thư xưa và nay ra xét lại, chỗ nào nghĩa lý

*không xác đáng, khí giới lỗi thời, kỹ thuật không hiệu quả, địa thế không cho phép, khí hậu không hợp (...) thì bỏ bớt, chỉ lựa lấy những cái hợp với ngày nay, liên quan đến tình thế nước ta, đưa ra thực nghiệm và soạn thành sách đưa ra học tập" (Trương Bá Cần, Sđđ, trang 233). Ông đề nghị việc xây dựng lực lượng vũ trang phải coi trọng người lính, quan tâm đào tạo cán bộ chỉ huy chuyên nghiệp, v.v. ... Trong lịch sử Việt Nam đã từng có ai bàn vấn đề quân sự thấu triệt như Nguyễn Trường Tộ chưa?*

*c/ Nguyễn Trường Tộ kiến nghị triều đình quan tâm việc đào kênh nhằm mục đích "cho ghe thuyền đi lại, giúp nhân dân đỡ tốn kém (.....), dẫn nước tưới ruộng phòng hạn". (Trương Bá Cần, sđđ, trang 256). Bàn về địa lý Bắc Kỳ, ông khuyên nên đào nhiều kinh trong các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nội, Ninh Bình, v.v... để phân tán thế nước, đề phòng lũ lụt ... (Tr. Bá Cần, sđđ, trang 263). Ông có đề ra một sáng kiến lớn, xuất phát từ mối lo nước ta "đường biển không an toàn vì nạn cướp biển và thường bị bão ...". Nhất là việc vận chuyển lương thực từ Bắc Kỳ vào Kinh đô Huế là rất thiết yếu lại rất tốn kém: "Một thạch lương thực đưa được đến kinh đô đã phải hao hút dọc đường mất năm sáu đấu, đó là chưa nói đến nhiều vụ bị chìm ghe, bị đánh cướp". Do đó ông đề nghị "Xin xem xét kỹ địa thế từ Hải Dương đến kinh đô, đào một con kênh lớn, có thể lưu thông được cả ghe lớn ghe nhỏ, thuyền quan, thuyền dân". (Nt, trang 280).*

"Kiến nghị táo bạo này bị Nguyễn Kha phê phán là "hết sức không tưởng và tai hại". Anh dẫn chứng về mọi sự tốn kém, không thể làm được vào thời điểm 130 năm trước đây và suy luận thêm: "Chưa nói đến tình trạng loạn Chạy vôì, chỉ mới đào hào để làm lăng tẩm cho vua mà dân chúng kinh thành đã nổi loạn, "Thành xây xương lính, hào đào máu dân". Nếu đào kinh như Nguyễn Trường Tộ chắc chắn dân chúng cả nước sẽ nổi lên chống triều đình".

"Yêu thì cái gì cũng tốt. Ghét thì cái gì cũng xấu. Đó là chuyện người đời. Trong lịch sử có bao nhiêu sáng kiến táo bạo đã từng bị phê phán. Cũng có loại sáng kiến táo bạo không thực hiện được, nhưng tư tưởng của người đề xuất thì đời sao vẫn ngợi ca. Nếu có được thái độ công bằng chắc rằng bạn Nguyễn Kha sẽ thấy rõ Nguyễn Trường Tộ thực tâm nghĩ đến lợi ích đất nước, và có đủ trình độ để chỉ đạo việc đào kinh, như ông đã hướng dẫn đào kinh Sát ở Nghệ An năm 1866. Và lại cũng cần phải biết việc Đoàn Trưng phát động khởi nghĩa chống vua Tự Đức làm Kim Lăng, không đồng dạng với cuộc nổi dậy chống đào kênh mà anh tưởng tượng ra. Xưa nay dân Việt Nam ta có bao giờ chống việc thủy lợi, đào kênh đắp đập lo toan đời sống con người đâu".

"Nguyễn Trường Tộ kiến nghị lập viện dục anh và viện tế bần thì Nguyễn Kha phản bác: "Hoặc vô tình, hoặc cố ý, nhà thông thái Nguyễn Trường Tộ đề nghị mỗi tỉnh lập một nhà nuôi trẻ do giám mục tình báo Gauthier



*cử người điều khiển là một kế hoạch vô cùng nguy hiểm, không những tạo thế hợp pháp cho các giám mục nước ngoài mà còn trải rộng mạng lưới tình báo khắp toàn quốc cho nước Pháp và Vatican để dễ dàng nhanh chóng thống trị và đồng hóa dân tộc ta". Trần Chung Ngọc cũng phụ họa: "Đặt giáo dục, cứu tế xã hội vào tay các giám mục là những đề nghị nguy hiểm, nếu thi hành thì Việt Nam sẽ mất hẳn nền văn hóa đặc thù của mình".*

*"Nếu ta nghiên cứu lại toàn văn điều kiến nghị thứ 8 trong Bạt điều tế cấp: "Lập viện dục anh và trại tế bần" thì sẽ thấy nhà đại trí họ Nguyễn đặt vấn đề này trên cơ sở phê phán một tình trạng lạc hậu của đất nước: "Hiện nay ở Trung Quốc cũng như nước ta thường kêu gọi quyên góp lập đàn công tế, hoặc đúc tượng Phật, hoặc lập bài vị thần, hoặc đúc chuông, sửa chùa, hoặc hội họp văn chương, hoặc làm đình làm mộ (...), ai quyên góp được nhiều thì bảo là háo thiện. Những việc ấy có gì mà háo thiện? Chỉ háo danh mà thôi Ngoài đường có người đói xin miếng cơm thừa canh cặn mà còn nhẫn tâm không cho. Gần nhà có trẻ mồ côi ngồi khóc bên vách mà nữ nhảm mắt bỏ đi (...). Tôi thấy hiện nay triều đình xuất công quỹ lập viện tế bần để nuôi người nghèo khổ, nhưng thừa hành không làm hết nhiệm vụ nên chỉ có danh nghĩa mà thực tế những người nghèo khổ không được giúp đỡ bao nhiêu (.....). Không bằng ở phương Tây, Hôi thánh thấu hết những người nghèo về nuôi, chữa bệnh. Người tàn tật thì có công việc tàn tật, không ai ở không (...).*

*Nhà nước cấm tuyệt không cho ai đi ăn xin, hễ gặp là bắt ngay, sung vào công dịch. Làm được thế người nghèo có nơi nương tựa, mà bọn côn đồ bất lương khó đường trốn tránh. Còn việc nuôi trẻ rất khó kiếm người, chỉ có những phụ nữ phương Tây tình nguyện vào ở trong viện với trẻ mới làm được việc và chắc chắn có hiệu quả tốt (...). Nếu triều đình cho rằng việc này nên làm thì sẽ nhờ các giám mục mời người đến, mở mỗi tỉnh một nhà nuôi trẻ, không bao lâu sẽ có kết quả ngay". (Trương Bá Cần, sđd, trang 257-276)*

*"Một kiến nghị thực tâm và thiện chí như thế bị anh Nguyễn Kha thêm vào mấy chữ "do giám mục tình báo Gauthier cử người điều khiển" lập tức biến hành một âm mưu hại nước. Còn anh Ngọc thì sợ "mất đặc thù văn hóa dân tộc". Phải chăng đặc thù văn hóa Việt Nam là không cần chăm sóc người nghèo và trẻ mồ côi? Ngay nay nước ta đang lập ra những làng SOS để chăm sóc các em bé không nơi nương tựa, trong đó có một số "bà sơ" nữ tu công giáo tham gia, phải chăng đó là điều hại?"*

*đ) Nguyễn Trường Tộ được vua Tự Đức cử sang Pháp thu xếp mở trường kỹ thuật, nhưng khi đã được vua cho chọn đất làm trường thì đành bỏ dở. Đọc tiểu sử Nguyễn Trường Tộ đến đoạn này, ai cũng lấy làm mừng, rồi lấy làm tiếc. Tiếc cho ông. Tiếc cho đất nước. Giá mà ngày ấy lập được trường kỹ thuật thì hay biết mấy!*

*"Nhưng Nguyễn Kha viết: "Triều đình Tự Đức quá tin tưởng giám mục Gauthier và Nguyễn Trường Tộ, trái*

lại hai vị này lừa dối triều đình có hậu ý (...), vì thầy giáo thì không có khả năng, giám mục thì là gián điệp. Anh chứng minh việc thầy giáo không có khả năng là: một ông thi đậu cử nhân văn chương mà nói là biết phép toán học, bản đồ và điện khí; một ông thì mới gia nhập Hội truyền giáo đi học khóa kiến trúc một năm mà nói là thạo về môn đồ bản và biết làm cột thu lôi... . Tất cả những chuyện này Trương Bá Cần đều viết rõ trong tác phẩm "Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo", và Nguyễn Kha đều sử dụng tư liệu của Trương Bá Cần, nhưng anh đã lờ đi đoạn văn quan trọng của Trương Bá Cần: "Triều đình Tự Đức lúc bấy giờ chỉ quan tâm tới việc làm sao lấy lại được 6 tỉnh Nam Kỳ đã mất vào tay Pháp. Việc dự án mở trường ở Huế không thành là do sự cản trở của Nguyễn Tri Phương và Võ Trọng Bình là hai vị quan cò thế lực trong triều đình (.....). Còn có cả một luồng dư luận khá rộng rãi trong triều đình cũng như ở các tỉnh tỏ ra dè dặt, lo sợ trước ảnh hưởng của các giáo sĩ Pháp (.....). Những ngày tháng 4 năm 1868 có một sự phản ứng rất dữ dội của các nho sĩ ở khắp nơi đối với người công giao (Trương Bá Cần, sđd, trang 51-53). Rõ ràng việc mở trường ở Huế không thành là do nguyên nhân thời thế chứ không phải do giám mục Gôchiê (Gauthier) và Nguyễn Trường Tộ là người đã cất công đi lo toan việc này trở mặt đánh lừa nhà vua bằng cách chọn thầy dạy học thiếu năng lực. Và lại có ai cấm một cử nhân văn chương mà có thêm hiểu biết về kỹ thuật, một linh mục học về kiến trúc một năm, mà có được khả năng dạy vẽ đồ bản và cách làm cột thu lôi.

*Lời buộc tội của hai bạn Nguyễn Kha và Trần Chung Ngọc thật là gượng ép".*

*(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Nxb Văn Nghệ; Tp. Hồ Chí Minh. 2001. Trang 118-123)*

Ông Hoàng Thanh Đạm có nhận định sâu sắc về những kế "hòa" của Nguyễn Trường Tộ:

*"Các đình thần trong nội các Tự Đức như Phan Thanh Giản, Nguyễn Bá Nghi, Trần Tiến Thành, v.v... chấp nhận đường lối chủ hòa, nhưng không hiểu nổi tinh thần của Nguyễn Trường Tộ là hòa trong tư thế làm chủ, đặt đối phương ở địa vị làm khách phải tôn trong chủ, để ra sức canh tân đất nước, tạo điều kiện giữ vững độc lập, chủ quyền".*

*(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Nxb Văn Nghệ; Tp. Hồ Chí Minh, 2001, trang 129)*

Hoàng Thanh Đạm ca ngợi Nguyễn Trường Tộ là người Việt Nam đầu tiên tiếp thu kiến thức về mặt khoa học và kỹ thuật của phương Tây:

*"Về mặt khoa học kỹ thuật, Nguyễn Trường Tộ là người Việt Nam đầu tiên tiếp thu kiến thức mới Tây Âu. Ông có thể giải thích một cách khái quát cho Triều đình nghe thế nào là quang học, cơ học, hóa học, cách chế tạo hạt nổ, cách đúc kim loại, v.v. . Về mặt thực hành, ông đã có thể thăm dò địa chất, đi tìm mỏ ở Hải Dương và Bắc Nghệ An, chỉ đạo đào kênh Sắt, chỉ huy thi công nhà thờ Thánh Phao Lô ở Sày Gòn và khu giáo đường, chủng viện ở Xã Đoài.*

*"Rất thỏa đáng khi ta nói rằng Nguyễn Trường Tộ là con người của thời thế giao lưu Đông Tây. Nếu không có sự tiếp xúc của giám mục Gochiê (Gauthier), nếu không đọc sách tân thư, không từng đi các nước Pháp, Italie, Hồng Kông, v.v... thì làm sao ông có được bề dày kiến thức chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học Tây phương như thế. Trí tuệ Nguyễn Trường Tộ là trí tuệ Đông Tây kết hợp. Trong người ông có cả một vị thâm nho và một nhà tân học phương Tây. Hoạt động thực tiễn của ông là hiện thân của giao lưu Việt-Pháp, khi ông buộc lòng phải làm người phiên dịch các công văn giao tiếp giữa Soái phủ Pháp ở Sài Gòn với Triều đình Huế; cũng như khi ông sang nước Pháp để lo việc mở trường kỹ thuật cho Việt Nam v.v... "*

(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Nxb Văn Nghệ; Tp. Hồ Chí Minh, 2001, trang 141)

Hoàng Thanh Đạm khẳng định Nguyễn Trường Tộ có tư duy vượt trên tầm thời đại:

*"Trong khi vua quan, sĩ phu và cả xã hội Việt Nam đang chìm đắm trong những khái niệm bảo thủ Nho giáo, thì Nguyễn Trường Tộ từ những kiến thức Nho giáo uyên thâm mà vọt lên tiếp thu những khái niệm văn minh về kinh tế, văn hóa, xã hội của phương Tây, và đề xuất hàng loạt khiến nghị cách tân để cải biến xã hội Việt Nam bảo thủ và lạc hậu".*

*"Qua 58 bài di thảo của ông nổi bật lên những luận văn rất uyên bác. Bài "Thiên hạ đại thế luận" là bản phân*

*tích tổng quát tình hình thế giới giữa thế kỷ XIX, mà người Việt Nam thời ấy chưa ai có được tầm nhìn như thế. Bài "Dụ tài tế cấp bấp từ" thể hiện một tư duy kinh tế toàn diện và phóng khoáng mà các nho sĩ đương thời chưa thể nghĩ tới. Bài đại luận "Bát điều bệ cấp" bộc lộ tài trí kinh bang tế thế lỗi lạc của ông".*

*"Trong khi triều đình chỉ biết trọng văn khinh võ thì Nguyễn Trường Tộ khuyên phải "cấp thời cải tu võ bị". Triều đình và nho sĩ say sưa với các giáo điều Không Mạnh thì Nguyễn Trường Tộ khuyên nên du nhập khoa học kỹ thuật phương Tây. Triều đình và nho sĩ nghĩ đến bệ quan tòa cảng để giữ nước thì Nguyễn Trường Tộ khuyên mở rộng giao lưu với các nước, mở cửa để giữ nước."*

*"Đọc Nguyễn Trường Tộ cách đây trên 120 năm mà ngày nay chúng ta vẫn thấy là mới. Khi nghe ông phân tích quan hệ xã hội một cách rành rọt: "Xét cho cùng nhà giàu mang ơn nước nặng hơn nhà nghèo. Trộm cướp nhòm ngó nhà giàu là chính. Tuần phu bảo an cũng giữ cho nhà giàu là chính. Nhà giàu ngày càng giàu một phần do vợ vét của dân, một phần nhờ quốc gia vun vén cho (.....). Vậy xin chia nhà giàu làm ba hạng: nhà đẹp và sang nhất đánh thuế 100 quan, hạng nhì 50 quan, hạng ba 20 quan mỗi năm". (Tế cấp bát điều)*

*"Đọc "Khai hoang từ" chúng ta ngạc nhiên nghe ông phân tích chính sách mở cửa kinh tế, mời các nước văn minh góp sức, góp vốn khai thác tài nguyên đất nước mình. Lập luận của ông tựa hồ như chính sách tô nhượng*

*của Lê Nin (Lénine, 1870-1924) đầu thế kỷ XX sau khi cách mạng tháng Mười Nga thành công và cũng giống như chính sách "khai phóng mở cửa" của Đặng Tiểu Bình sau khi sửa sai Đại Cách Mạng Văn Hóa Trung Quốc cuối thế kỷ XX".*

*"Độc Nguyễn TrườngTộ chúng ta ngạc nhiên nghe ông phân tích sự nghèo nàn lạc hậu của phương Đông so với phương Tây. "Các nước phương Đông tuy là ông tổ của trăm nghề, nhưng về sau chỉ mãi mê an nhàn vui thú không thích đổi mới; xưng hùng, xưng bá, tự mãn, tự túc, nghĩ rằng trong thiên hạ không ai bằng mình, chuyên chuộng lối hư văn phù phiếm, học lối xu phụ nịnh bợ (...). Khi người phương Tây đến thì coi họ như nhân vật kỳ quái, mà không biết rằng những cái khôn khéo của phương Tây là học tập, lượm lặt của mình rồi phát triển lên đó thôi. (Dụ tài tế cấp bầm từ)*

*"Chúng ta lại đi tới một ngạc nhiên khác khi nghe ông nói một lời dự báo lịch sử: "Không ngoài vài trăm năm nữa phương Đông sẽ nhờ học tập phương Tây mà đánh bại phương Tây, do mượn cái trí dững ngày càng già của họ mà thêm vào cái trí dững trẻ trung của ta, cả hai trí ấy nhập lại, địch với một trí, lẽ nào không thắng" (Dụ tài tế cấp bầm từ). Lời dự báo này như đang nhắc chúng ta vững tin vào lý tưởng cách mạng hiện đại, lý tưởng mới, trẻ của loài người, khéo léo sửa chữa những sai lầm bảo thủ, khéo học tập khoa học kỹ thuật, để đưa đất nước tiến lên trong thế kỷ XXI sôi động ngày nay".*

*"Nếu so sánh Nguyễn Trường Tộ với các nhà tư tưởng cách tân Việt Nam thế kỷ XIX như Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch, Bùi Viện, v.v.... thì thấy Nguyễn Trường Tộ vượt hẳn lên một bậc ở ba nét lớn: Một là ông nhìn thấy trước mọi người nguyên nhân của sự lạc hậu nghèo nàn và vạch đúng phương hướng để tiến lên. Hai là ông đề cập các vấn đề một cách toàn diện và thực dụng để sửa sang mọi mặt kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại giao, v.v... Ba là ông đưa ra lời dự báo khoa học, vạch cho ta thấy thắng lợi tất yếu, nếu áp dụng những điều kiến nghị của ông "thực hiện trăm năm cũng chưa hết", để chúng ta giữ vững lòng tin, giữ vững nguồn gốc, chứ đừng phản bội lại truyền thống vinh quang của dân tộc mình".*

*(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm. Nxb Văn Nghệ; Tp. Hồ Chí Minh, 2001, trang 161-163)*

Để kết luận phần *"Khám phá một nhân cách lớn trong lịch sử"*, Hoàng Thanh Đạm viết:

*"Nhân cách yêu nước bằng trí tuệ của Nguyễn Trường Tộ thể hiện trọn vẹn cho tới hơi thở cuối cùng. Đó là một con người yêu nước không hề đòi hỏi sự đền đáp, thậm chí không mang theo một chút oán trách, mặc dầu biết mình đang bị lãng quên, bị nghi ngờ và ruồng bỏ".*

*(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm; Sđd, trang 167)*

Hoàng Thanh Đạm ca ngợi tấm gương nhân cách của Nguyễn Trường Tộ:



"1) Thấy đất nước lâm nguy thì lo lắng hơn người, lo lắng sâu xa như lo cho chính bản thân mình. Ngay từ khi quân Pháp xâm phạm nước ta ở Đà Nẵng (1847-1848) ông (Nguyễn Trường Tộ) đã hết lòng lo lắng.

2) Đòi với bản thân thì luôn giữ gìn phẩm chất làm người, không ham tài sắc, không màng danh lợi, chỉ cốt trau dồi sở học, nâng cao bản lĩnh để góp phần giúp nước, giúp đời".

3) Khi đã tích lũy được kiến thức thì chỉ lo toan đem kiến thức của mình ra góp phần làm lợi cho nước, cho dân.

4) Khi phải tạm thời làm việc cho địch thì không đem tài ra giúp chúng mà chỉ làm cách ngầm giúp Triều đình ta.

5) Biết mình ở trong cảnh bị nghi ngờ, hiềm khích mà không hề oán trách, trái lại, thấy điều gì có lợi cho đất nước thì hết lòng bàn giải theo phương châm "Biết mà không nói là bất nhân, nói mà không nói hết là bất nghĩa".

6) Khi đã đề xuất một kế hoạch thì sẵn sàng xin được tự mình góp sức. Với kế hoạch nguy hiểm như "đánh úp thành Gia Định" ông xung phong làm khổ nhục kế.

7) Đã làm lợi cho nước thì nhất thiết không kể công. Ông tuyên bố với triều đình: một khi làm xong việc, quét sạch quân thù thì xin từ chức về vườn phụng dưỡng mẹ già, quyết không nhận tước lộc.

"Với nhân cách cao đẹp như thế, Nguyễn Trường Tộ để lại cho đời những dấu ấn trí tuệ hơn người. Trong lịch

*sử Việt Nam hiếm thấy những danh nhân văn hóa đã phát biểu nhiều nghị luận có trình độ kinh bang tế thế như Nguyễn Trường Tộ".*

*"Có thể nói Nguyễn Trường Tộ giữ một vị trí bản lề trong lịch sử tư tưởng Việt Nam:*

*- Với lịch sử tư tưởng kinh tế Việt Nam, ông là người mạnh dạn xin xóa bỏ chính sách bế quan tỏa cảng, thực hiện mở cửa kinh tế, khai thác khoa học, kỹ thuật nước ngoài để tiến lên dân giàu nước mạnh.*

*- Với lịch sử tư tưởng văn hóa và triết học Việt Nam, ông là người phê phán triệt để những mặt bảo thủ lạc hậu trong nho giáo, đề xuất tư tưởng học thực dụng, đưa khoa học hiện đại vào làm phong phú văn hóa, cách tân phong tục nước nhà.*

*- Với lịch sử tư tưởng ngoại giao Việt Nam, ông là người đặt ngoại giao trong mối quan hệ toàn cầu để suy tính lợi hại, thoát khỏi tầm nhìn hạn hẹp cố cựu của Triều đình. Ông còn là người am hiểu quy thức ngoại giao quốc tế hơn mọi người Việt Nam thời ấy.*

*- Với lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam, ông lên tiếng phản đối lễ thối trọng văn khinh võ, chủ trương xây dựng binh thư binh pháp Việt Nam theo hướng tham khảo kim cổ, đông tây, tiến lên hiện đại, và trước mắt phải xây dựng quốc thế về quân sự để kịp thời đối phó với quân thù.*

*"Có thể nói Nguyễn Trường Tộ là "người đầu tiên phát kiến" trong các lĩnh vực tư tưởng ... "*

(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm; Sđd, trang 240-241)

**\* Nguyễn Điều, Linh mục**

*"Chính linh mục Nguyễn Điều đã phản ánh với Tổng đốc Nghệ An (.....), quan tỉnh đã làm tờ trình lên Viện Cơ Mật ngày 26-4-1870 như sau: Có lần Nguyễn Trường Tộ nói với Ngô Gia Hậu (Giám mục Gauthier) rằng: người Tây tráo trở, ước cũ (1862) đã định rồi, người Tây tư ý bội ước, ép lấy thêm ba tỉnh Long, Giang, Hà, rồi lại đòi cải ước, nhượng gia. Như vậy chỉ làm lợi cho mình, không coi trọng tín nghĩa". (Trường Bá Cần, sđd, trang 477-478)*

(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm; Sđd, trang 25)

**\* Nguyễn Huệ Chi**

*"Các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ đã nói lên rất rõ tấm lòng yêu nước thiết tha của ông? Ông tin tưởng vào triển vọng canh tân của Nhật Bản, đặt hết hy vọng vào thế hệ trẻ được đào tạo bằng thực nghiệp có thể làm mạnh thế nước... Tuy chưa có ý thức thay thế chế phong kiến bằng một thể chế dân chủ, bởi tình thế đất nước chưa cho phép làm điều đó, nhưng tư tưởng của ông đã tiến rất gần các nhà tư tưởng tiến hóa luận của phương Tây. Có thể nói, ông đã gợi ra cho người lãnh đạo đất nước những cách nghĩ, cách nhìn cởi mở và táo bạo mà hàng thế kỷ về sau vẫn đáng để suy gẫm. Tóm lại, ông là một người có trí thông minh, nhìn xa thấy rộng, có khả năng ứng dụng vào thực tế vốn liếng trí thức uyên bác,*

*cũng như những điều mình sở đắc. Tiếc thay, ông lại "sinh không gặp thời", do đó ông đã không thực sự đóng một vai trò nào trong lịch sử, ngoài vai trò "làm chứng về tấm lòng của một con người, về vận hội của một đất nước."*

(Nguyễn Trường Tộ. Bách khoa toàn thư; Wikipedia, 22/9/2017. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn\\_Trường\\_Tộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn_Trường_Tộ))

**\* Nguyễn Hữu Tá**

*"... Ở tuổi 30, Nguyễn Trường Tộ đã có một vốn kiến thức rộng và sâu về phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật. Với tiềm lực chất xám rất quý như thế, nếu ông được dùng, được tạo điều kiện để hoạt động tình thế có thể sẽ rất khác. Bi kịch của Nguyễn Trường Tộ, ngẫm ra là một nghịch lý khó tin nhưng có thật. Yêu nước nhưng không được giúp nước vượt qua đại họa ngoại xâm; thực sự có tài năng xuất chúng nhưng vấp phải vật cản quá lớn - sự trì trệ bảo thủ, dị ứng với chủ trương duy tân, tự cường của triều đình Tự Đức và nghi ngờ dai dẳng của họ với những người tin theo Công giáo".*

*"Bi kịch lớn lao ấy bình thường ra có thể nhấn sâu những con người nặng lòng với đất nước vào tình trạng trầm cảm, u uất, bế tắc. Nhưng với Nguyễn Trường Tộ thì không. Ông đã bộc lộ một phẩm chất đáng tôn trọng: sự kiên trì nhẫn nại - nhẫn nại đến mức phi thường. Trong vòng mười năm (1861-1871), Nguyễn Trường Tộ liên tục gửi đến vua Tự Đức và triều đình Huế rất nhiều bản điều trần. Riêng lĩnh vực Trương Bá Cần đã tập hợp được 58 bản và công bố trong tập "Nguyễn Trường Tộ - con người*

và di thảo". Gửi mà không có hồi âm, nhưng lại tiếp tục gửi nữa. Đề tài không lập lại, nội dung hết sức phong phú đề cập đến hầu hết những vấn đề chiến lược ở tầm "quốc sách".

(Nguyễn Trường Tộ. Bách khoa toàn thư; Wikipedia, 2/9/2017. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn\\_Trường\\_Tộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn_Trường_Tộ))

\* **Nguyễn Lâm Từ Ngọc**

Trong cuốn Nguyễn Trường Tộ, xuất bản tại Huế năm 1941, Nguyễn Lâm viết:

*"Tấm lòng yêu nước thương nòi và chí cả quyết thay đổi mới của tiên sinh đáng để các bạn suy nghĩ. Một nước muốn chóng tiến cần phải có nhiều nhân tài. Nhưng nếu sau khi công thành danh toại, nhân tài chỉ mong ở một địa vị cao quý; được hưởng nhiều bổng lộc, để vinh thân phì gia, sống một cuộc đời trường giả (...) thì phỏng những nhân tài ấy có lợi ích gì cho xã hội, cho quốc gia? (...) . Một người như tiên sinh, đáng cả dân tộc tôn sùng, tượng đồng bia đá, kể cũng còn là ít. Thế mà ta có thể về chơi xã Bùi Chu, ta sẽ thấy một nắm mộ đất lè tè tiêu điều ở giữa Bãi Đá Mài hiu quạnh; ấy là chỗ nghỉ đời đời của một bậc vĩ nhân ..."*

(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm; Sđd, trang 50)

\* **Nguyễn Trọng Huật**

== *"Dở tập di văn của Nguyễn tiến sinh (Nguyễn Trường Tộ) ra mà đọc, thấy bao nhiêu là kiến thức mới về*

*cuộc đời; điều hòa được cả mới cũ, lựa hợp được cả Đông, Tây, đem đại cuộc của thiên hạ, tân trào của thế giới mà trung cáo, cảnh cấp cho thời cuộc, thức tỉnh cả quốc dân ...". Ông so sánh Nguyễn Trường Tộ với Phúc Trạch Du Cát ở Nhật bản, Khang Hữu Vi ở Trung Quốc "đều là ba nhà nho cũ mà tiếp tục được cái tinh vi của trào lưu Tây học". Ba người này "hoàn cảnh khác nhau, chủ trương khác nhau, mà sự nghiệp một thành một bại cũng không giống nhau vậy" (Xem tạp chí Nam Phong số 180 tháng 11 năm 1933)*

*(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm; Sđd, trang 47)*

*== "Viết cuốn sách nhỏ này về Nguyễn Trường Tộ tiên sinh, tôi không dám có cao vọng khảo cứu tường tận về học thức tài hoa, sự nghiệp của bậc vĩ nhân đệ nhất của nước Việt Nam. Một người như thế đáng cả quốc dân tôn sùng; tượng đồng bia đá, kể cũng còn ít ... ". (Xem tạp chí Nam Phong số 180 tháng 11 năm 1933).*

*(Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân. Bùi Kha. Nxb Văn Học. 2011. Trang 28)*

**\* Phan Bội Châu**

*"Ông (Nguyễn Trường Tộ) chính là người đã giởng cái mầm khai hóa trước tiên ở nước ta".*

*(Tư tưởng canh tân của Nguyễn Trường Tộ và cái học thực dụng. Linh mục Philiphê Trần Công Thuận. Nxb Từ Điển Bách Khoa; 2012;trang 57)*

Đoạn văn này trích trong cuốn "Việt Nam quốc sử khảo" của Phan Bộ Châu, viết bằng chữ Hán, xuất bản tại Nhật năm 1908; Linh lục Trần Công Thuận đã dịch ra tiếng Việt.

**\* Phan Ngọc**

*== "Con người Nguyễn Trường Tộ là hiện đại và tấm gương Nguyễn Trường Tộ là hình ảnh của con người nghị lực vô song, tin vào khoa học, vào khả năng hoán cải thực tế bằng trí tuệ bất chấp mọi thành kiến, mọi gian khổ, mọi trở lực. Ông chính là loại người phá công lệ cần thiết cho cuộc đổi mới trước mắt".*

(Lời tựa cuốn sách Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và tư duy cách tân của Hoàng Thanh Đạm, sdd, trang 8)

*== "Ông là người đầu tiên ở châu Á biết áp dụng một kiểu tư duy mới, hoàn toàn trái ngược với lối tư duy giáo điều chỉ để mình học một chân lý có sẵn và xong xuôi".*

(Lời tựa cuốn sách Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và tư duy cách tân của Hoàng Thanh Đạm, sdd, trang 9)

*== "Nguyễn Trường Tộ là người nêu lên chiến lược chủ hòa để đổi mới đất nước, giành lại chủ quyền, không phải để đầu hàng. Phải hòa để chờ thời cơ, và khi thời cơ đến thì phải quyết tâm chiến đấu. Thời cơ đã đến vào năm 1871, và Nguyễn Trường Tộ chứ không phải ai khác đề nghị đánh".*

(Lời tựa cuốn sách Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và tư duy cách tân của Hoàng Thanh Đạm, sdd, trang 12)

**\* Nguyễn Thế Uyên**

Nhà văn Nguyễn Thế Uyên nhận định về cuốn *Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo* của linh mục Trương Bá Cần:

*"Người đọc không khỏi ngậm ngùi. Ngậm ngùi vì hai lý do: Lý do thứ nhất là tư tưởng cải cách của Nguyễn Trường Tộ rộng lớn bao quát hơn chúng ta có thể tưởng; lý do thứ hai là tại sao vua quan Việt Nam thời Tự Đức lại không biết nghe theo Nguyễn Trường Tộ, không bổ nhiệm ông làm Thủ tướng toàn quyền thì cũng phải mời ông ngồi vô địa vị cố vấn khoa học kỹ thuật tối cao cho vua và triều đình".*

(Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo. Trương Bá Cần. Sđd, trang 66)

(*Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân*. Bùi Kha. Sđd, trang 34)

Nhà văn Thế Uyên sống vào cuối thế kỷ 20, đặt câu hỏi: Tại sao vua Tự Đức không bổ nhiệm Nguyễn Trường Tộ vào chức vụ Thủ tướng toàn quyền hoặc cố vấn kỹ thuật? Từ triều đình vua Đinh Thiên Hoàng đến triều đình vua Tự Đức, nước ta không có chức Thủ tướng toàn quyền, cũng không có chức Cố vấn khoa học kỹ thuật ! Sở dĩ vua Tự Đức lúc đầu chưa tín nhiệm Nguyễn Trường Tộ vì nhiều lý do:

- các giáo sĩ và giáo dân các tỉnh Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Bình, ... theo quân đội Pháp đánh chiếm Đà Nẵng; lúc bấy giờ Nguyễn Trường Tộ theo giám mục Gauthier ra Đà Nẵng theo quân đội Pháp.



- hàng trăm giáo dân theo Lê Văn Khôi đánh chiếm tỉnh Gia Định (1833-1835) chống lại triều đình Huế.

- dựa vào thế lực quân đội Pháp, giáo dân đốt phá các làng không Công giáo (theo lời Trương Vĩnh Ký).

- Nguyễn Trường Tộ theo đạo Công giáo, mà giáo dân lúc bấy giờ đa số có cảm tình với Pháp vì người Pháp đã rước Chúa vào lòng họ.

- giáo dân không có cảm tình với triều đình Tự Đức vì triều đình Tự Đức ra lệnh cấm đạo.

Tất cả các sự việc trên là lý do vua Tự Đức nghi ngờ Nguyễn Trường Tộ. Nhưng sau một thời gian, vua Tự Đức đã nhận thức được rằng Nguyễn Trường Tộ là người công giáo nhưng nhiệt tình yêu nước. Từ đấy vua đã tin cậy và nghe theo lời điều trần của Nguyễn Trường Tộ.

### \* **Trần Bạch Đằng**

*"..... khi tôi đọc bản thảo, vụ "phong thánh" ít nhiều quấy rối tâm tư tôi. Theo ý riêng - hoàn toàn ý riêng - Nguyễn Trường Tộ đáng được phong thánh theo cái nghĩa cả thế tục lẫn tôn giáo. Nếu quả con người có linh hồn và linh hồn vẫn tồn tại khi trái tim con người ngưng đập, thì Nguyễn Trường Tộ hiện đang ở cạnh Chúa, với vị trí cao, rất cao".*

(.....)

*"..... Nếu Nguyễn Trường Tộ là một người lương, cái di thảo của ông vẫn đặc biệt như Nguyễn Lô Trạch, nhưng Nguyễn Trường Tộ là tin đồ đạo Thiên Chúa, các "điều trần" của ông càng tôn vinh ông. Tôi không đi vào*

*khía cạnh "đổi mới tư duy" mà ông ( Nguyễn Trường Tộ) kiên trì, tôi chỉ muốn nhấn mạnh những kiến nghị vì lợi ích của đất nước mà với tư cách một tín đồ đạo Công giáo đang bị Triều đình ngược đãi, dân chúng nghi kỵ, ông không ngần ngại trình bày, hy vọng nhà vua đảo ngược th ế cờ, chuyển nguy thành an, chuyển yếu thành mạnh, chuyển lạc hậu thành tiên tiến cho cả quốc gia, bấy giờ, đứng trước khả năng sụp đổ không phải khó thấy.*

*"Nguyễn Trường Tô là một trí thức - theo nghĩa gần với hiện đại. Phân tích kỹ các "điều trần", chúng ta dễ dàng phát hiện tính "không tưởng" ở một số chủ trương của Nguyễn Trường Tô - Ông nóng vội và nhất là ông không biết cơ chế của triều đình Tự Đức không bao giờ cho phép suy nghĩ của ông trở thành hiện thực, bởi chúng đung vào bức tường lạc hậu kinh khủng về học vấn, về khoa học, sự mù mẫm trong đầu các quan lại cao cấp, kể cả đáng chí tôn - nhưng ông vẫn không mệt mỏi. Tấm lòng yêu nước thúc đẩy ông. Ta quý Nguyễn Trường Tô ở chỗ đó... ."*

(Trích trong "lời tựa" cuốn sách *Nguyễn Trường Tô - Con người và di thảo*. Trương Bá Cần. Nhà xuất bản tp. Hồ Chí Minh; 2002. Trần Bạch Đằng viết "Lời tựa" cho cuốn sách này)

Trần Bạch Đằng nghĩ: *"..... triều đình Tự Đức không bao giờ cho phép suy nghĩ của ông (Nguyễn Trường Tô) trở thành hiện thực.. "*. Điều này không đúng, vì lúc đầu vua Tự Đức và Triều đình Huế chưa biết rõ lai lịch Nguyễn Trường Tô, nhưng về sau vua Tự Đức đã tiếp xúc với ông ta tại cung Tả Vu trong Thành Nội - Huế và tin

cậy lòng yêu nước của Nguyễn Trường Tộ. Vua Tự Đức đã giao cho Nguyễn Trường Tộ lo việc thành lập trường kỹ thuật ở Kim Long và lo kế hoạch đánh úp thành Gia Định.

**\* Trần Công Thuận, linh mục**

*"Nguyễn Trường Tộ bắt đầu thảo những bản điều trần sau khi đã dày công học hỏi, nghiên cứu, phân tích các vấn đề thật nghiêm túc. Ông hấp thụ được hai nền học vấn phương Đông và phương Tây. Nhờ đó tư tưởng của ông giữ được tư thế cân bằng không sa vào lối thiển cận, bảo thủ kiểu hủ Nho và cũng không vương vào tính cách sùng bái văn minh phương Tây quá đáng. Ông trình bày mọi vấn đề một cách hợp lý khoa học".*

*(Tư tưởng cách tân của Nguyễn Trường Tộ và cái học thực dụng. Linh mục Philipê Trần Công Thuận. Nxb Từ Điển Bách Khoa, 2012, trang 98)*

**\* Trần Khuê**

*"Tiếc rằng trong thời kỳ ấy ở nước ta đã có cái đầu Nguyễn Trường Tộ biết nghĩ, nhưng không có cái tai Tự Đức biết nghe. Bi kịch dân tộc bắt đầu diễn ra từ đây".*

*(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm; Sđd, trang 101)*

Sự thật không phải vì cái đầu Nguyễn Trường Tộ và cái tai Tự Đức mà "Bi kịch dân tộc bắt đầu diễn ra từ đây" như Trần Khuê nói, mà chính là do Đế quốc Pháp đang trên đà bành trướng thuộc địa trên khắp thế giới.

**\* Trần Văn Hà**

== "Năm 1941, học sinh trường Bưởi có phong trào tổ chức học dã ngoại (Section excursion - touriste, gọi tắt là SET). Các ban tổ chức thành từng đội, lấy tên các anh hùng dân tộc làm biểu tượng. Trong đó có một đội tên là Đội Nguyễn Trường Tộ ...).

(.....)

Năm 2001, Trần Văn Hà kể rằng:

== "Hồi ấy chúng tôi thuộc lớp đàn anh trong trường, đều trên 20 tuổi, chuẩn bị thi Tú Tài. Chúng tôi xin được mang tên Nguyễn Trường Tộ vì thấy ông tiêu biểu cho lòng yêu nước nồng nàn, quyết tâm thực hiện lý tưởng canh tân đất nước. Ông vừa có chí lớn, vừa thông minh tuyệt vời, vừa có nghị lực phi thường, thật là phù hợp với ước vọng của chúng tôi hồi đó, sắp lên Đại học, sắp bước vào đời, muốn làm được cái gì để đổi mới đất nước đang bị áp bức, lạc hậu chìm đắm trong bao nỗi khó khăn".

(Xem Nguyễn Trường Tộ với vấn đề canh tân đất nước. Trung Tâm Hán Nôm, xuất bản năm 1992; trang 350)

(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm; Sđd, trang 48-49)

== "Vua Tự Đức và Triều đình đã thất bại trong việc không biết dùng Nguyễn Trường Tộ, không biết phát huy cái tâm thành, cái trí dũng, cái thông minh sáng suốt phi thường của Nguyễn Trường Tộ, để đến nỗi mất nước (...)  
Thủ phạm chính là tư tưởng bảo thủ, hủ nho, tự mãn, do

*dự, nhu nhược, vô trách nhiệm, đã dốt lại không chịu nghe, không biết dùng người hiền tài ... "*

*(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm; Sdd, trang 101)*

Ông Trần Văn Hà **thiển cận** chỉ biết nhìn một mặt để phê phán, buộc tội vua Tự Đức và Triều đình Huế. Ông Hà không nhìn thấy nguyên nhân chính là thực dân Pháp quyết tâm thôn tính Việt Nam, và tình trạng lạc hậu, bảo thủ của toàn dân Việt Nam lúc bấy giờ.

### **\* Văn Tân**

*== "Một nhân vật yêu nước, muốn cho dân giàu nước mạnh, một nhân vật phong kiến khai minh".*

*(Tư tưởng cách tân của Nguyễn Trường Tộ và cái học thực dụng. Sdd, trang 60)*

*== "Nguyễn Trường Tộ là một trong những nhân vật lịch sử cận đại Việt Nam mà ta cần đánh giá cho đúng mức" (...) "Đối với Nguyễn Trường Tộ từ trước tới nay chúng ta thường có khuynh hướng đề cao (...) như Nguyễn Lân đã coi Nguyễn Trường Tộ là vĩ nhân đệ nhất nước Nam, đáng cả quốc dân tôn sùng, tượng đồng bia đá".*

*(.....)*

*"Chúng ta thấy Nguyễn Trường Tộ "muốn đưa nước Việt Nam vào con đường tư sản hóa như các nước Tây Âu. Như vậy Nguyễn Trường Tộ là một nhà yêu nước đã tốn nhiều công sức hô hào triều đình nhà Nguyễn sớm duy tân tự cường".*

(Nguyễn Trường Tộ - Thời thế và Tư duy cách tân. Hoàng Thanh Đạm; Sđd, trang 64)

**\* Văn Tao**

*"..... còn về danh giá Nguyễn Trường Tộ, trước sau như một, tôi vẫn coi ông là một nhà yêu nước tiến bộ, có xu hướng canh tân".*

(Tư tưởng cách tân của Nguyễn Trường Tộ và cái học thực dụng. Sđd, trang 61)

==== o O o =====

## **Cảm nghĩ**

Năm 1804, Hoàng Đế Napoléon III nói:

*"Ta có ý định lập lại Hội truyền giáo nước ngoài; những giáo sĩ ấy rất có ích cho ta ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ. Ta sẽ cử họ đi điều tra tình hình các xứ. Tấm áo đạo của họ dùng để che chở họ và để ẩn dấu các mưu đồ chính trị và thương mại. Phí tổn cho họ ít thôi, họ sẽ được những người đã man kính trọng và vì họ không có vẻ gì chính thức nên không gây ra các điều phiền phức cho Chính phủ. Tính miễn cán tôn giáo sẽ làm cho họ thi hành*

*tốt mọi công việc và coi thường nguy hiểm, vượt trên mọi viên chức dân sự thông thường".*

(J.Canale, *Afrique Noire*, Ed. Sociales, Paris 1958, P. 120. Thế kỷ XXI nhìn về Trương Vĩnh Ký. Trang 81. Tạp chí Xưa và Nay. Nxb Văn Hóa Sài Gòn. 4/2006)

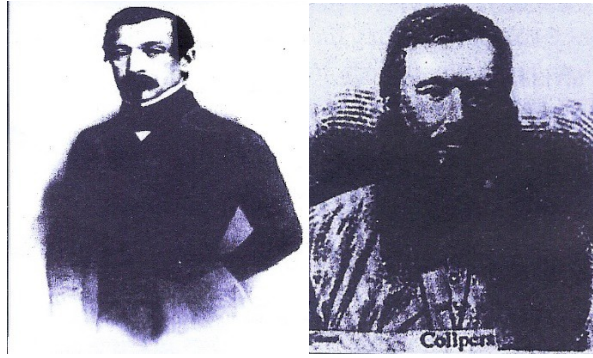
Hoàng đế Napoléon III muốn hợp tác hành động với Thiên Chúa giáo La Mã là *"để ấn dấu các mưu đồ chính trị và thương mại"*.

Giám mục Puginier quyết đoán rằng:

*"Có hai công cụ đặc biệt có thể làm thay đổi một dân tộc: đó là tôn giáo và ngôn ngữ. Nếu chính phủ Pháp hiểu rõ những lợi ích thực sự của mình thì họ phải ủng hộ việc truyền bá Phúc Âm (la prédication de l'Évangile) và giáo dục ngôn ngữ của chúng ta. Tôi xin khẳng định rằng, trước thời hạn 20 năm, chẳng cần cưỡng bức ai, xứ sở này (Việt Nam) sẽ được Ki-tô hóa và Pháp hóa"*.

(E.Louvet, *Vie de Mgr Puginier, Hanoi, 1894, P.374*)

Hoàng đế Napoléon III và giám mục Puginier rất thông minh đã nghĩ ra cách hợp tác hành động có lợi cho cả đôi bên. Từ đây, dân tộc Đại Nam phải gánh chịu dưới sức tàn phá lãnh thổ và tâm linh của hai thế lực quốc tế.



Louis-Napoléon Bonaparte, Giám mục Puginier

Da số giáo dân lúc bấy giờ theo quân đội viễn chinh Pháp; khác hẳn những người công giáo đó, Nguyễn Trường Tộ là người công giáo có tinh thần dân tộc, ông giúp vua cứu nước chống lại thực dân Pháp.

Trong 58 bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ gửi cho vua Tự Đức và Triều đình Huế có hai điểm nổi bật; đó là "căn bệnh thật thà" và "tinh thần yêu nước".

Nguyễn Trường Tộ thật thà ca ngợi quân đội viễn chinh Pháp và chính phủ Pháp mà không nghĩ đến quân đội triều đình Huế do Nguyễn Tri Phương lãnh đạo, với vũ khí thô sơ thua kém, đã can đảm ra sức chặn đứng đà tiến quân của quân Pháp; Nguyễn Trường Tộ cũng không quan tâm đến các vị anh hùng như Trương Định (1820-1864), Võ Duy Dương (1827-1866), Nguyễn Hữu Huân (1830-1875), Nguyễn Trung Trực (1838-1868), v.v. đã hy sinh tính mạng cho Tổ Quốc. Các quan triều đình Huế như Tổng đốc Vũ Duy Ninh và Án sát Lê Từ cùng tuân tiết ở ngoại ô Gia Định năm 1859; v.v..... Nguyễn Trường Tộ



cũng không bận tâm suy nghĩ về những vị anh hùng dân tộc đó.

Một điểm thật thà nữa là trong các bài điều trần Nguyễn Trường Tộ thường xen lẫn nhiều lời ca ngợi đấng Tao Vật (Chúa Trời):

- "*Chúa dùng nhiều tai biến để răn đe, nên mới có những sự chênh lệch không đồng đều*".

- "*Tạo vật đã từng vì tội của vua quan mà trừng phạt dân ở đời này*" (!!!)

- "*Chúa cũng đặc biệt mượn vua quan làm roi vọt để thay Chúa mà trách phạt*".

- "*Đạo Công giáo cũng tôn trọng tinh thần trung quân ái quốc và coi vua là cao cả nhất. Vua là thiên tử, tức là con Trời*".

(Di thảo số 13)

- "*Tạo vật sinh ra đất đai là cốt để cho cả loài người hưởng dụng, chứ không phải cho một người chiếm lấy làm của riêng*".

- "*Tạo vật là đấng nhân ái, công bằng*".

- "*Hãy xem Yên vương nước Từ vì nghĩa mà bị diệt; Tử Khoái nước Yên học bắt chước vua Nghiêu mà bị mất; Ai Công nước Lỗ ham **đạo Nho** mà bị suy nhược; vua nước Đại ham theo đạo Mặc mà bị tàn tạ*".

(Di thảo số 5)

- "*Tạo vật đã định như vậy, sao cưỡng được*".

(Di thảo số 1)

Việc truyền bá tư tưởng Thánh kinh là một việc làm thường tình của một giáo dân tốt, nhưng Nguyễn Trường Tộ đã quá thật thà gửi những lời ca ngợi Thiên Chúa cho vua Tự Đức và các quan trong Triều đình Huế là những người tôn sùng tam giáo: Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo.

Đấy là hai căn "*bệnh thật thà*" của Nguyễn Trường Tộ. Dân ta có câu "*Thật thà là cha đại*".

Nếu bỏ qua căn "*bệnh thật thà*" của Nguyễn Trường Tộ, mà chỉ nghiên cứu 58 bản điều trần của ông thì thấy Nguyễn Trường Tộ thật tình muốn canh tân đất nước và giúp Triều đình Tự Đức chống lại thực dân Pháp.

Năm 1870, quân đội Pháp bị quân đội Đức đánh bại. Tại Paris, thủ đô nước Pháp, phong trào Công Xã bùng nổ, lật đổ Hoàng đế Napoléon III, thành lập Đế Tam Cộng Hòa. Nội tình nước Pháp vô cùng rối ren. Lợi dụng thời cơ, Nguyễn Trường Tộ đã dâng lên Triều đình Tự Đức kế hoạch đánh úp Gia Định. Việc thành hay bại là do nhiều yếu tố, nhưng những lời khuyên của ông chứng tỏ Nguyễn Trường Tộ là người Công giáo nhiệt tình yêu nước.

Ngày 9 tháng 2 năm 1871, Nguyễn Trường Tộ gửi lên Triều đình Huế tập "*Bổ túc kế hoạch đánh úp Gia Định*". Chưa đầy 10 tháng sau, vào ngày 22 tháng 11 năm 1871, Nguyễn Trường Tộ qua đời; ông bị đầu độc!

Ai là thủ phạm sát hại nhà ái quốc Nguyễn Trường Tộ?

- Giáo dân ?
- Thực dân Pháp ?

- hay Triều đình Tự Đức ?

\*

Nguyễn Trường Tộ là người công giáo trí thức, có tinh thần yêu nước, thương dân. Ông hết lòng giúp vua, cứu nước.

Trước năm 1975, để tỏ lòng tôn kính nhà ái quốc Nguyễn Trường Tộ, ở miền Nam Việt Nam có nhiều trường học và nhiều con đường mang tên Nguyễn Trường Tộ.

=====